Nikon

SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

DIGITAL CAMERA

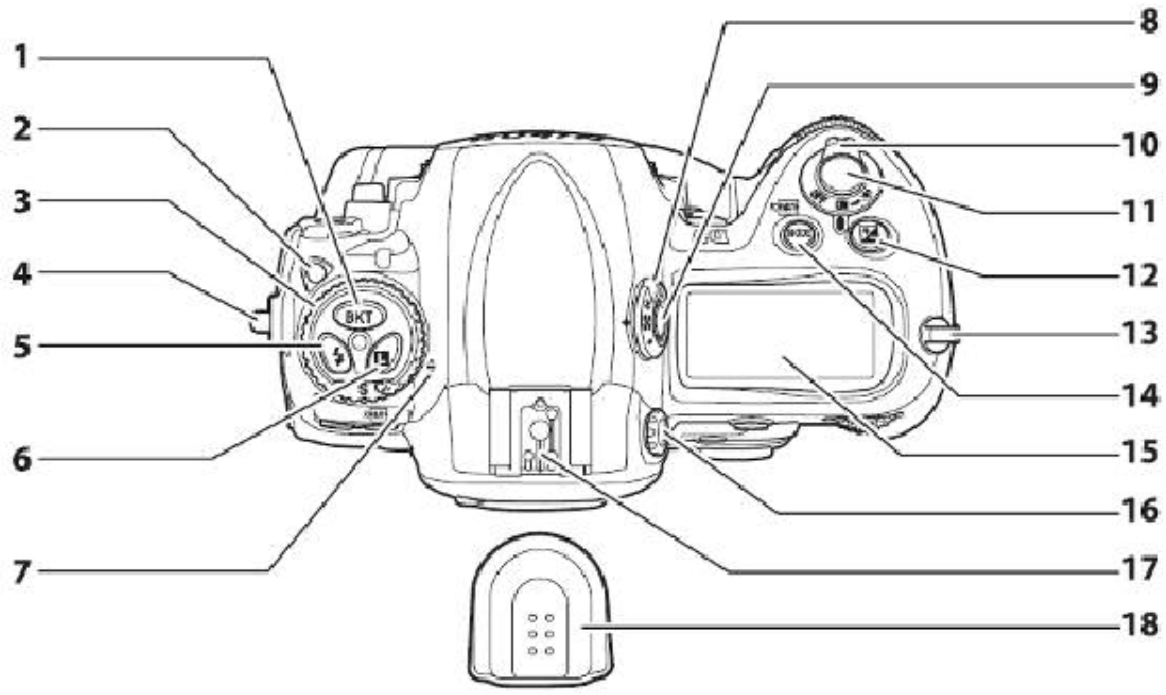
D3



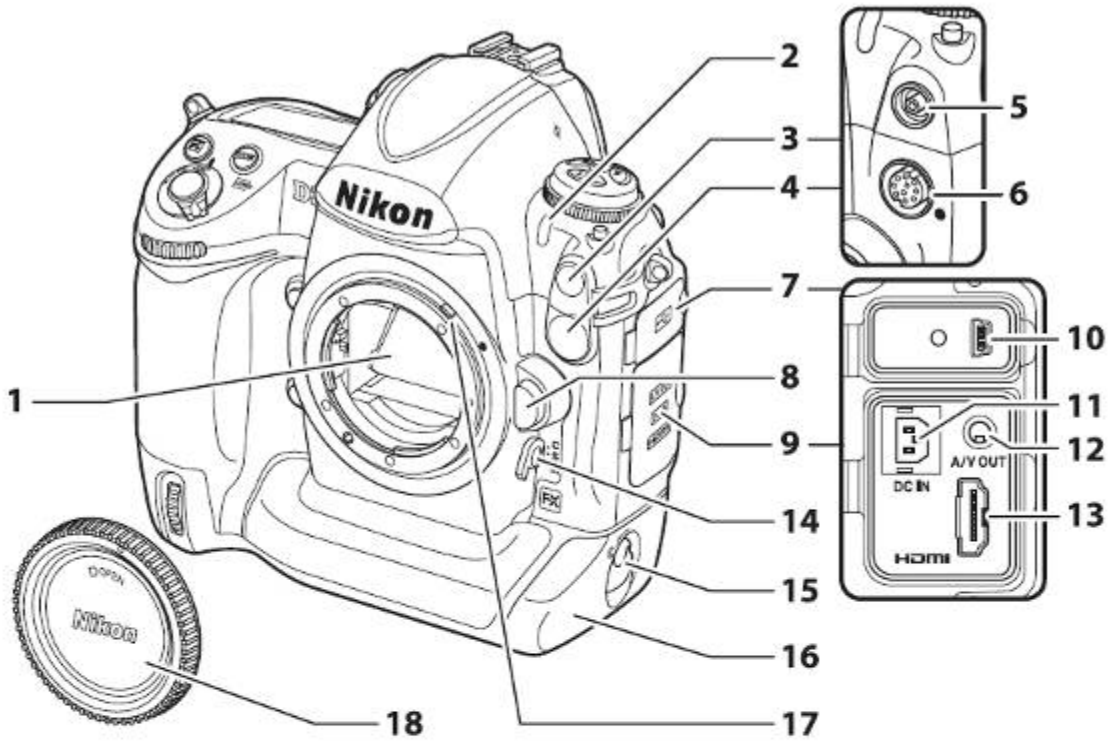
VN

CHƯƠNG I

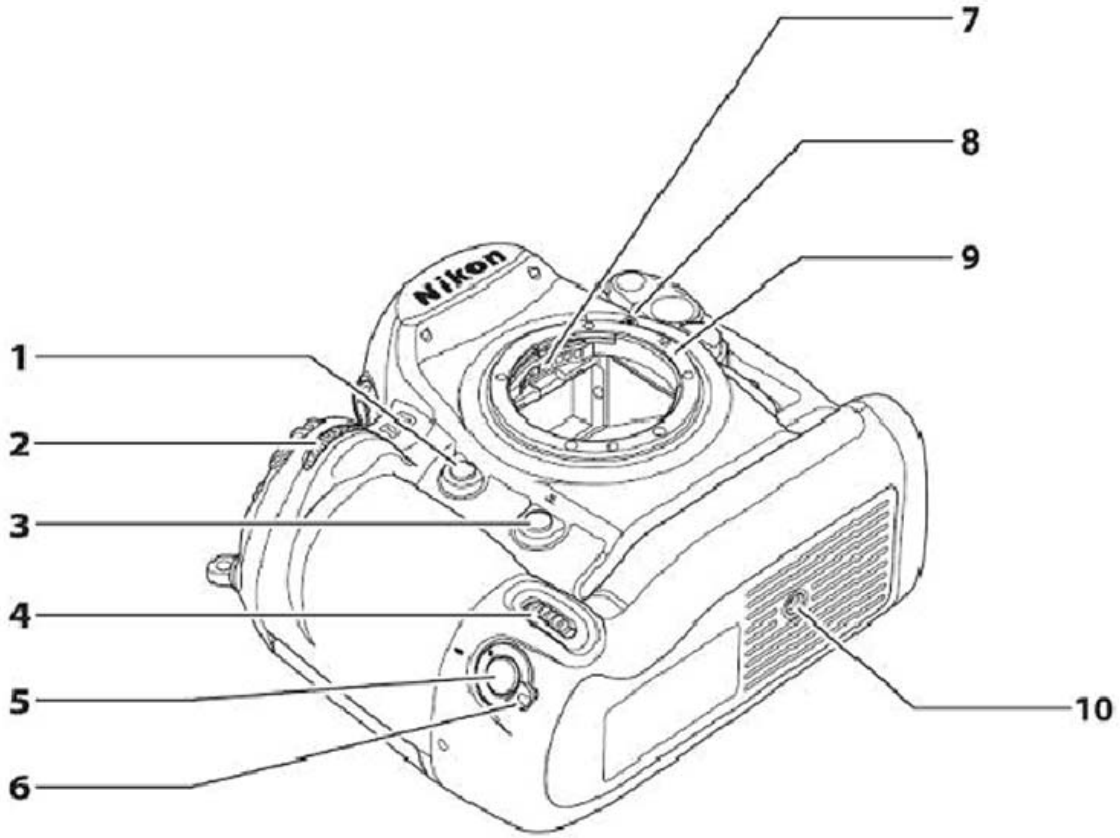
THÂN MÁY



1 **BKT** (bracketing)
nút đặt chụp tăng **giảm** sáng
2 Nút khóa dĩa các chức năng chụp
3 Dĩa đặt các chức năng chụp
4 Gắn dây đeo máy
5 ϟ (flash mode) Đặt chế độ Flash
6 Nút khóa tốc độ và Khẩu độ
7 Dấu báo điểm giới hạn tiêu cự .
8 Chọn đo sáng
9 Khóa chế độ đo sáng đã chọn
10 Công tắc nguồn
11 Nút chụp
12 (exposure compensation)
Nút đặt bù trừ sáng
13 Gắn dây đeo máy
14 **MODE** (exposure mode)
Chọn các chế độ chụp
(format) Nút format
15 Bảng điều khiển
16 Điều chỉnh độ cận của mắt
17 Đế gắn đèn Flash hay slave
18 Nắp che đế gắn đèn Flash



1 Gương phản chiếu
2 Đèn báo self-time
3 Nắp che cổng dây đồng bộ Flash
4 Nắp che cổng gắn Remote
5 Cổng gắn dây đồng bộ Flash
6 Cổng gắn dây Remote
7 Nắp che cổng USB
8 Nút tháo Ống kính
9 Nắp che các cổng nối kết
10 Cổng nối kết USB
11 Cổng tiếp điện DC của adapter EH-6 điện AC (mua riêng)
12 Cổng nối âm thanh và hình ảnh (A/V)
13 Cổng nối HDMI
14 Cần chọn chế độ lấy nét
15 Chốt khóa nắp hộc Pin
16 Nắp che hộc Pin
17 Mức kết nối hệ thống đo sáng
18 Nắp đậy miệng ống kính



1 Nút xem trước chiều sâu ảnh

2 Dĩa điều khiển phụ

3 Nút Fn

4 Dĩa điều khiển phụ khi chụp khung đứng

5 Nút chụp theo khung đứng

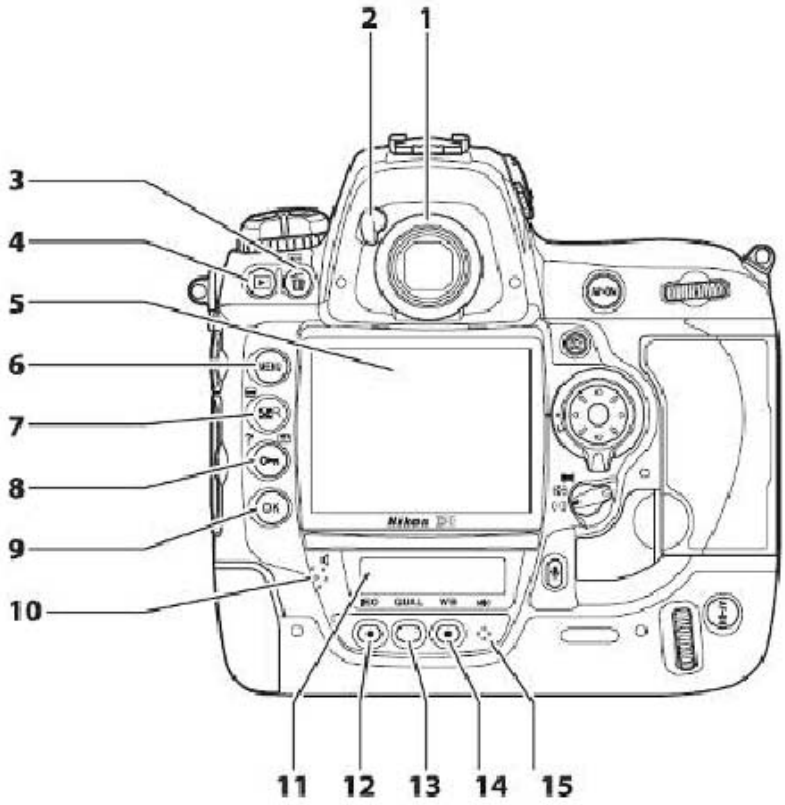
6 Khóa Nút chụp theo khung đứng

7 Mạch tiếp xúc Ống kinh

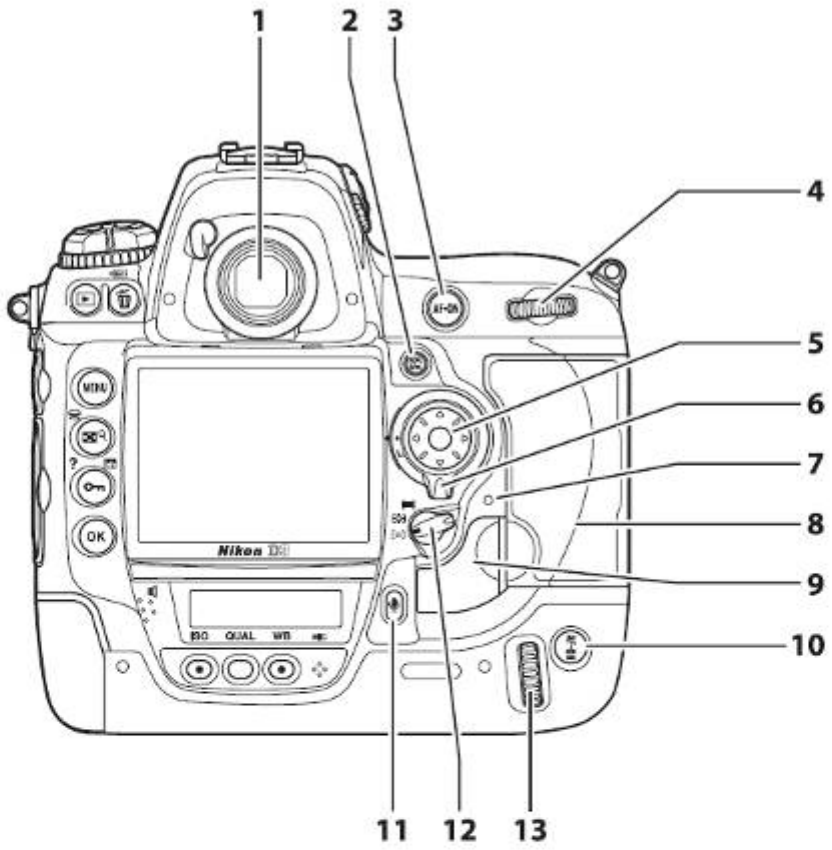
8 Dấu báo chuẩn gắn ống kính

9 Miệng gắn OK

10 Nơi gắn chân máy .



1 Miếng đệm khung ngắm
2 Màn trập khung ngắm
3 (delete) Nút xóa hình
(format) Nút format thẻ
4 (playback) Nút phát lại hình
5 Màn hình
6 **MENU** (menu)Nút menu
7 Nút thu nhỏ /phóng to hình phát lại
8 Nút khóa bảo vệ hình
? (help) Nút trợ giúp
(info) Nút báo thông tin hình
9 (OK) Nút xác nhận các cài đặt
10 Loa
11 Bảng điều khiển phía sau
12 **ISO** Nút chọn ISO
Một trong hai nút Reset máy
13 **QUAL** Nút chọn kích cỡ / chất lượng hình
14 **WB** (Nút chọn Cân bằng trắng
Một trong hai nút Reset máy
15 Microphone Thu âm thanh



1 Khung ngắm

2 AE-L AF-L (AE/AF lock)
Nút khóa AE /AF

3 **AF-ON** Nút AF-ON

4 Dĩa điều khiển chính

5 Hệ thống nút chọn

6 Khóa điểm nét

7 Đèn xác nhận card

8 Nắp che hộc chứa card

9 Chốt khóa hộc chứa card

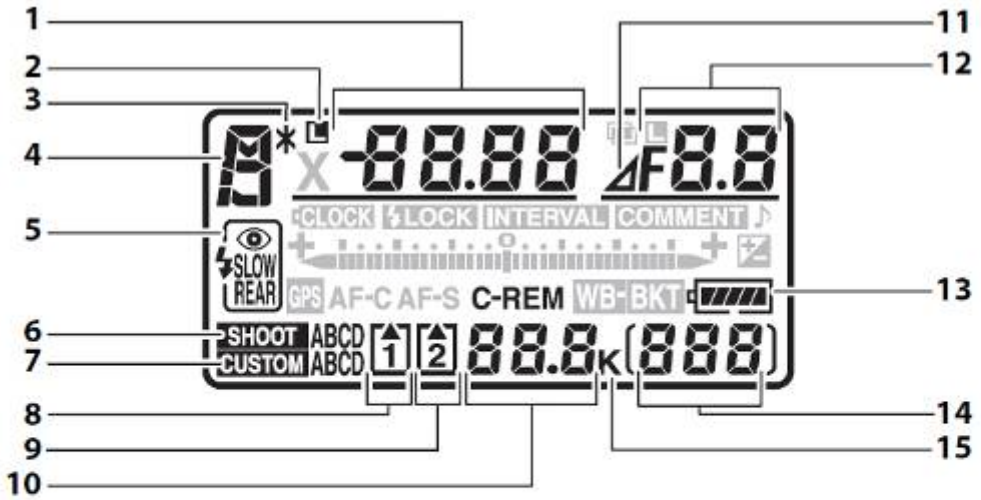
10 **AF-ON** Nút AF-ON khi chụp theo khung đứng

11 Nút thu âm thanh

12 Chọn vùng AF

13 Dĩa điều khiển chính khi chụp theo khung đứng

BẢNG ĐIỀU KHIỂN



1 Vùng báo :
- Tốc độ
- Trị số bù trừ thời chụp
- Báo số hình chụp và số kiểu chụp bù trừ sáng Flash
- Số kiểu chụp bù trừ WB
- Số lần chờ chụp trong chế độ chụp hẹn giờ
- Tiêu cự OK không có AF
- Báo ISO

2 Dấu báo khóa Tốc độ

3 Báo chế độ Program linh hoạt

4 Chế độ chụp

5 Chế độ Flash

6 Nhóm lưu chương trình chụp

7 Nhóm gài đặt theo ý

8 Báo hộc chứa card (hộc 1)

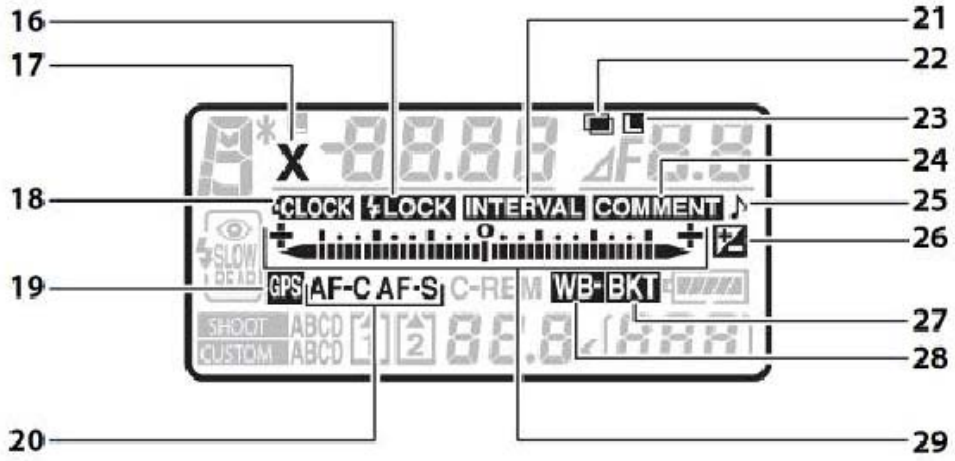
9 Báo hộc chứa card (hộc 2)

10 Báo số hình đã chụp
- Báo số lượng hình tối đa trong bộ nhớ đệm
- Báo chuyển hình qua vi tính

11 Dấu báo Khẩu độ cố định

12 Khẩu độ
- Khẩu độ cố định
- Báo tăng sáng và tăng sáng Flash khi chụp bù trừ
- Tăng trị số WB khi chụp bù trừ WB
- Số lần chụp trong chế độ chụp hẹn giờ
- Báo khẩu độ tối đa của OK không có AF
- Báo kết nối máy vi tính





13 Dấu báo tình trạng Pin

14 Số hình đã chụp
- Ghi nhận cài đặt Preset WB
- Số thứ tự của ống kính không có AF

15 "K" Hiện khi số lượng hình chụp lên trên 1000 kiểu

16 FV Báo khóa phát sáng Flash

17 Báo đồng bộ Flash

18 Báo pin đồng hồ

19 Báo kết nối GPS

20 Báo chế độ lấy nét

21 Báo thời gian hẹn giờ chụp

22 Báo chế độ chụp ghép

23 Dấu khóa Khẩu độ

24 Báo ghi chú trên hình

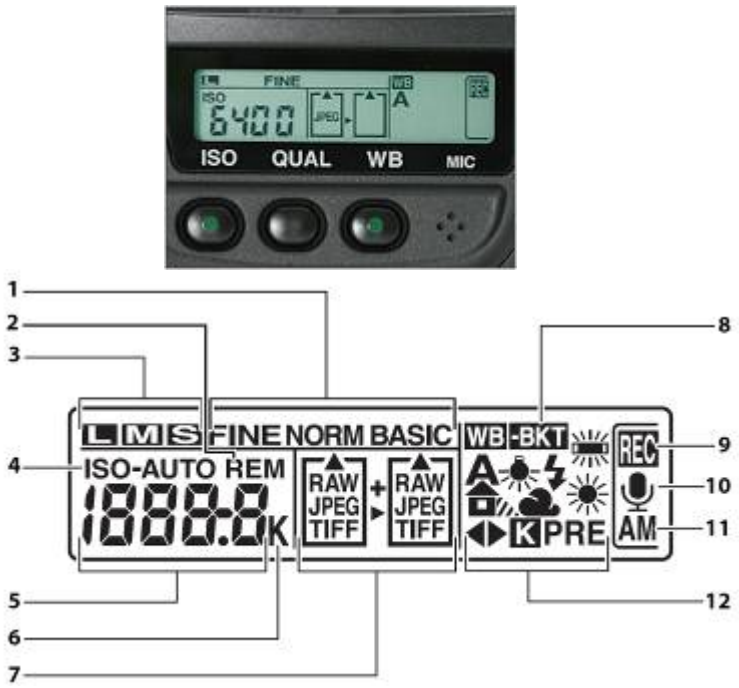
25 "Beep" Báo âm thanh

26 Báo bù trừ sáng

27 Báo chụp tăng giảm sáng và tăng giảm Flash

28 Báo chụp tăng giảm WB

29 Mạch điện tử phân tích nguồn sáng
- Báo chụp bù trừ sáng
- Báo đang chụp tăng giảm sáng và tăng giảm Flash
- Báo đang chụp tăng giảm WB
- Báo kết nối máy vi tính
- Báo tình trạng cân bằng của máy



1 Chất lượng hình (JPEG)

2 Báo hình duy trì trên card

3 Kích cỡ hình

4 Dấu báo ISO và auto ISO

5 Số ISO

- Số ISO cao / thấp)
- Số hình đã chụp
- Báo độ dài thời gian thu âm
- Tinh chỉnh WB
- Số lưu trữ Preset WB
- Nhiệt độ màu
- Kết nối máy vi tính

6 "K" Hiện khi số lượng hình chụp lên trên 1000 kiểu

- Nhiệt độ màu

7 Báo hộc chứa card Chất lượng hình

8 Báo chụp tăng giảm WB

9 Báo ghi âm

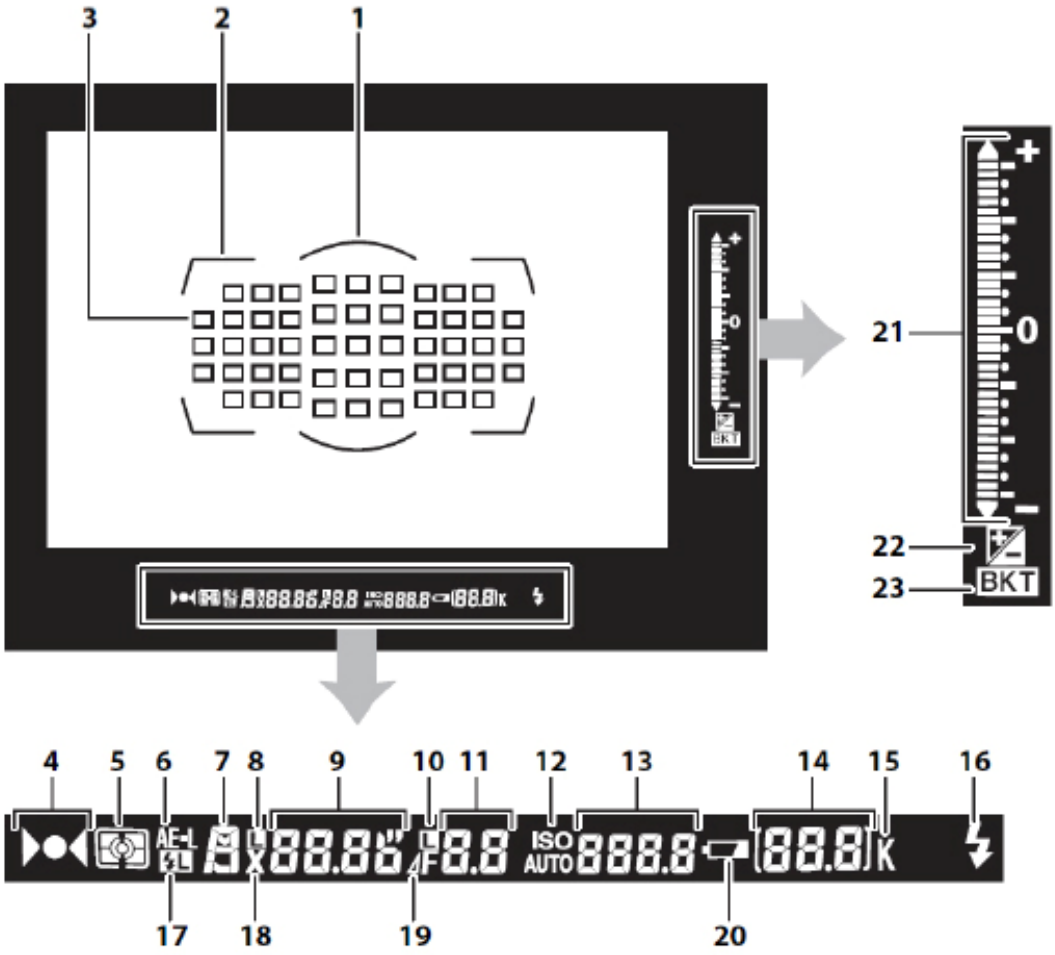
10 Báo hệ thống ghi âm

11 Báo chế độ ghi âm

12 White balance

- Báo tinh chỉnh WB

KHUNG NGẮM



1 Vòng 12 mm để đo sáng trọng tâm
2 Ngoặc vùng AF
3 Điểm nét
4 Dấu báo vị trí nét
5 Đo sáng
6 Khóa mức đo sáng tự động
7 Chế độ chụp
8 Dấu báo khóa Tốc độ
9 Tốc độ
10 Dấu khóa Khẩu độ
11 Khẩu độ
Khẩu độ cố định

12 Báo ISO
Dấu báo ISO và auto ISO

13 Số ISO

14 Báo số hình đã chụp

Báo số lượng hình tối đa trong bộ nhớ đệm

Ghi nhận gài đặt Preset WB

Trị số bù trừ thời chụp

Báo kết nối máy vi tính

15 "K"
Hiện khi số lượng hình chụp lên trên 1000 kiểu

16 Báo chuẩn bị dùng Flash *

17 Báo khóa phát sáng Flash

18 Báo đồng bộ Flash

19 Khẩu độ cố định

20 Dấu báo tình trạng Pin

21 Mạch điện tử phân tích nguồn sáng

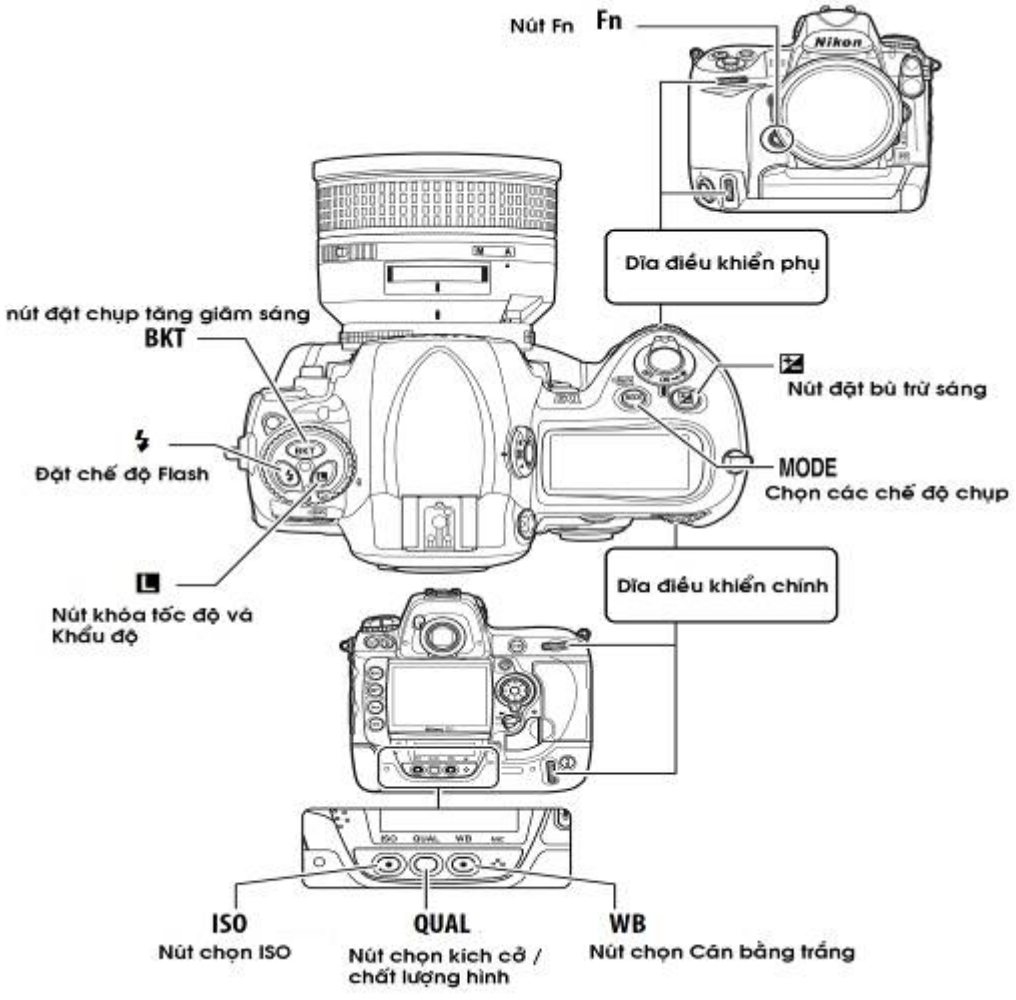
Trị số p bù trừ sáng

Báo tình trạng cân bằng của máy

22 Dấu bù trừ sáng

23 Báo chụp tăng giảm sáng và tăng giảm Flash

* Chỉ hiện báo khi sử dụng với đèn Flash gắn ngoài .



CÁC BƯỚC SỬ DỤNG CƠ BẢN

1. **Chọn ngôn ngữ** thể hiện trên máy



Bấm nút MEN . Chọn Language rồi chọn tiếp English bằng nút ▸ rồi bấm OK.

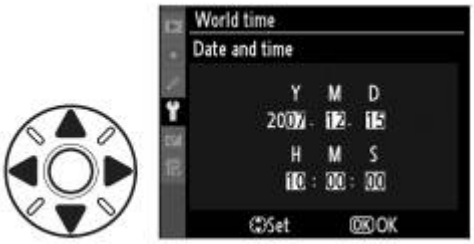
2 .Đặt thời gian trên máy. Mục đích đặt thời gian để máy lưu chính xác khoảng thời gian bạn chụp tấm ảnh . Rất tiện cho bạn khi tra cứu lại sau này.

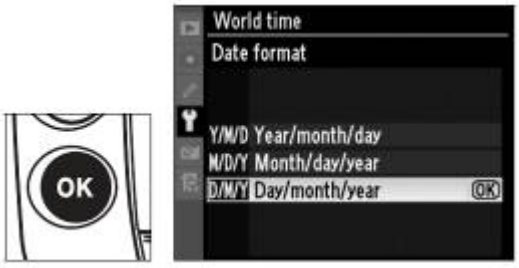


Trước tiên,, bạn phải chọn World time trong Menu SetUp, chọn tiếp Time zone và dùng nút điều khiển chọn vùng thời gian . Ở Việt Nam bạn nên chọn UTC+7 (Beijing ..)



Sau đó bạn chọn lưu lại (ON)





Kế tiếp, bạn đặt năm (Y) tháng (M) và ngày (D) .Và bạn nên chọn cách hiển thị ngày tháng năm trên tấm ảnh. Tại Việt Nam bạn nên chọn D/M/Y (ngày,tháng , năm) cho phù hợp .

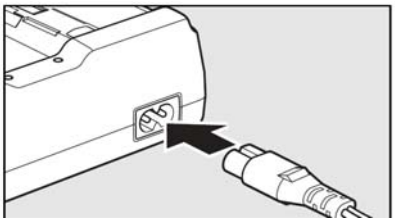
GẮN PIN

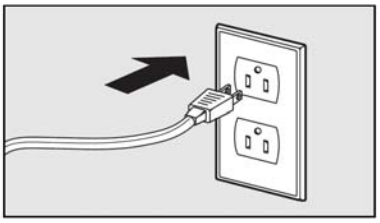
Nikon D3 sử dụng Pin EN-EL 4a recharge Li-ion.

Không sử dụng pin khi nhiệt độ ngoài trời dưới 0 độ c hay trên 40độ C. Nhiệt độ sạc pin từ 5 – 35 độ C . Sau khi hoạt động máy, Pin trở nên nóng, hãy chờ cho pin nguội rồi sạc. Luôn lấy Pin ra khỏi máy khi không sử dụng. Những chỉ dẫn trên đây chỉ giúp bạn sử dụng nguồn pin cho thật tốt. Tránh gây tổn hại cho máy chụp.

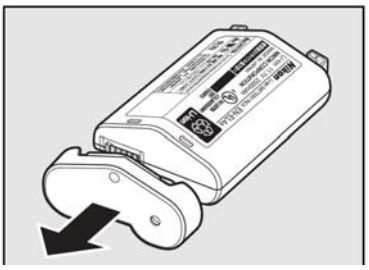


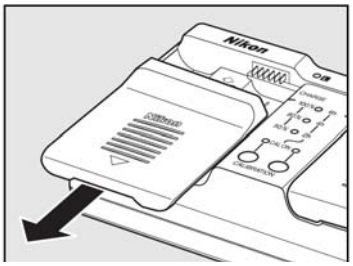
Loại Pin này không thể đầy nếu bạn sạc cách khoảng . Để sử dụng tốt nhất là bạn nên dùng bộ xạc MH-22. Thời gian sạc đầy Pin là hai tiếng mười lăm phút (2g15') .



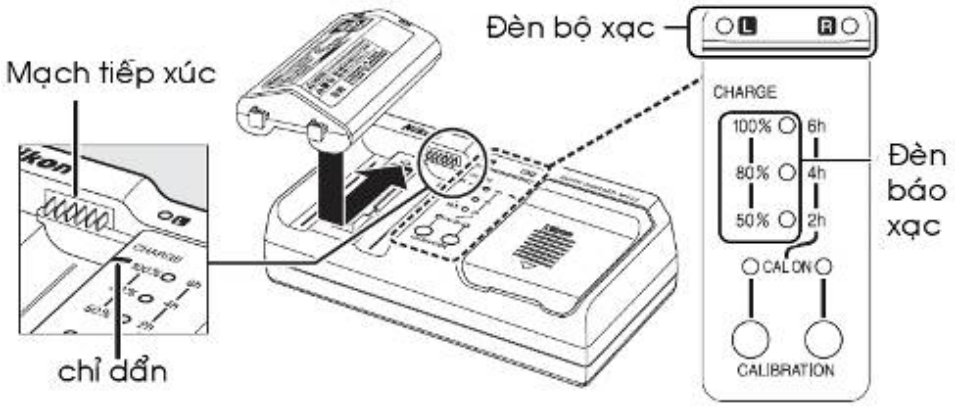


1. Cắm dây tiếp điện vào máy

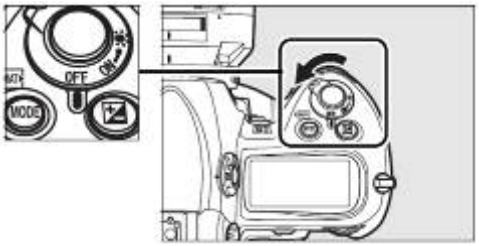




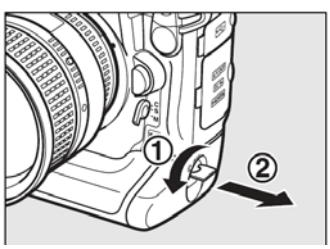
2. Mở nắp bảo vệ đầu Pin và nắp che hộc chứa Pin trên bộ sạc .

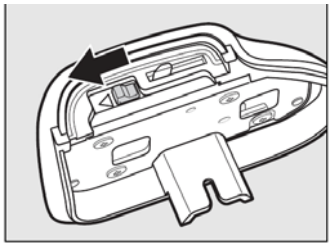


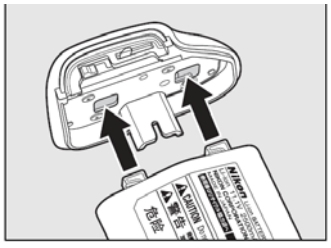
Tình trạng xạc Pin	Đèn bộ xạc	Đèn báo xạc		
		50%	80%	100%
Thấp hơn 50% năng lượng	nhấp nháy	nhấp nháy	● (off)	● (off)
50–80% năng lượng	nhấp nháy	○ Sáng	nhấp nháy	● (off)
Hơn 80% nhưng thấp hơn 100% năng lượng	nhấp nháy	○ Sáng	○ Sáng	nhấp nháy
100% năng lượng - Pin đầy	○ Sáng	● (off)	● (off)	● (off)



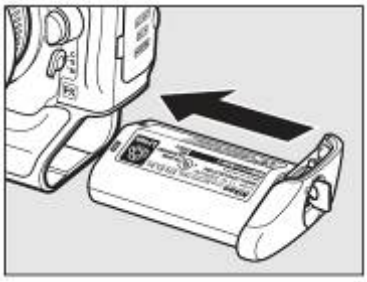
Trước khi gắn Pin vào máy, bạn phải Tắt máy .

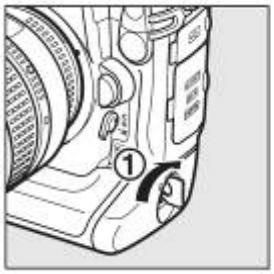


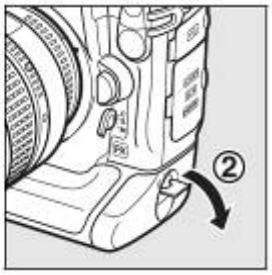




Xoay chốt tháo hộc chứa Pin để lấy nắp hộc ra. Đẩy chốt trên nắp hộc Pin theo hướng mũi tên và gắn vào Pin đúng theo vị trí .







Gắn Pin vào trong máy và khóa chốt theo hướng dẫn .

Khi mở máy, màn hình điều khiển cũng như trong khung ngắm sẽ báo tình trạng nguồn Pin

Kiểm tra nguồn Pin

Nguồn Pin được báo trong khung ngắm và trên bảng điều khiển



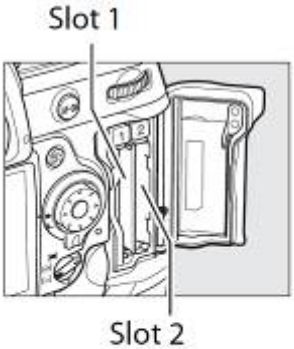
Icon *		Description
Control panel	Viewfinder	
	—	Pin đầy
	—	Nguồn Pin đang sử dụng
	—	
	—	
		Nguồn Pin thấp . Chuẩn bị thay Pin
(nhấp nháy)	(nhấp nháy)	Hết Pin . Không chụp được . thay ngay Pin mới

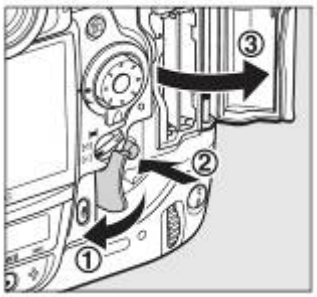
* Dấu hiệu Pin sẽ không hiện báo khi sử dụng bộ cấp điện AC adapter

GẮN CARD

Nikon D3 sử dụng card CF. Vì máy có dung lượng cao nên hãng đề nghị nên sử dụng card có dung lượng từ 2 GH trở lên.

Máy có hai hộc chứa card. Hộc 1 là chứa card chính . Hộc 2 là chứa card phụ . Nếu bạn sử dụng cả hai hộc card thì sau khi card chính đầy , dữ liệu hình ảnh sẽ chuyển qua card phụ . Màn hình điều khiển sẽ báo hộc chứa card đang sử dụng .





Mở hộc chứa card bằng cách :

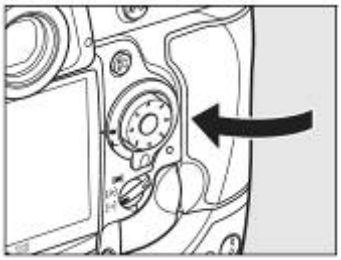
Nhấn nút tháo giữ nắp bảo vệ (**1**)

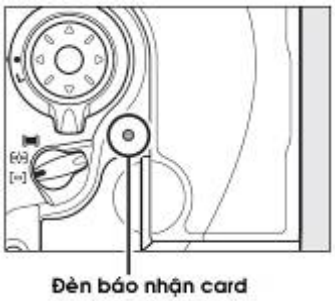
Nhấn nút (**2**) để mở nắp che hộc chứa card (**3**) .



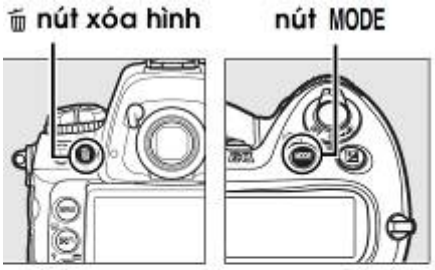






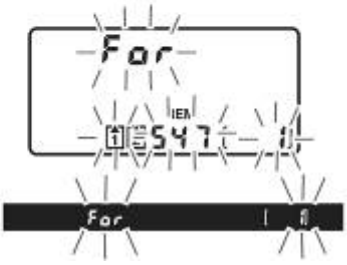


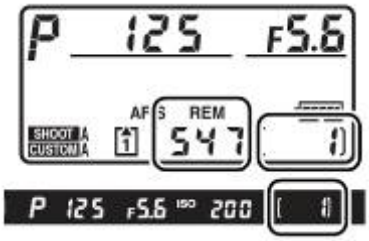
Chú ý gắn đúng chiều card. Khi gắn card xong và đậy nắp hộc card. Đèn báo nhận card sẽ chớp sáng. Đèn này cũng báo sáng khi dữ liệu hình ảnh đang chuyển tải vào card.



Khi gắn card lần đầu tiên vào máy, bạn cần định dạng lại card. Bạn có thể dùng hai nút định dạng (Format) card ngoài thân máy hay sử dụng Format card trong Menu .

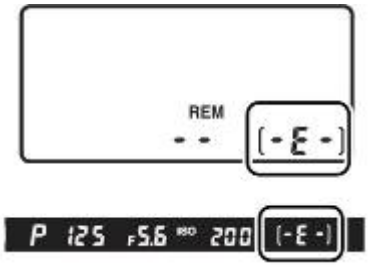
Nhấn hai nút này cùng một lúc, chữ ***For*** sẽ nhấp nháy trên bảng điều khiển. Nhấn tiếp hai nút này, máy sẽ tiến hành định dạng card.





Sau khi Format card, màn hình điều khiển sẽ báo số lượng hình lưu trữ trong card (REM ...) và số hình đã chụp .

Nếu không có card trong máy, màn hình sẽ báo như sau



NHỮNG LOẠI CARD TƯƠNG THÍCH VỚI NIKON D3:

SanDisk

Extreme IV	SDCFX4	8 GB
		4 GB
		2 GB
Extreme III	SDCFX3	8 GB
		4 GB
		2 GB
		1 GB
Ultra II	SDCFH	8 GB
		4 GB
		2 GB
		1 GB
Standard	SDCFB	4 GB
		2 GB
		1 GB

Lexar Media

Professional UDMA	300 ×	8 GB
		4 GB
		2 GB
Platinum II	80 ×	2 GB
		1 GB
		512 MB
	60 ×	4 GB
Professional	133 × WA	8 GB
		4 GB
		2 GB
		1 GB
	80 × Lt	2 GB
		512 MB

Microdrive

DSCM-11000	1 GB
3K4-2	2 GB
3K4-4	4 GB
3K6	6 GB

SỐ LƯỢNG HÌNH CHỨA TRONG CARD:
Bảng này dựa theo lượng hình chứa trong card 2GB SanDisk Extreme IV (SDCFX IV) . Hình ảnh bạn chụp có thể có sự khác biệt so với bảng này nếu cũng dùng loại card như trên .
Định dạng FX (khổ sensor 24 x36mm) Fullframe .

■■ FX format (36 × 24)

Image quality	Image size	File size [1]	No. of images [1]	Buffer capacity [2]
NEF (RAW) **Nén thấp nhất** , 12-bit	—	13.3 MB	100	18
NEF (RAW), **Nén thấp nhất** 14-bit	—	16.3 MB	77	16
NEF (RAW), **Nén** 12-bit	—	11.0 MB	138	20
NEF (RAW), **Nén** 14-bit	—	13.8 MB	114	16
NEF (RAW), **Không nén** 12-bit	—	18.8 MB	100	17
NEF (RAW), **Không nén** 14-bit	—	24.7 MB	77	16
TIFF (RGB)	L	35.9 MB	53	17
	M	20.7 MB	95	19
	S	10.0 MB	211	25
JPEG fine [3]	L	5.7 MB	279	52
	M	3.2MB	496	92
	S	1.4 MB	1000	96
JPEG normal [3]	L	2.9 MB	548	74
	M	1.6 MB	976	98
	S	0.7 MB	2000	100
JPEG basic [3]	L	1.4 MB	1000	79
	M	0.8 MB	1800	100
	S	0.4 MB	3900	100

Image Quality: chất lượng hình***. Image size***: kích cỡ hình . ***File size***: dung lượng file .

No.of image: số hình chứa trong card. ***Buffer capacity***: Hình lưu trong bộ nhớ đệm .

Định dạng DX (khổ sensor 24 x16 mm)

■■ DX Format (24 × 16)

Image quality	Image size	File size [1]	No. of images [1]	Buffer capacity [2]
NEF (RAW), **Nén thấp nhất** 12-bit	—	5.7 MB	229	28
NEF (RAW), **Nén thấp nhất** 14-bit	—	7.0 MB	177	25
NEF (RAW), **Nén** 12-bit	—	4.7 MB	312	36
NEF (RAW), **Nén** 14-bit	—	6.0 MB	260	29
NEF (RAW), **Không nén** 12-bit	—	8.1 MB	229	25
NEF (RAW), **Không nén** 14-bit	—	10.7 MB	177	22
TIFF (RGB)	L	15.3 MB	124	20
	M	8.8 MB	220	25
	S	4.3 MB	480	41
JPEG fine [3]	L	2.5 MB	637	130
	M	1.4 MB	1100	130
	S	0.6 MB	2400	130
JPEG normal [3]	L	1.2 MB	1200	130
	M	0.7 MB	2000	130
	S	0.3 MB	4400	130
JPEG basic [3]	L	0.6 MB	2400	130
	M	0.3 MB	3900	130
	S	0.2 MB	7800	130

Image Quality: chất lượng hình. ***Image size***: kích cỡ hình. ***File size***: dung lượng file.
No.of image: số hình chứa trong card. ***Buffer capacity***: Hình lưu trong bộ nhớ đệm.

THÁO CARD



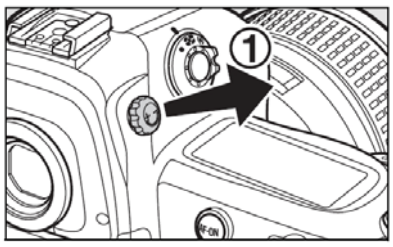
Mở nắp che hộc card **(1)** . Nhấn nút tháo card **(2)** và lấy card ra **(3)** .

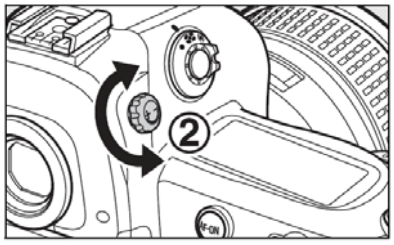
LƯU Ý :

- Card nhớ có thể nóng sau khi sử dụng. Bạn nên chú ý điều này khi tháo card ra khỏi máy.
- Card có thể format trên máy tính hay trên những thiết bị khác. Nhưng tốt nhất là bạn Format card trên máy ảnh trước khi chụp.
- Không dùng ngón tay tiếp xúc với cổng tiếp xúc ở đầu card.
- Gắn card nhẹ nhàng, không ấn mạnh card vào hộc chứa card.
- Không làm rơi, ném card hoặc gây bể card. Đặt card trong môi trường không bị ẩm, bụi,nóng.
- Tắt máy khi tháo gắn card. Không tháo card ra khỏi máy, đầu đọc trong lúc đang chuyển tải hình ảnh , dữ liệu .

TĂNG CƯỜNG ĐỘ RÕ TRONG KHUNG NGẮM.

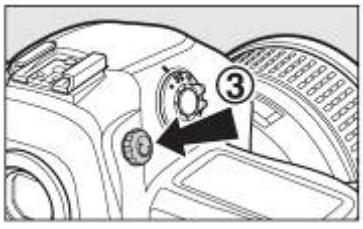
Để trợ giúp cho những người mắt có độ nhìn kém, Nikon D3 có một nút tăng cường độ rõ trong khung ngắm .







Kéo nút trên đĩa xoay tăng cường độ rõ **(1)** . Xoay dĩa tăng cường độ rõ đến mức như ý **(2)** .Nhìn rỏ trong khung ngắm .



Nhấn vào nút trên đĩa xoay tăng cường độ rõ để khóa mức độ rõ theo ý **(3)** .

CHƯƠNG II

IMAGE AREA (VÙNG HÌNH ẢNH)

Máy Nikon D3 sử dụng cảm biến 36 x 23.9 mm để ghi hình theo dạng FX (fullframe) . Tương thích với các loại OK sử dụng cho máy phim 35mm.

Với chế độ mặc định, máy đặt vùng hình ảnh qua dạng DX . Máy tự động thu nhỏ khung hình chụp với cảm biến DX 23.5 x 15.6 mm khi gắn OK DX . Ngoài ra, còn có thể thu khung hình theo tỷ lệ 5 :4 khi dùng chế độ chọn vùng hình ảnh .

Auto DX crop.



Trong chức năng tự động thu nhỏ hình ảnh qua dạng **DX** , có thể chọn :

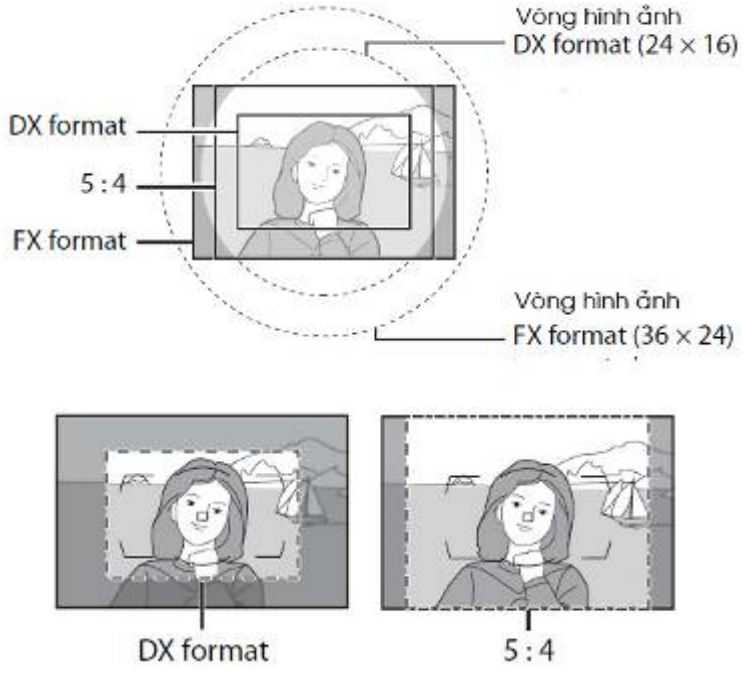
ON: Máy tự động thu nhỏ hình ảnh qua dạng **DX** khi ống kính DX được gắn.

OF: thu nhỏ hình ảnh dạng **DX** chọn từ menu Choose image area.

Choose image area

CHẾ ĐỘ	MÔ TẢ	
FX format (36x24)	Hình ảnh ghi trong định dạng FX là đầy khung sensor (36.0 x 23.9 mm) . Tương thích với các OK Nikkor dành cho máy phim 35mm . Khi chụp với các OK DX , các cạnh hình sẽ bị tối đen .	 Dấu báo định dạng FX trên bảng điều khiển
DX format (24x16)	Vùng trung tâm sensor 23.5 x 15.6 mm sẽ ghi hình với định dạng DX . Để tính tiêu cự tương đương khi sử dụng OK máy phim 35 mm , hãy nhân lên 1.5 lần	
5:4 (30x24)	Hình ảnh được ghi với tỷ lệ 5 :4 (sensor 30.0 x 23.9 mm) Khi chụp với OK DX , các cạnh hình sẽ bị tối đen .	

Hình ảnh thể hiện



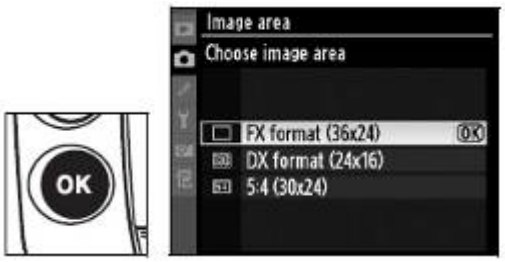
CHỌN VÙNG HÌNH ẢNH TỪ MENU



Trong Menu Shooting, chọn Image Area .



Chọn tiếp Choose image Area



Chọn vùng hình ảnh theo ý và bấm OK để xác nhận gài đặt

IMAGE SIZE & QUALITY, KÍCH CỠ CHẤT LƯỢNG ẢNH

Một trong những điều quan trọng của máy ảnh kỹ thuật số là bạn cần phải xác định chất lượng cùng kích cỡ ảnh trước khi chụp. Điều này cũng sẽ giúp bạn biết được Card nhớ bạn đang sử dụng sẽ chứa được bao nhiêu tấm ảnh bạn sẽ ghi được.

Chất lượng ảnh.(định dạng đuôi file)

Máy ảnh D3 Nikon chấp nhận được các định dạng hình ảnh trong các đuôi File sau:

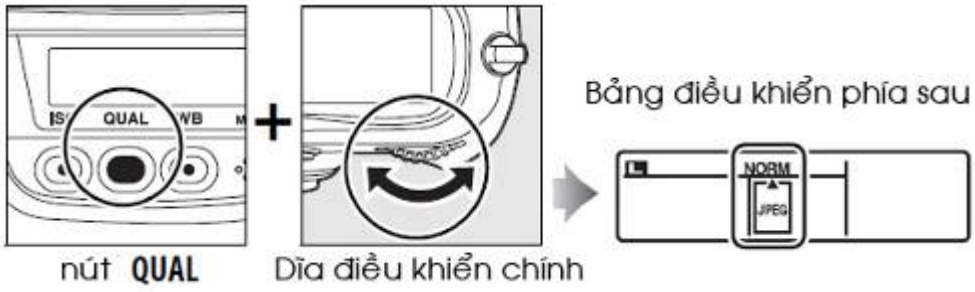
CHẾ ĐỘ	File type	MÔ TẢ
NEF (RAW)	NEF	Dữ liệu **RAW** từ cảm biến hình ảnh được ghi thẳng vào card với kỹ thuật định dạng điện tử Nikon (Nikon Electronic Format NEF) . Sử dụng khi chuyển qua máy tính để in trực tiếp hay để lưu trử , chỉnh sửa . Khi chuyển qua máy tính , hình ảnh được xem lại trên phần mềm View NX (theo dĩa cung cấp kèm theo máy) hoặc phần mềm Capture NX . (mua riêng)
TIFF (RGB)	TIFF (RGB)	ghi hình không nén . File TIF- có độ sâu 8 bit cho mỗi kênh màu RGB (24 bit màu) File TIF đáp ứng cho hầu hết các nhu cầu của hình ảnh .
JPEG fine	JPEG	Ghi hình file JPEG với độ nén được tính tròn tỷ lệ 1:4 (chất lượng hình tốt nhất)
JPEG normal		Ghi hình file JPEG với độ nén được tính tròn tỷ lệ 1:8 (chất lượng hình trung bình)
JPEG basic		Ghi hình file JPEG với độ nén được tính tròn tỷ lệ 1:16 (chất lượng hình cơ bản)
NEF (RAW)+ JPEG fine	NEF/ JPEG	Hai hình ảnh được ghi cùng lúc . Một file NEF và một file JPEG chất lượng tốt
NEF (RAW)+ JPEG normal		Hai hình ảnh được ghi cùng lúc . Một file NEF và một file JPEG chất lượng trung bình
NEF (RAW)+ JPEG basic		Hai hình ảnh được ghi cùng lúc . Một file NEF và một file JPEG chất lượng cơ bản

- NEF (Raw) NEF+RAW :

Hình ảnh file NEF chỉ có thể xem trên máy vi tính với phần mềm do Nikon cung cấp theo máy hay Photoshop CS4 (Camera Raw 5.0 hay mới hơn). Khi chụp với định dạng hình NEF+JPEG, thì chỉ có hình JPEG hiện trên Monitor . Nếu bạn xóa hình với định dạng NEF+JPEG, cả hai hình NEF và JPEG đều bị xóa.

Bù trừ WB không đặt được trong định dạng NEF (RAW)

Đặt chất lượng ảnh trên máy



Nhấn nút Qual và xoay dĩa điều khiển chính để chọn chất lượng ảnh hiển thị trên bảng điều khiển phía sau.

File JPEG nén

Chọn trong shooting menu để gài đặt theo ý dạng file JPEG

CHỨC NĂNG	MÔ TẢ CHỨC NĂNG
ƯU TIÊN KÍCH CỞ . (mặc định)	Hình ảnh được nén để tạo sự tương đối đồng nhất của các kích cở file . Chất lượng ảnh sẽ khác nhau tùy thuộc vào cảnh chụp .
CHẤT LƯỢNG TỐT NHẤT	Chất lượng ảnh tốt nhất . Kích cở file sẽ khác nhau tùy thuộc vào cảnh chụp .

File NEF

Khi ghi hình với file NEF, chọn các chế độ của file NEF .

CHẾ ĐỘ	MÔ TẢ CHỨC NĂNG
ON Nén thấp nhất (mặc định)	NEF hình ảnh được nén bởi một thuật toán biến đổi làm giảm kích thước file khoảng từ 20 -40% mà không ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh .
ON NÉN	NEF hình ảnh được nén mà không dùng thuật toán biến đổi . Giảm kích thước file ảnh khoảng 40 -55 % mà hầu như không làm giảm chất lượng ảnh .
KHÔNG NÉN	NEF hình ảnh chụp không nén . Thời gian ghi hình có tăng thêm nhưng không đáng kể .

Chọn chế độ bit của file NEF .

CHẾ ĐỘ	MÔ TẢ CHỨC NĂNG
12-bit **12-bit** (mặc định)	NEF (RAW) hình ảnh được ghi với 12 bit .
14-bit **14-bit**	NEF (RAW) hình ảnh được ghi 14 bit , tạo file có dung lượng lớn hơn file 12 bit và có tăng thêm dử liệu màu

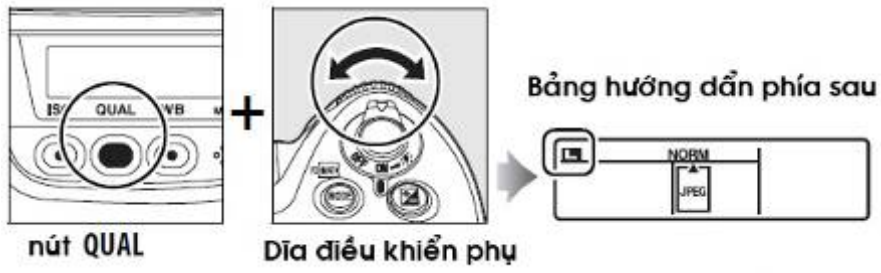
KÍCH CỠ HÌNH

Kích cỡ hình là tổng số pixel của một file hình. Chọn từ L (Large : lớn , mặc định của máy) hay M (Medium trung bình) hay S (Small nhỏ) .

Vùng ảnh	chế độ	Size (pixels)	cở hình khi in (cm)*
FX format (36 × 24)	L	4,256 × 2,832	54.1 × 36.0 cm
	M	3,184 × 2,120	40.4 × 26.9 cm
	S	2,128 × 1,416	27.0 × 18.0 cm
DX format (24 × 16)	L	2,784 × 1,848	35.4 × 23.5 cm
	M	2,080 × 1,384	26.4 × 17.6 cm
	S	1,392 × 920	17.7 × 11.7 cm
5 : 4 (30 × 24)	L	3,552 × 2,832	45.1 × 36.0 cm
	M	2,656 × 2,120	33.7 × 26.9 cm
	S	1,776 × 1,416	22.6 × 18.0 cm

- Cỡ hình khi in được tính với độ phân giải 200 dpi. DPI: dot per inch : Số điểm trên một inch

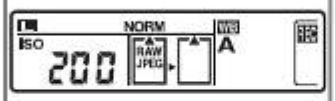
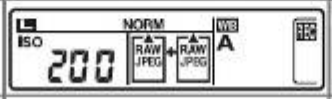
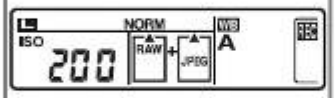
Đặt kích cỡ hình trên máy .



Nhấn nút Qual và xoay dĩa điều khiển phụ để chọn kích cỡ ảnh hiển thị trên bảng điều khiển phía sau.

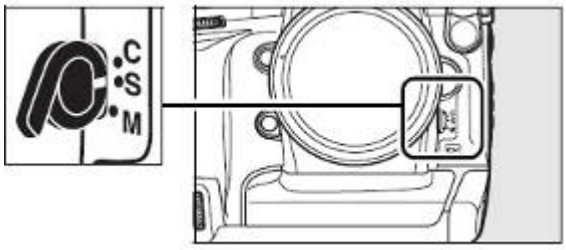
Slot 2

Sử dụng menu Shooting, chọn Slot 2 để đặt các chức năng khi lưu hình vào card . (Nếu bạn sử dụng hai card cùng một lúc .)

CHỨC NĂNG	BẢNG ĐIỀU KHIỂN SAU	MÔ TẢ
Overflow (mặc định)		Khi card chứa trong hộc thứ 1 đầy , hình ảnh được chụp sẽ ghi tiếp vào hộc card thứ 2 .
Backup		Hình ảnh chụp sẽ ghi cùng lúc vào hai card
RAW Slot 1- JPEG Slot 2		Khi chụp ảnh có dạng NEF (RAW) + JPEG . Ảnh dạng NEF (RAW) sẽ ghi vào card 1 . Ảnh dạng JPEG sẽ ghi vào card 2 . Nên dùng chế độ Backup nếu muốn ghi hình vào hai card với những dạng khác .

FOCUS: HỆ THỐNG LẤY NÉT

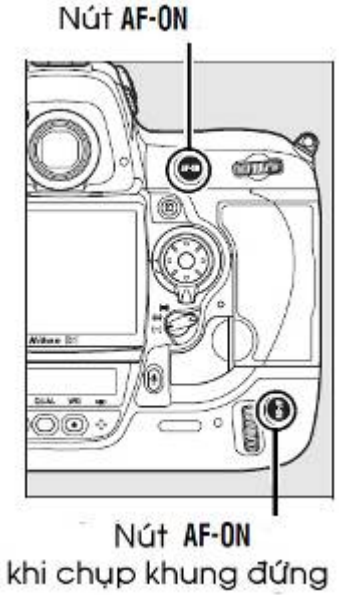
Máy D3 có hai chế độ lấy nét AF và một chế độ lấy nét tay. Các chế độ này được điều khiển bằng một hệ thống chọn ở phía trước thân máy.



- **S** :lấy nét tự động Đơn.
  Hệ thống lấy nét của máy tự hoạt động khi bạn nhấn nhẹ nút chụp. Khi chủ thể đúng nét, dấu (●) báo đúng nét hiện trong khung ngắm.Bạn phải duy trì ngón tay trên nút chụp để giữ nét. Và nhấn hết nút chụp để ghi hình. Nếu chủ thể của bạn di chuyển khi bạn vẫn duy trì ngón tay trên nút chụp để giữ nét .Một hệ thống lấy nét di chuyển của máy sẽ hoạt động theo dõi chủ đề của bạn cho đến khi hoàn tất nét để bạn có thể chụp. Đương nhiên là khi chủ thể di chuyển, bạn cũng phải di chuyển khung ngắm theo chủ đề .Nếu chủ đề đứng lại trước khi bạn bấm hết nút chụp ghi hình, dấu báo đúng nét hiện trong khung ngắm và độ nét sẽ được khóa giữ lại ngay tại khoảng cách đó .
- **C** : lấy nét tự động liên tục
  Máy tự động điều chỉnh nét liên tục khi bạn nhấn nhẹ nút chụp. Nếu chủ thể của bạn di chuyển, hệ thống lấy nét tự động điều chỉnh. Không thể khóa nét khi chủ đề di chuyển và bạn có thể nhấn nút chụp bất cứ lúc nào dù đúng hay không đúng nét.

- **M** : lấy nét chỉnh tay .
  Sử dụng trong các trường hợp khi chụp trong các điều kiện máy không hoạt động hệ thống lấy nét tự động .Bạn canh nét bằng vòng lấy nét trên OK. Nếu OK có khẩu độ tối đa từ 5.6 hay cao hơn, bạn có thể lấy nét với hệ thống dò tìm nét điện tử .Nhưng bạn có thể nhấn nút chụp bất cứ lúc nào dù đúng hay không đúng nét.

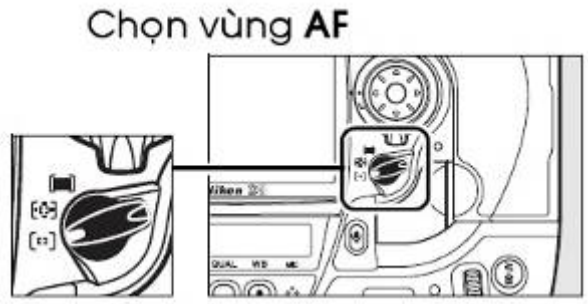
Nút **AF-ON**



Nút có nhiệm vụ lấy nét nhanh và có hiệu quả giống như bạn nhấn phân nửa nút chụp.

Trong chế độ AF liên tục, máy sẽ bắt đầu hoạt động chức năng dự báo nét di chuyển khi chủ thể chuyển động. Chức năng này hiệu lực khi nhấn phân nửa nút chụp hay nhấn nút AF-ON.

CHỌN VÙNG NÉT

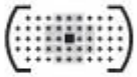
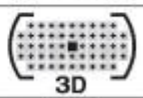
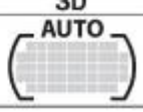


Vùng nét được chọn sẽ quyết định có bao nhiêu điểm nét để các chế độ lấy nét tự động hoạt động
Để chọn vùng nét, điều chỉnh về vị trí vùng nét theo ý trong chế độ chọn vùng nét.

Các chức năng vùng nét

CHẾ ĐỘ	CHỨC NĂNG
[▫] Single-point AF	Chọn điểm nét bằng tay ; máy sẽ lấy nét chủ đề ngay điểm nét đã chọn . Sử dụng khi chụp các chủ đề không di động , và trong phạm vi khung ngắm
[▫▫] Dynamic-area AF	• **In continuous-servo AF** Chọn điểm nét bằng tay . Nếu chủ đề di chuyển qua điểm nét khác , hệ thống lấy nét của máy sẽ hoạt động theo chuyển động của chủ đề theo thông tin của các vùng nét chung quanh . Số điểm nét có thể chọn 9 , 21 và 51 (sử dụng CSM a3 Dynamic AF area) . Nếu chọn 51 điểm (3D -tracking) . Các điểm nét được chọn tự động sẽ hoạt động 3D -tracking. • **In single-servo AF** Chọn điểm nét bằng tay . Máy sẽ lấy nét khi chủ đề đúng điểm nét .
[▬] Auto-area AF	Máy tự động dò tìm chủ đề và chọn điểm nét . Nếu sử dụng OK loại G hay D , máy sẽ dò tìm và phân biệt chủ đề là người từ hậu cảnh cho chụp chủ đề tốt hơn  Trong chế độ lấy nét đơn (AF-S,) điểm nét hoạt động sẽ bật sáng khoảng 1 giây sau khi máy lấy đúng nét . Điểm nét hoạt động sẽ không bật sáng trong chế độ lấy nét liên tục (AF-C)

Vùng nét chọn sẽ hiển thị khi nhấn nút **InFo**

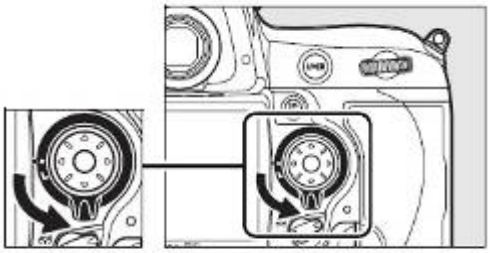
VÙNG NÉT			DẤU BÁO
[▫] Điểm nét AF			
[▫▫] Dynamic-area AF*	Custom Setting a3 ([Dynamic AF area]	9 điểm (mặc định)	
		21 điểm	
		51 điểm	
		51 điểm (3D-tracking)	 3D
[▬] Auto-area AF			AUTO 



Vùng AF

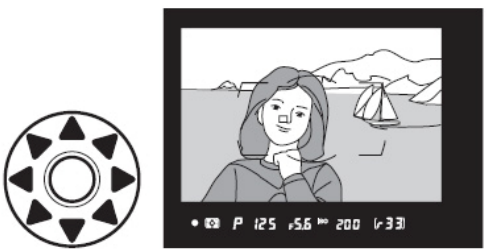
- Chế độ Single point AF sẽ được tự động chọn khi lấy nét bằng tay.

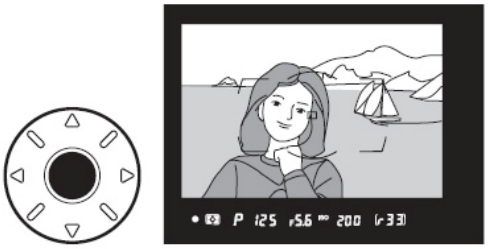
Chọn điểm nét



DẤU KHÓA MỞ CHỌN ĐIỂM NÉT

Mở khóa chọn điểm nét

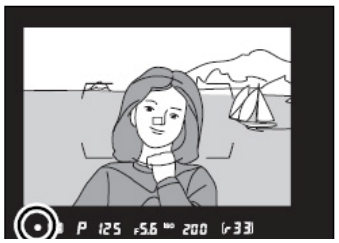




Dùng hệ thống nút chọn để di chuyển điểm nét theo ý. Xong nên khóa điểm nét lại (L) để tránh thay đổi điểm nét khi đụng chạm vào hệ thống nút chọn .

Khi chụp khung đứng, nên dùng dĩa điều khiển chính để chọn điểm nét cho thuận tiện. Cài đặt chức năng này trong Custom Setting f4.

KHÓA NÉT

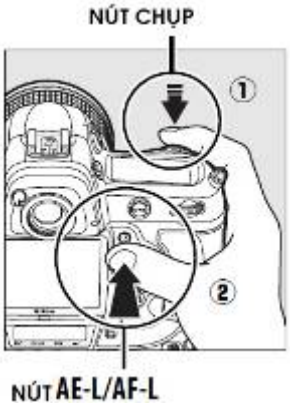


Khoá nét để bố cục lại hình sau khi lấy nét. Bạn cũng có thể giữ nét để bố cục chủ thể khi chủ thể không ở một trong năm vùng lấy nét của khung ngắm. Bạn cũng có thể sử dụng khi chủ thể trong vùng không thể lấy nét AF được bằng cách lấy nét AF một vật thể nào đó trong cùng một khoảng cách có đủ điều kiện hoạt động được AF. Sau đó, bạn khoá nét lại và bố cục hình với chủ đề chính của bạn.

1. Chủ đề ngay trong điểm nét, nhấn nhẹ phân nửa nút chụp
2. Kiểm tra dấu báo nét đúng trong khung ngắm
3. Bố cục lại hình và chụp



Trong chế độ lấy nét đơn AF-S, nét được khóa tự động khi dấu báo nét vẫn hiện trong khung ngắm và bạn vẫn duy trì ngón tay nhấn nhẹ trên nút chụp.

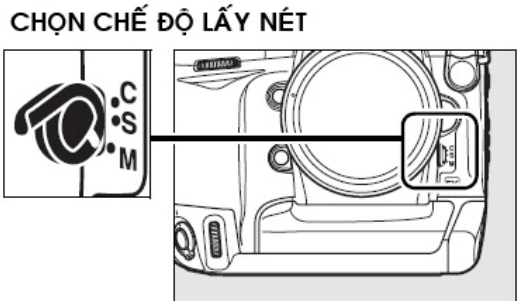


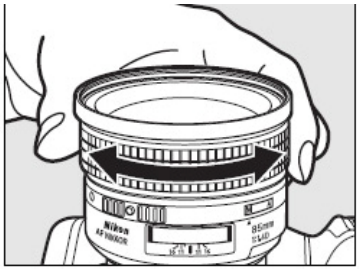
Trong chế độ lấy nét liên tục AF-C, nét được khóa tự động khi bạn nhấn nút AE-L/AF-L khoá cả hai chức năng lấy nét và thời chụp. .Vùng nét được khóa duy trì bạn khi nhấn nút AE-L/AF-L và ngay cả khi ngón tay bạn rời khỏi nút chụp .

Lưu ý :

Không bao giờ thay đổi khoảng cách với chủ đề sau khi khoá nét . Nếu chủ đề di chuyển, bạn phải lấy nét lại tại khoảng cách mới .

LẤY NÉT TAY



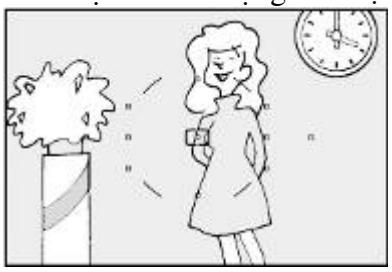


Chọn chế độ lấy nét M. Xoay vòng nét trên OK. Vừa xoay vừa nhấn phân nửa nút chụp để máy hoạt động chế độ dò tìm điện tử hỗ trợ lấy nét tay . Dấu báo đúng nét hiện báo trong khung ngắm khi chủ đề đúng nét.



NHỮNG VÙNG KHÔNG HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC AF

Bạn cần sử dụng chế độ chỉnh nét tay M khi chụp trong những vùng có đặc điểm sau :



Chủ thể rất tối.

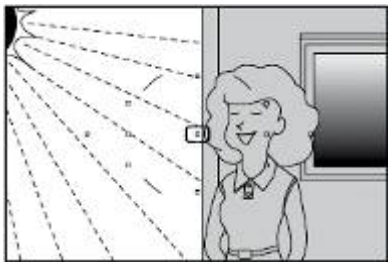
Lấy nét tay trong vòng tròn trung tâm hay dùng AF bắt nét ở các chủ đề khác sáng hơn trong cùng một cự ly. Nếu dùng đèn SP AF Led trên đèn sẽ sáng để AF máy hoạt động tốt.



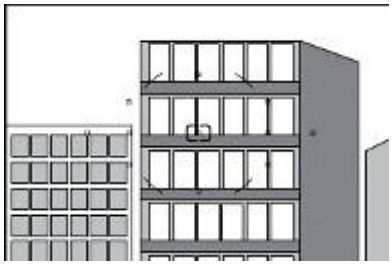
Vùng nét bao gồm nhiều chủ thể

Thí dụ chụp thú vật trong chuồng có nhiều song sắt hay lưới bao quanh .

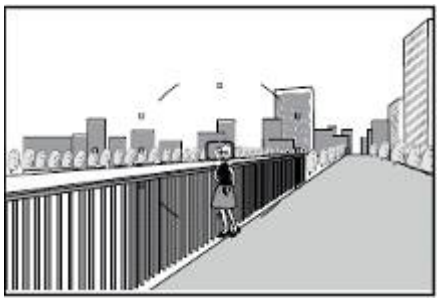
Chủ thể nguồn sáng mạnh, vật phản chiếu mạnh hoặc cảnh có nhiều ánh sáng khác nhau



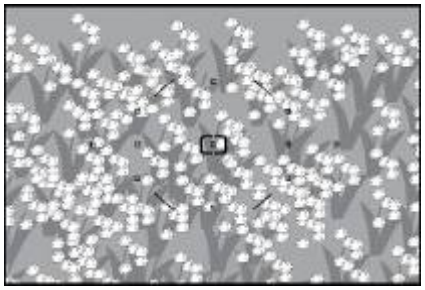
Chủ thể những hình thể mẫu tương đồng và nhiều:



thí dụ như những dãy cửa sổ ở toà nhà cao tầng



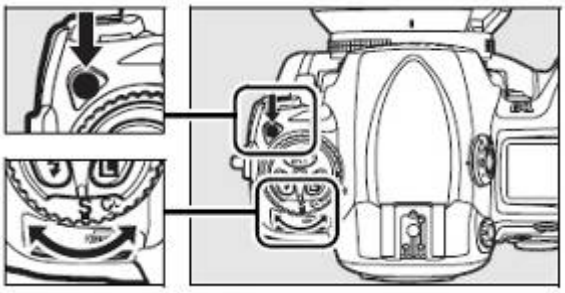
Chủ thể quá nhỏ trong vùng lấy nét .



Chủ thể có nhiều chi tiết đồng dạng: Như chụp cánh đồng hoa hay những chủ đề nhỏ khác mà không có sự khác biệt trong cùng một vùng sáng .

CHỌN CÁC CHẾ ĐỘ GHI HÌNH

Tuỳ thuộc vào các chế độ ghi hình, bạn có thể ghi hình từng tấm, ghi hình liên tục , chụp Self-time , Live view hay ghi hình với chức năng đẩy gương phản chiếu lên .

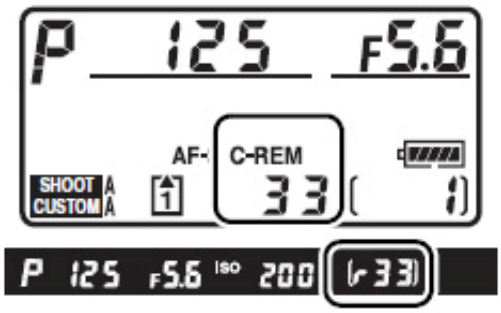


Để chọn các cách thức ghi hình , nhấn nút tháo giữ dĩa điều khiển chế độ và xoay nó về vị trí mong muốn

Bảng các chế độ ghi hình .

CHẾ ĐỘ	MÔ TẢ
S Single frame	Máy ghi hình từng tấm mỗi khi nhấn nút chụp .
CL Continuous low speed	Máy ghi hình liên tục tốc độ chậmtừ 1- 9 khung hình / giây khi nhấn nút chụp
CH Continuous high speed	Máy ghi hình liên tục tốc độ nhanh . Lên đến 9 khung hình / giây (từ 9 -11 khung hình / giây ở dạng DX 24 x16 mm).
Lv Live view	Ngắm cảnh chụp qua monitor . thích hợp khi chụp những góc rộng hay quá hẹp . Hoặc ở những nơi mà nhìn qua khung ngắm khó canh nét . Hay nhìn trên monitor giúp bạn canh nét chính xác hơn .
⏲ Self-timer	Dùng self-time để tự chụp hoặc để giảm mờ khi m bị rung máy
MUP Mirror up	Chọn chế độ này khi chụp Tele hay close -up (cận cảnh). Hoặc trong những tình huống khác để tránh làm ảnh bị nhòe do chuyển động nhẹ máy ảnh .khi chụp .

BỘ NHỚ ĐỆM .



Hình chụp trước khi lưu vào card được chứa tạm trong bộ nhớ đệm được trang bị cho máy . Bộ nhớ đệm cho phép bạn chụp liên tục. khi bộ nhớ đệm đầy , máy sẽ không chụp được cho đến khi những dử liệu trong bộ nhớ đệm chuyển hết vào trong card . Trong chế độ chụp liên tục, hình ảnh sẽ được ghi liên tiếp đến mức tối đa 130 tấm trong khoảng thời gian nút chụp còn được nhấn cho đến khi bộ nhớ đ ệm đầy.

Khi những hình ảnh được chuyển qua card, đèn báo nhận card sáng . Tuỳ thuộc vào số lượng hình, thời gian chuyển tải sẽ mất khoảng từ vài giây cho đến vài phút. Đừng lấy card hay pin ra trong lúc này . Nếu công tắc nguồn ở vị trí OFF, máy sẽ không tắt cho đến khi chuyển tải hết dử liệu qua card . Để tắtt máy mà không muốn ghi hình từ bộ nhớ đệm vào card, bạn nhấn nút có dấu hiệu thùng rác cho đến khi máy tắt nguồn. Nếu nguồn pin cạn khi dử liệu còn trong bộ nhớ đệm , nút chụp sẽ không hoạt động và hình ảnh chuyển qua card.

Bộ nhớ đệm sẽ báo tùy thuộc vào dung lượng, kích cỡ file hình . Khi số hiện báo (như hình trên là 33) thì bộ nhớ đệm sẽ lưu được 33 tấm .

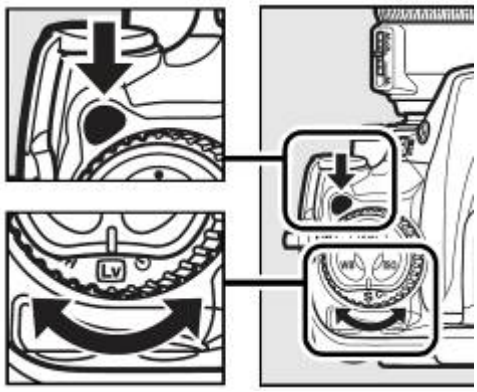
LIVE VIEW

Live View là một chức năng cho phép người chụp ngắm cảnh , vật thể qua màn hình LCD phía sau thân máy .

SỬ DỤNG CHỨC NĂNG LIVE VIEW

Khi muốn sử dụng chức năng Live view trên máy D3 , bạn cần lưu ý các vấn đề sau đây .

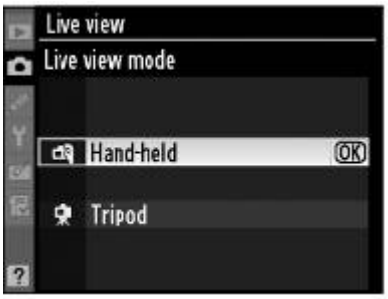
1. Chuyển qua chế độ Live view bằng dĩa điều khiển trên thân máy .



Nhấn nút khóa dĩa điều khiển và xoay đến dấu **Lv** .

2. Chọn các chế độ chụp Live View .



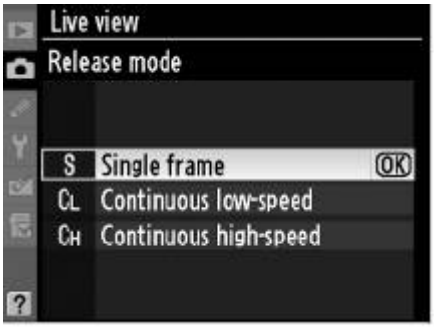


Trong Menu Shooting , chọn chức năng Live View . Và chọn tiếp các chế độ Live View bằng nút dấu ▶ . Sẽ có hai chế độ cho bạn chọn như sau :

- ***Hand-held*** : chế độ cầm tay . Chế độ này được chọn khi bạn chụp các chủ đề chuyển động . Hoặc bạn muốn thấy một khung hình cảnh chụp khác với góc nhìn qua khung ngắm . Máy sẽ hoạt động chế độ AF bình thường .
- ***Tripot*** : Chọn khi chụp với chân máy . Sử dụng chế độ này khi bạn chụp với các chủ đề tỉnh . Lấy nét một cách chính xác và ngắm to vật thể chụp . Chế độ lấy nét sẽ chuyển qua chức năng dò tìm chủ đề trên cơ sở so sánh độ tương phản của chủ đề với hậu cảnh .

Sau khi chọn chế độ Live View , bạn sẽ chọn tiếp chức năng ghi hình cho chế độ này .





Dùng con trỏ dấu ▼ để chọn chức năng ghi hình **Release mode**. Trong chức năng này, bạn sẽ phải chọn một trong ba chức năng ghi hình :

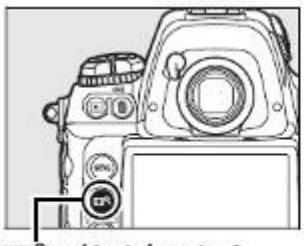
S single frame , Cl Continuos low-speed hay.**CH Continuos high-speed** .

SỬ DỤNG LIVE VIEW TRONG CHẾ ĐỘ HAND-HELD





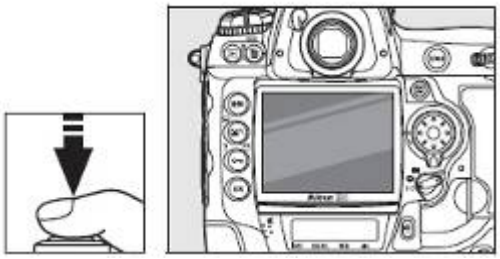
1) Chọn chức năng Live View .
2) Nhấn nhẹ nút chụp . gương phản chiếu sẽ nâng lên và hình ảnh sẽ hiện trên màn hình LCD .







3) Để phóng to hình cho dể quan sát , nhấn nút phóng to . Hình sẽ được phóng to lên gấp 13 lần. Bạn dùng hệ thống con trỏ để di chuyển quan sát chi tiết trên hình phóng to .
4) Trong chế độ AF , bạn có thể chọn S (lấy nét đơn) hay C (lấy nét liên tục) .Nhấn nhẹ nút chụp hay nhấn nút AF-ON
5) Nếu bạn chọn lấy nét M , phải xoay vòng lấy nét trên OK . Máy sẽ hổ trợ chức năng dò tìm khoảng cách.



6) Nhấn hết nút chụp để ghi hình . Nếu bạn sử dụng chế độ ghi hình liên tục tốc độ nhanh hoặc chậm , màn hình LCD sẽ tắt khi ngón tay của bạn vẫn còn đang nhấn nút chụp .

SỬ DỤNG LIVE VIEW TRONG CHẾ ĐỘ TRIPOT

1. Gắn máy vào chân máy
2. Chọn chức năng Live View





3. Nhấn nút **AF-ON** để lấy nét . ***Tuyệt đối không nhấn nút chụp để lấy nét chủ đề .***
4. Để phóng to hình cho dể quan sát , nhấn nút phóng to . Hình sẽ được phóng to lên gấp 13 lần . Bạn dùng hệ thống con trỏ để di chuyển quan sát chi tiết trên hình phóng to .

5. Trong chế độ AF , bạn có thể chọn S (lấy nét đơn) hay C (lấy nét liên tục) . Hệ thống lấy nét sẽ chuyển qua chức năng dò tìm chủ đề trên cơ sở so sánh độ tương phản của chủ đề với hậu cảnh .Điểm nét có thể lựa chọn bằng các hệ thống con trỏ. Nếu điểm nét có màu xanh và màn hình LCD sáng lên thì đó là máy nhận đúng nét . Nếu điểm nét màu đỏ là máy nhận chưa đúng nét . Trong chế độ lấy nét M . bạn nên Zoom OK để lấy nét chính xác .
6. Nhấn hết nút chụp để ghi hình . Nếu bạn sử dụng chế độ ghi hình liên tục tốc độ nhanh hoặc chậm , màn hình LCD sẽ tắt khi ngón tay của bạn vẫn còn đang nhấn nút chụp .

Lưu ý khi sử dụng AF trong chế độ Tripod:

Chức năng dò tìm chủ đề trên cơ sở so sánh độ tương phản của chủ đề với hậu cảnh sẽ làm cho máy lấy nét lâu hơn là cách lấy nét thông thường . Do vậy, hệ thống này sẽ không hoạt động chính xác khi :

- Máy không được gắn trên chân máy . Việc gắn trên chân máy nhằm mục đích tránh rung vì cầm tay, mang lại tính ổn định khi máy thực hiện chức năng dò tìm nét .
- Chủ đề thiếu sự tương phản .
- Chủ đề có những đường nét thẳng song song kéo dài từ đỉnh trong khung hình
- Điểm lấy nét vào chủ đề ngay nguồn sáng quá gắt . Chủ đề được chiếu sáng bằng nguồn sáng gom (spot light) hoặc các nguồn sáng khác làm thay đổi vùng sáng hiện hữu .
- Không sử dụng filter tạo tia sao gắn trước OK .
- Chủ thể di chuyển .
- Chủ thể quá nhỏ trong điểm lấy nét .
- Chủ thể có màu sắc trùng với màu phông .

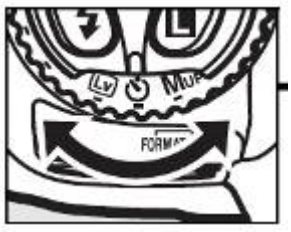
KẾT NỐI VỚI MÀN HÌNH TIVI LCD HAY PLASMA

Máy Nikon D3 có chức năng kết nối phát hình chất lượng cao HDMI trên màn hình Tivi LCD hay Plasma hiện nay .

Khi kết nối với chức năng chụp Live View , màn hình trên thân máy sẽ không hiện cảnh chụp . Thay vào đó trên màn hình Tivi LCD hay Plasma sẽ hiện cảnh chụp như sau :

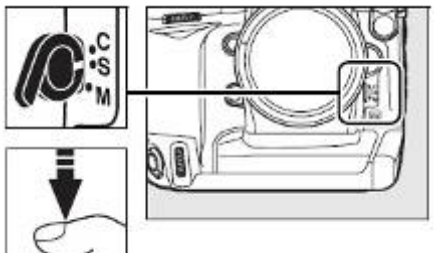


CHỨC NĂNG SELF-TIME .



Dùng chức năng này khi bạn muốn chụp tránh bị rung máy (với tốc độ chậm) hoặc tự chụp chân dung của mình (một mình hay cùng với người thân) . Dùng chân máy hay đặt máy trên một mặt phẳng.

1. Chọn chức năng Self-time .



2. Chọn chế độ lấy nét. Nếu chọn chế độ AF-S, phải lấy nét trước khi chụp.
3. Khi sử dụng Self-time , nhớ che khung ngắm đề phòng có nguồn sáng lọt vào làm thay đổi thời chụp



4. Nhấn nút chụp, đèn báo trên máy sẽ nhấp nháy và ngưng khoảng 2 giây trước khi màn trập mở ra để ghi hình.
5. Để thoát khỏi chức năng này , xoay dĩa chức năng chụp về chế độ khác



- Trong chế độ Self-time, nếu bạn đặt tốc độ B (buld) thì tốc độ máy sẽ hoạt động 1/5 giây .
- Để thay đổi thời gian Self-time , chọn trong Custom Setting c 3 (Self-time delay) và có thể đặt âm thanh báo thời gian trong Custom Setting d 1 .

CHỨC NĂNG MIRROR UP



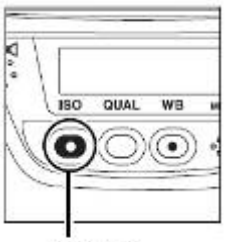
Chức năng này tránh cho ảnh bị nhòe khi máy bị dao động nhẹ trong lúc chụp . Sử dụng chức năng này khi chụp Tele hay cận cảnh . Lấy nét , bố cục xong nhấn nhẹ nút chụp , gương phản chiếu sẽ lật lên . Nhấn hết nút chụp để ghi hình .



ĐẶT ĐỘ NHẠY SÁNG ISO. ISO SENSITIVITY .

Có hai cách để bạn chọn độ nhạy sáng.

CHỌN ĐỘ NHẠY SÁNG BẰNG TAY .



nút ISO



Dĩa điều khiển chính

Độ nhạy sáng được đặt từ ISO 200 đến ISO 6400 với mức tăng giãm 1/3 EV. Đặt từ 0.3 – 1EV dưới ISO 200 và từ 0.3 – 2 EV trên ISO 6400 cho những vùng chụp đặc biệt .
ISO cũng đặt trực tiếp trên máy với nút ISO.



BẢNG ĐIỀU KHIỂN PHÍA TRƯỚC



BẢNG ĐIỀU KHIỂN PHÍA SAU



KHUNG NGẮM

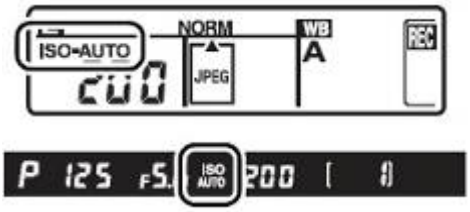
BẢNG ĐẶT ISO trong Custom Setting b1.

Custom Setting b1 (ISO sensitivity step value)	SỐ ISO
1/3 step (default)	LO 1, LO 0.7, LO 0.3, 200, 250, 320, 400, 500, 640, 800, 1000, 1250, 1600, 2000, 2500, 3200, 4000, 5000, 6400, HI 0.3, HI 0.7, HI 1, HI 2
1/2 step	LO 1, LO 0.5, 200, 280, 400, 560, 800, 1100, 1600, 2200, 3200, 4500, 6400, HI 0.5, HI 1, HI 2
1 step	LO 1, 200, 400, 800, 1600, 3200, 6400, HI 1, HI 2

- ***HI 0.3 – HI 2*** : Dãy ISO từ HI 0.3 đến HI 2 tương đương với ISO 8000 đến ISO 25600 . Hình chụp trong dãy ISO này chủ đề có thể bị nhiễu và màu sắc không chính xác.
- ***LO 0.3 – LO 1*** : Dãy ISO từ LO 0.3 đến LO 1 tương đương với ISO 100 đến ISO 160 . Sử dụng khẩu độ nhỏ trong vùng sáng mạnh. Độ tương phản thấp hơn trung bình. Trong mọi trường hợp thì nên dùng ISO 200

AUTO ISO

Khi chọn Auto ISO, máy sẽ tự điều chỉnh ISO trong các vùng chụp có nguồn sáng khác nhau.



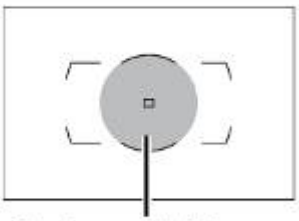
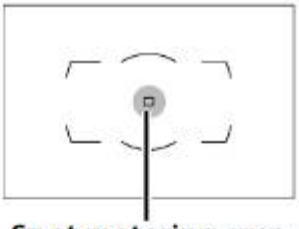
Trong chế độ chụp P và A, ISO sẽ điều chỉnh sao cho tốc độ máy hoạt động phù hợp trong vùng ánh sáng yếu.

Khi chọn ISO Auto, bảng điều khiển phía sau và trong khung ngắm sẽ hiển thị báo chức năng đang cài đặt.

CHƯƠNG III

ĐO SÁNG

Hệ thống đo sáng trên máy hoạt động tùy thuộc vào cách cài đặt

Method	MÔ TẢ
3D color matrix II	Áp dụng cho mọi chế độ chụp . Máy đo sáng vùng rộng và đặt thời chụp tùy thuộc vào nguồn sáng , sắc màu, khoảng cách và kết hợp lại để hình ảnh đạt sắc độ tự nhiên
Center-weighted	Máy đo sáng ngay trọng tâm của khung ngắm (mặc định là vòng tròn 12 mm tâm khung ngắm). Vùng đo sáng có thể thay đổi trong Custom setting b5 khi sử dụng với OK AF . Đo sáng trọng tâm thích hợp khi chụp Chân dung  Center weight area
Spot	Máy đo sáng ngay vòng tròn 4mm (khoảng 1.5% khung ngắm) Vòng tròn chính giữa điểm nét , tạo đo sáng dể dàng chủ đề trung tâm (nếu gắn OK không AF hay chọn Auto-area AF , máy sẽ đo sáng ngay tâm điểm nét) . Đo sáng điểm cho chủ đề đúng sáng , ngay cả khi hậu cảnh quá sáng hay quá tối .  Spot metering area

* Khi gắn Ok không AF , máy sẹ đo sáng trọng tâm với vòng tròn 12 mm giữa khung ngắm .

† Khi gắn OK không AF , phải báo chính xác tiêu cự , khẩu độ tối đa trong menu Non -CPU lens data .

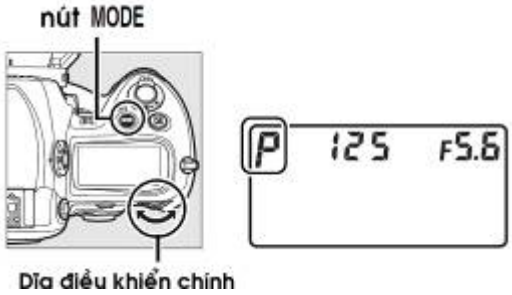
Để chọn chế độ đo sáng, nhấn nút khóa hệ thống đo sáng và xoay dĩa chọn chế độ đo sáng theo ý



CÁC CHẾ ĐỘ CHỤP .

Nikon D3 có 4 chế độ chụp như P (Program) A (ưu tiên khẩu độ) S (ưu tiên Tốc độ) và M (chỉnh tốc và khẩu độ bằng tay)

CHẾ ĐỘ CHỤP PROGRAM (P)



Trong chế độ này, máy tự chỉnh thời chụp để đạt được lộ sáng đúng khi bạn chụp ở bất cứ vị trí nào. Để đầy đủ hơn khi chụp, bạn có thể đặt Flexible program hay thời chụp bù trừ.

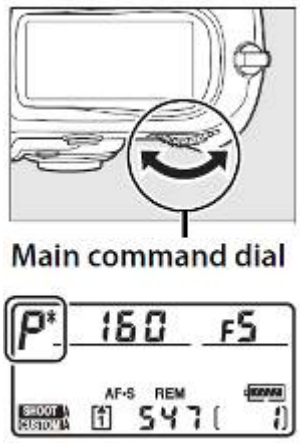
1. Nhấn nút MODE .Xoay dĩa điều khiển chính đến P.
2. Xác định dấu báo nét ● và chụp.

Khi chủ đề quá sáng hay quá tối, một trong hai dấu hiệu sau đây hiện báo trên LCD và trong khung ngắm :

HI : báo dư sáng , dùng Fliter ND .

Lo : thiếu sáng, dùng Flash.

LẬP TRÌNH LINH HOẠT (FLEXIBLE PROGRAM) .



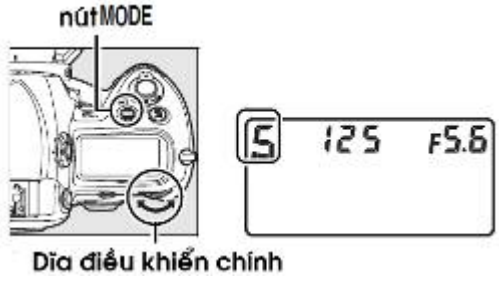
Trong chế độ chụp Auto multi program, khi bạn muốn thay đổi cặp Tốc / Khẩu độ theo ý mà vẫn giữ nguyên lộ sáng đúng, bạn chỉ cần xoay DĨA ĐIỀU KHIỂN CHÍNH cho đến khi dấu **P *** hiển thị trên LCD. Muốn xóa chức năng này, bạn chỉ cần xoay dĩa điều khiển chính cho đến khi dấu **P *** biến mất hoặc thay đổi chế độ chụp; tắt nguồn điện hay sử dụng Flash trong máy.



CHẾ ĐỘ CHỤP ƯU TIÊN

TỐC ĐỘ S

Trong chế độ này, cho bạn chỉnh tốc độ theo ý từ 30giây – 1/ 8000 giây. Hoặc đặt theo tốc độ đồng bộ đèn Flash là X 250 Máy tự chọn Khẩu độ để cung cấp cho thời chụp đúng. Với Tốc độ cao, bạn có thể bắt đứng chủ đề chuyển động và với Tốc độ chậm, bạn sẽ sáng tạo những chuyển động nhòe.



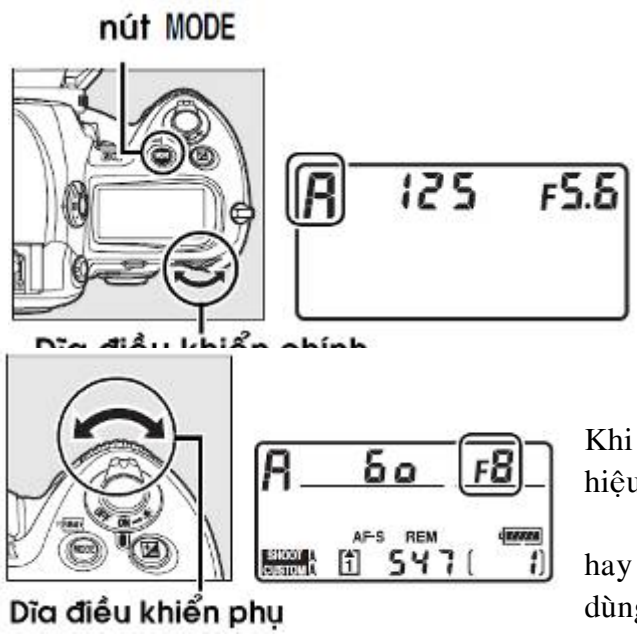
1. Nhấn nút MODE .Xoay dĩa điều khiển chính đến đến S và đặt tốc độ theo ý từ 30 -1/8000 giây bằng dĩa điều khiển chính
2. Xác định dấu báo nét ● và chụp.

Khi chủ đề quá sáng hay quá tối, một trong hai dấu hiệu sau đây hiện báo trên LCD và trong khung ngắm

HI : báo dư sáng , chọn Tốc độ cao hay giãm độ nhạy sáng. Nếu dấu này vẫn duy trì , dùng Fliter ND .

Lo : thiếu sáng, chọn Tốc độ chậm hay tăng độ nhạy sáng ISO. Nếu dấu này vẫn duy trì , dùng Flash.

- Khi bạn đặt Tốc độ B trong chế độ chụp chỉnh tay M và bạn chuyển qua chế độ chụp S mà không thay đổi trị số Tốc độ. Chữ Buld báo sáng nơi hiện Tốc độ và máy không cho bạn chụp . Bạn cần thay đổi Tốc độ khác trước khi chụp .
- OK máy cơ khi được gắn vào máy thì máy sẽ tự hoạt động chế độ chụp A và dấu báo S sẽ nhấp nháy trên bảng điều khiển .



CHẾ ĐỘ CHỤP ƯU TIÊN KHẨU ĐỘ A.

Bạn tự chọn Khẩu độ. Máy sẽ tự chọn tốc độ theo đó để cho thời chụp đúng sáng. Với những Khẩu độ khác nhau, bạn có thể điều chỉnh chiều sâu ành . Cho tiền cảnh hay hậu cảnh sắc nét hoặc cho hậu cảnh mờ nhòe. Khi chụp với Flash, thay đổi khẩu độ theo cự ly phát sáng của Flash.

1. Nhấn nút MODE .Xoay dĩa điều khiển chính đến A . Chọn khẩu độ bằng dĩa điều khiển phụ .
2. Xác định dấu báo nét ● và chụp.

Khi chủ đề quá sáng hay quá tối, một trong hai dấu hiệu sau đây hiện báo trên LCD và trong khung ngắm:

HI : báo dư sáng , chọn Khẩu độ nhỏ (số f lớn) hay giãm độ nhạy sáng ISO. Nếu dấu này vẫn duy trì, dùng Fliter ND .

Lo : thiếu sáng, chọn Khẩu độ lớn (số f nhỏ) hay tăng độ nhạy sáng ISO. Nếu dấu này vẫn duy trì, dùng Flash.

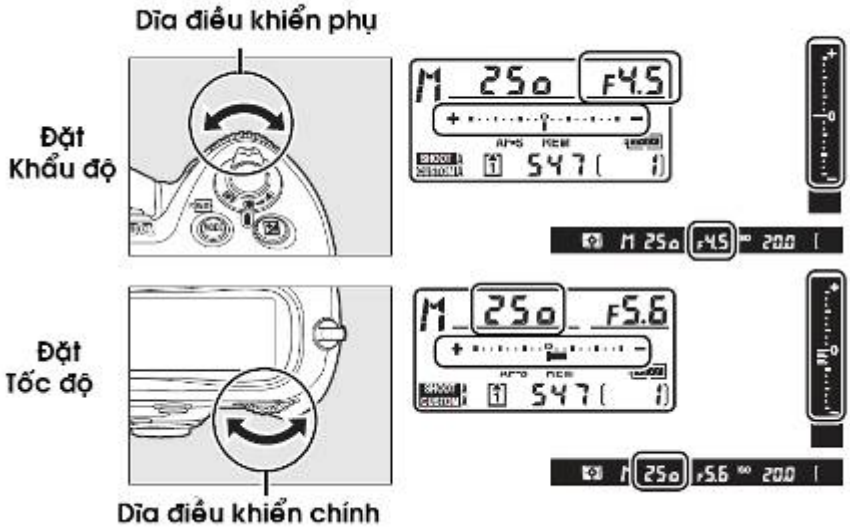
Nếu sử dụng OK máy cơ Nikon , vùng khẩu độ sẽ báo dấu hiệu như hình bên . Chỉnh khẩu độ trên OK .



CHẾ ĐỘ CHỤP CHỈNH CƠ M (Manual)

Cho phép bạn tự chọn đặt Tốc và Khẩu độ . Bạn có thể thay đổi thời chụp để tạo hiệu quả theo ý . Tốc độ đặt từ B – 1/8000 giây .

1. Nhấn nút MODE .Xoay dĩa điều khiển chính đến M và bố cục ảnh .



2. Đặt Tốc và Khẩu độ và xác định thời chụp đúng bằng cách theo mạch phân tích ánh sáng hiện trong khung ngắm.

- Đặt Tốc độ bằng dĩa điều khiển chính.
- Đặt Khẩu độ bằng dĩa điều khiển phụ.

MẠCH PHÂN TÍCH ÁNH SÁNG .

Với những tốc độ khác với tốc độ B , mạch phân tích ánh sáng hiện trong khung ngắm hay trên bảng điều khiển báo thời chụp bạn chọn có đúng , thiếu hay dư sáng . Tuy nhiên, tuỳ thuộc vào cách bạn chỉnh bước sáng trong EV mà mạch phân tích sáng báo khác nhau .

	Custom Setting b2 set to [1/3 step]		
	Đúng sáng	thiếu sáng 1/3 EV	Dư sáng trên 3 EV
Bảng điều khiển			
Khung ngắm			

KHÓA TỐC ĐỘ VÀ KHẨU ĐỘ

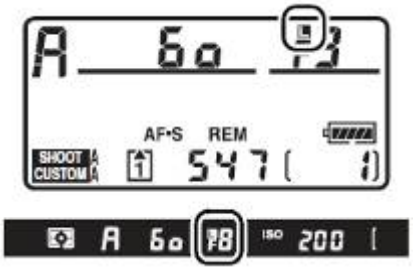
Nikon D3 thiết kế một chức năng là khóa Tốc hay Khẩu độ sau khi cài đặt để duy trì tốc độhay khẩu độ theo ý .Chức năng này không thích hợp với chế độ chụp P (Program) . Các chế độ chụp A, S và M đều sử dụng được .





Để khóa Tốc độ, nhấn nút L và xoay dĩa điều khiển chính cho đến khi dấu L hiện trên màn hình điều khiển

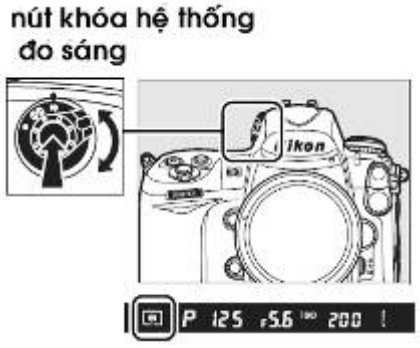




Để khóa Khẩu độ, nhấn nút L và xoay dĩa điều khiển phụ cho đến khi dấu L hiện trên màn hình điều khiển .

KHÓA AE : AUTOEXPOSURE LOCK

Dùng khóa đo sáng để bố cục lại hình sau khi máy đã đo sáng . Cho hình ảnh chụp đủ sáng . Chức năng này chỉ thích hợp với đo sáng Trọng tâm và đo sáng điểm .



1. Trong các chế độ chụp ***P , S, A*** chọn đo sáng trung tâm hay đo sáng điểm. Chế độ chụp ***M*** không sử dụng được chức năng này
2. Vị trí chủ đề ngay vùng nét được chọn và bạn nhấn nhẹ nút chụp. Khi dấu báo đúng nét hiện trong khung ngắm , vẫn giữ nút chụp và dùng ngón tay **cái nhấn nút AE-L/AF-L** . Dấu AE-L hiện báo trong khung ngắm báo chức năng này hoạt động .



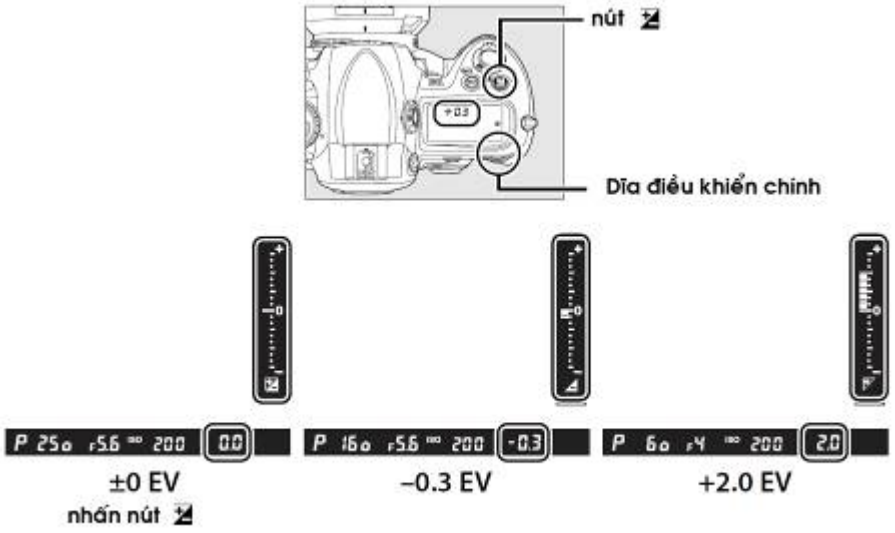
3. Vẫn nhấn nút AE-L/AF-L , bạn bố cục lại hình và chụp .



Khi chức năng này hoạt động , bạn có thể thay đổi các thông số Tốc , Khẩu độ mà không sợ ảnh hưởng đến vùng đã đo sáng trước đó .
Trong chế độ chụp P : thay đổi cặp Tốc , Khẩu độ .
Trong chế độ chụp S : thay đổi Tốc độ .
Trong chế độ chụp A : thay đổi Khẩu độ

CHỤP BÙ TRỪ SÁNG . EXPOSURE COMPENSATION

Để đạt được một nguồn sáng chính xác cho chủ thể, có thể sử dụng bù trừ lộ sáng . Theo kinh nghiệm , khi chụp chủ thể ngược sáng ,(có vùng hậu cảnh sáng hơn chủ thể) bạn chỉnh trị số bù trừ về cực dương . Nếu chủ đề sáng hơn hậu cảnh , bạn chỉnh trị số bù trừ về cực âm .





- Nhấn nút +/- và xoay diã điều khiển chính và xác định vùng bù trừ trên LCD và trong khung ngắm .Vùng bù trừ lộ sáng từ - 5 EV đến +5 EV với giá trị tăng trong 1/3 EV .
- Trị số vùng bù trừ sẽ hiện trên LCD và trong khung ngắm sau khi bạn nhấn nút chụp và số 0 của mạch phân tích ánh sáng điện tử sẽ nhấp nháy.

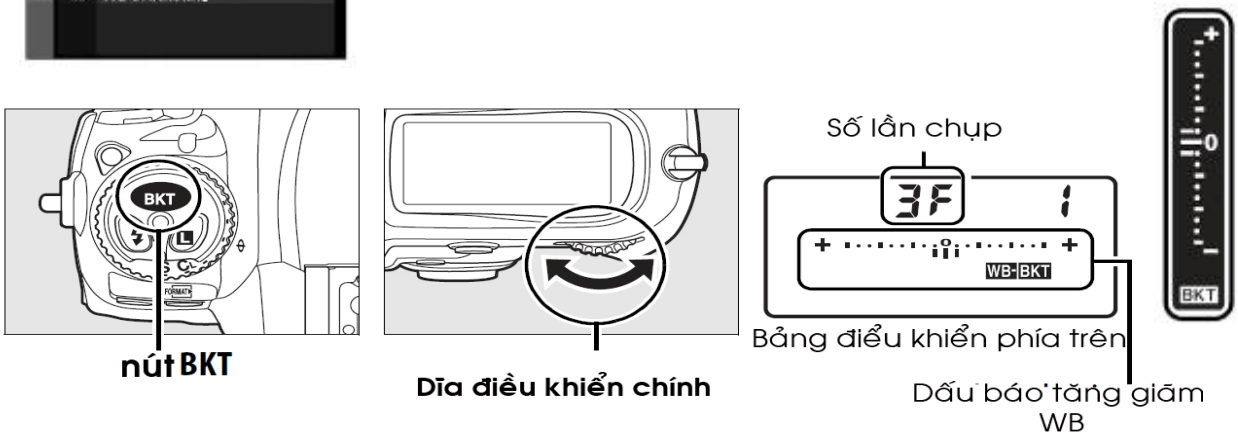
- Trở lại chế độ chụp bình thường bằng cách chuyển trị số về +/- 0 .0
- Để chuyển trị số vùng EV , chọn đặt trong chức năng Custom Setting b3 (EV step for exposure comp .
- Để gài đặt chụp bù trừ dễ dàng , chọn trong Custom Setting b4 (Easy exposure compensation)

CHỤP TĂNG GIẢM SÁNG BRACKETING

Chức năng này cho bạn chụp tăng giảm sáng một cách liên tục từ hai đến ba tấm hình. Một tấm thiếu sáng , một tấm đủ sáng và một tấm dư sáng . Chế độ File NEF không thể áp dụng chức năng này .



1. Chọn đặt chế độ chụp tăng giảm sáng trong Menu .



2. Nhấn nút BKT và xoay diã điều khiển chính để chọn số khung hình chụp bù trừ .(2 F : 2 hình , 3F : 3 hình)



3. Nhấn nút BKT và xoay diã điều khiển phụ để chọn thời chụp tăng và giảm.

Bảng hiển thị lệnh chụp tăng giảm sáng trên Menu

Bảng điều khiển hiển thị	số lần chụp	Lệnh tăng giảm (EVs)
0F 0.3	0	0
+3F 0.3	3	+0.3/0/+0.7
--3F 0.3	3	–0.3/–0.7/0
+2F 0.3	2	0/+0.3
--2F 0.3	2	0/–0.3
3F 0.3	3	0/–0.3/+0.3
5F 0.3	5	0/–0.7/–0.3/+0.3/+0.7
7F 0.3	7	0/–1.0/–0.7/–0.3/+0.3/ +0.7/+1.0
9F 0.3	9	0/–1.3/–1.0/–0.7/–0.3/ +0.3/+0.7/+1.0/+1.3

4. Lấy nét, bố cục hình và nhấn nút chụp . Khi chế độ này hoạt động , sẽ thay đổi thời chụp sau mỗi lần ghi hình





Exposure increment:
0 EV



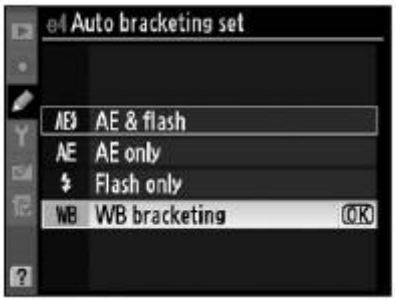
Exposure increment:
–1 EV



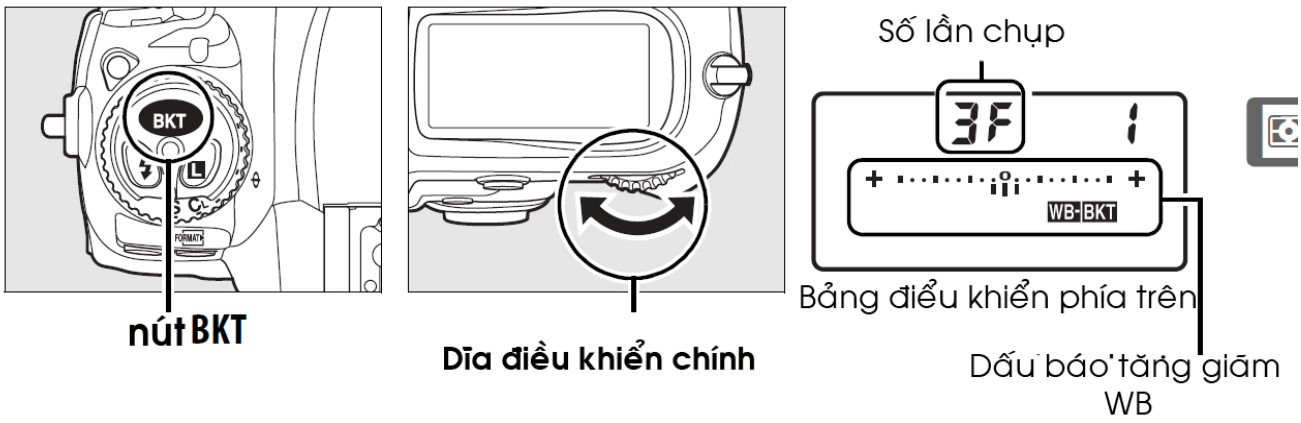
Exposure increment:
+1 EV

- Trong chế độ chụp liên tục tốc độ chậm và nhanh, máy sẽ tạm ngưng chụp sau khi thực hiện xong chức năng chụp tăng giãm sáng . Khi hình được lưu vào card, máy sẽ hoạt động trở lại .
- Nếu card đầy trong khi đang chụp tăng giảm sáng . Hình sẽ được ghi tiếp vào card mới . Nếu trong khi ghi hình bị tắt máy . Hình cũng ghi trở lại sau khi máy hoạt động lại .
- Trong chức năng chụp tăng giảm sáng . Máy sẽ thay đổi cặp tốc, Khẩu độ khác nhau cho mỗi lần chụp trong chế độ P . Trong chế độ A, M máy sẽ thay đổi Tốc độ . Trong chế độ S , máy sẽ thay đổi Khẩu độ .
- Custom Setting e5 (Auto Bracketing -chế độ chụp M) được dùng để thay đổi cách thực hiện chụp tăng giãm sáng với Flash . Có thể thay đổi bằng mức phát sáng Flash khác nhau cùng với Tốc hoặc Khẩu độ. Hay chỉ tăng giãm sáng chỉ với mức phát sáng Flash khác nhau .

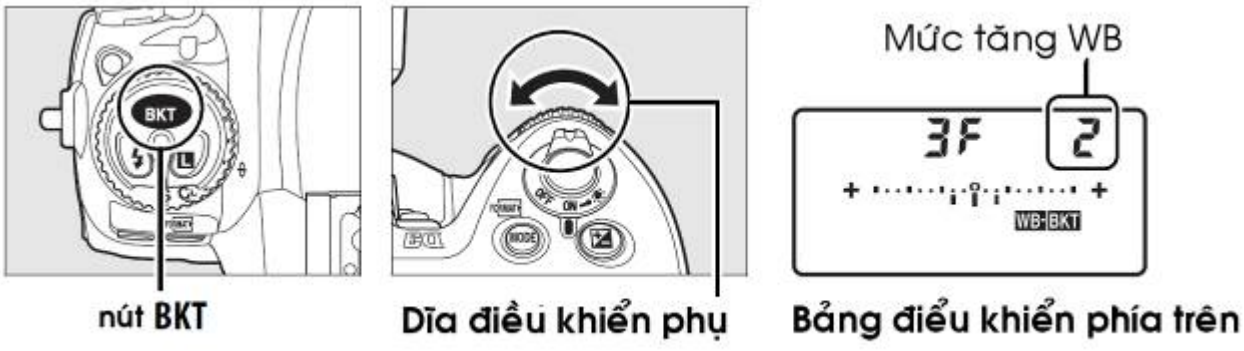
CHỤP TĂNG GIẢM WB



Chọn chế độ chụp tăng giảm WB trong menu Custom e4



Nhấn nút BKT, xoay dĩa điều khiển chính để chọn số lần chụp tăng giảm . Khi đặt, dấu WB-BKT sẽ hiện ở bảng điều khiển phía trên và phía sau .

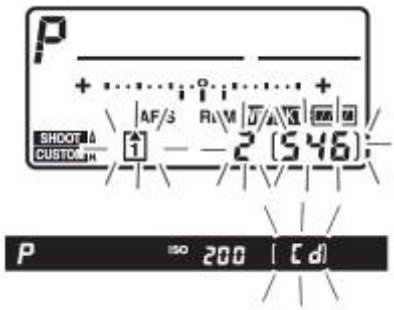


Nhấn nút BKT , xoay dĩa điều khiển phụ để chọn mức tăng giảm WB .

Chọn tăng từ 1 (5 mired) , 2 (10 mired) hay 3 (15 mired) . Nếu chữ B hiển thị báo tăng lượng màu xanh . Nếu chữ A hiển thị báo tăng lượng màu vàng đỏ.

Bảng điều khiển hiển thị	số lần chụp	Mức tăng WB	Lệnh tăng giảm (EVs)
0F 1	0	1	0
b3F 1	3	1 B	1 B / 0 / 2 B
A3F 1	3	1 A	1 A / 2 A / 0
b2F 1	2	1 B	0 / 1 B
A2F 1	2	1 A	0 / 1 A
3F 1	3	1 A, 1 B	0 / 1 A / 1 B
5F 1	5	1 A, 1 B	0 / 2 A / 1 A / 1 B / 2 B
7F 1	7	1 A, 1 B	0 / 3 A / 2 A / 1 A / 1 B / 2 B / 3 B
9F 1	9	1 A, 1 B	0/4A/3A/2A/1A/ 1 B / 2 B / 3 B / 4 B

Nhấn hết nút để chụp sau khi bố cục , lấy nét. Từng tấm hình được ghi với những sắc màu WB khác nhau .



Nếu đang chụp trong chế độ tăng giãm mà card đầy , các dấu trên bảng điều khiển phía trên nhấp nháy và trong khung ngắm chữ ***Cd*** sẽ nhấp nháy . Hình chụp sẽ được tiếp tục sau khi thay card mới .

- Chụp tăng giảm WB không thích hợp với file NEF (RAW) , NEF + JPEG (Fine, Normal , Basic) .
- Chụp tăng giảm WB chỉ hiệu quả trong trục màu Xanh da trời B Blue và Vàng đỏ A Ambien . Không nên tăng giãm sắc độ trong trục màu Đỏ Tím M và Xanh lá cây G .

Trở lại chế độ chụp bình thường bằng cách chuyển trị số về +/- 0 .0 và dấu BKT không còn hiện trên LCD .

CHƯƠNG IV

WHITE BALANCE .

Những nguồn sáng màu phản chiếu từ chủ đề có những sắc màu khác nhau . Trong bất kỳ nguồn sáng nào dù dưới bầu trời sáng hoặc u ám, hay dưới ánh sáng của đèn Neon , bóng đèn vàng ; mắt con người vẫn nhận ra được vật thể màu trắng . Với phim chụp thông thường, vật thể sẽ bị áp sắc dưới các nguồn sáng màu mạnh phản chiếu đến chủ đề . Nhất là dưới ánh sáng màu nhân tạo (đèn Neon , đèn bóng tròn) .

Riêng đối với máy ảnh kỹ thuật số, nguồn sáng màu được điều chỉnh từ những thông tin của các cãm ứng hình ảnh (CCD) tuỳ thuộc vào sắc màu để ghi nhận các màu trắng của chủ đề. Điều này gọi là Cân bằng trắng. Với màu sắc thiên nhiên, bạn chọn cân bằng sắc trắng bằng cách đặt cho hợp với nguồn sáng trước khi chụp .

Bảng chọn WB

CHẾ ĐỘ	NHIỆT ĐỘ MÀU (K)	MÔ TẢ
AUTO **Auto** (default)	3,500–8,000*	White balance tự điều chỉnh nhiệt độ màu trong phạm vi cảm biến hình ảnh và với 1.005 phân đoạn cảm biến RGB . Để đạt mức tốt nhất , nên dùng OK loại G hay D . Nếu gắn đèn Flash rời , WB sẽ điều chỉnh tương thích với nguồn sáng Flash
Incandescent	3,000*	Sử dụng với nguồn sáng đèn tròn
Fluorescent		Sử dụng dưới bảy nguồn sáng đèn neon
Sodium-vapor lamps	2,700*	Sử dụng dưới ánh sáng đèn sodium-vapor (đèn trong sân vận động)
Warm-white fluorescent	3,000*	Sử dụng dưới nguồn sáng đèn neon ánh sáng ấm (vàng nhẹ)
White fluorescent	3,700*	Sử dụng dưới nguồn sáng đèn neon trắng
Cool-white fluorescent	4,200*	Sử dụng dưới nguồn sáng đèn neon trắng lạnh
Day white fluorescent	5,000*	Sử dụng dưới nguồn sáng đèn neon ánh sáng trắng ban ngày
Daylight fluorescent	6,500*	Dùng dưới đèn neon ánh sángban ngày
High temp. mercury-vapor	7,200*	Dùng dưới nguồn sáng nhiệt độ màu cao (thí dụ như đèn cao áp thủy ngân)
Direct sunlight	5,200*	Sử dụng khi chủ đề trong nguồn sáng mặt trời .

.

Tiếp

CHẾ ĐỘ	NHIỆT ĐỘ MÀU (K)	MÔ TẢ
Flash	5,400*	Dùng với nguồn sáng đèn Flash
Cloudy	6,000*	Dùng ban ngày dưới bầu trời đầy mây
Shade	8,000*	Dùng ban ngày khi chụp chủ đề trong bóng râm
Choose color temp.	2,500–10,000	Chọn nhiệt độ màu theo ý
PRE Preset manual	—	Chọn cách gài đặt WB chuẩn theo các vùng chụp

* Các con số chỉ là ước lượng . Mức tinh chỉnh bằng 0

WB còn có thể đặt trực tiếp trên máy



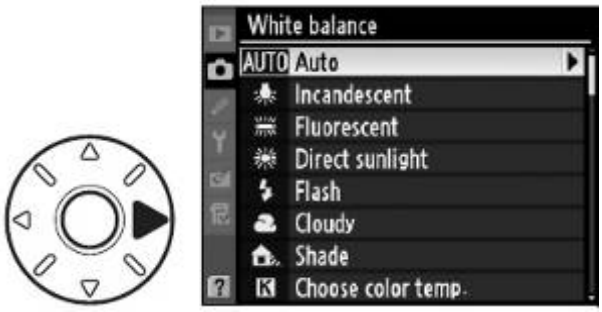
Đèn Flash Studio :

Auto WB không thích hợp khi sử dụng trong phòng chụp với đèn Flash Studio. Nên chọn nhiệt độ màu , sử dụng Preset WB hay chọn WB Flash và tinh chỉnh WB đến mức tốt nhất .

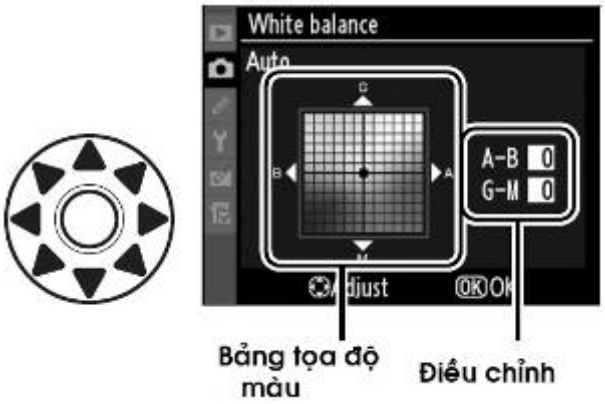
TINH CHỈNH WB FINE – TUNING WB .

Tinh chỉnh WB với mục đích sửa lại sắc độ màu trong các nguồn sáng khác nhau tại nơi chụp hoặc để làm áp sắc một màu nào đó cho hình ảnh chụp . Tinh chỉnh WB có thể chọn trong Menu Shooting – White balance hay nhấn nút WB và xoay dỉa điều khiển phụ .

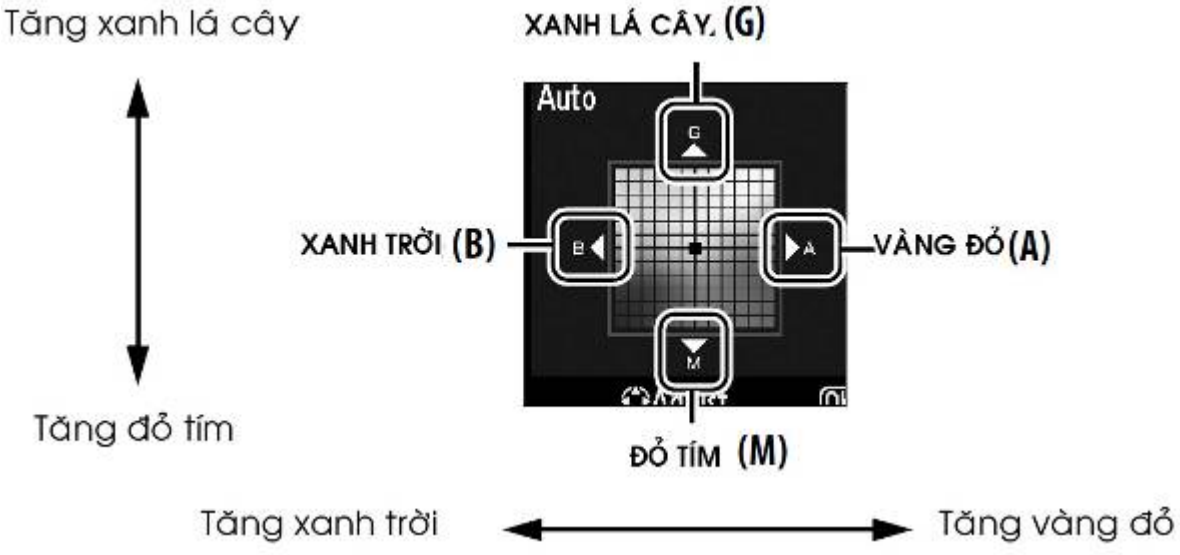
Chọn trong menu :

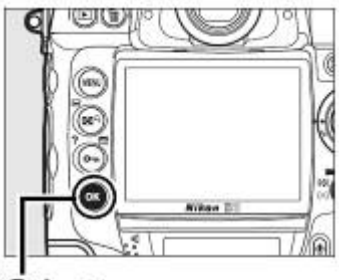


1 . Chọn WB trong Menu .

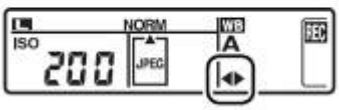


2. Điều chỉnh sắc màu WB bằng hệ thống nút chọn để di chuyển điểm WB đến vị trí sắc màu theo ý .





Nhấn nút OK sau khi chọn đặt .



- Nút WB còn có thể dùng để tinh chỉnh WB tăng sắc màu trên trục từ A (vàng đỏ) đến B (xanh da trời) với 6 mức . Mỗi một mức tương ứng là 5 mired . Áp dụng cho các WB chỉ ngoại trừ K và Preset (chỉnh trong Menu) .
- Nhấn nút WB và xoay đĩa điều khiển phụ để tăng sắc màu A (vàng đỏ) . Nhấn nút WB và xoay đĩa điều khiển chính để tăng sắc màu B (xanh da trời)



Khi chọn nhiệt độ màu K , nhấn nút WB và xoay đĩa điều khiển phụ để chỉnh các số nhiệt độ màu .



Preset White Balance

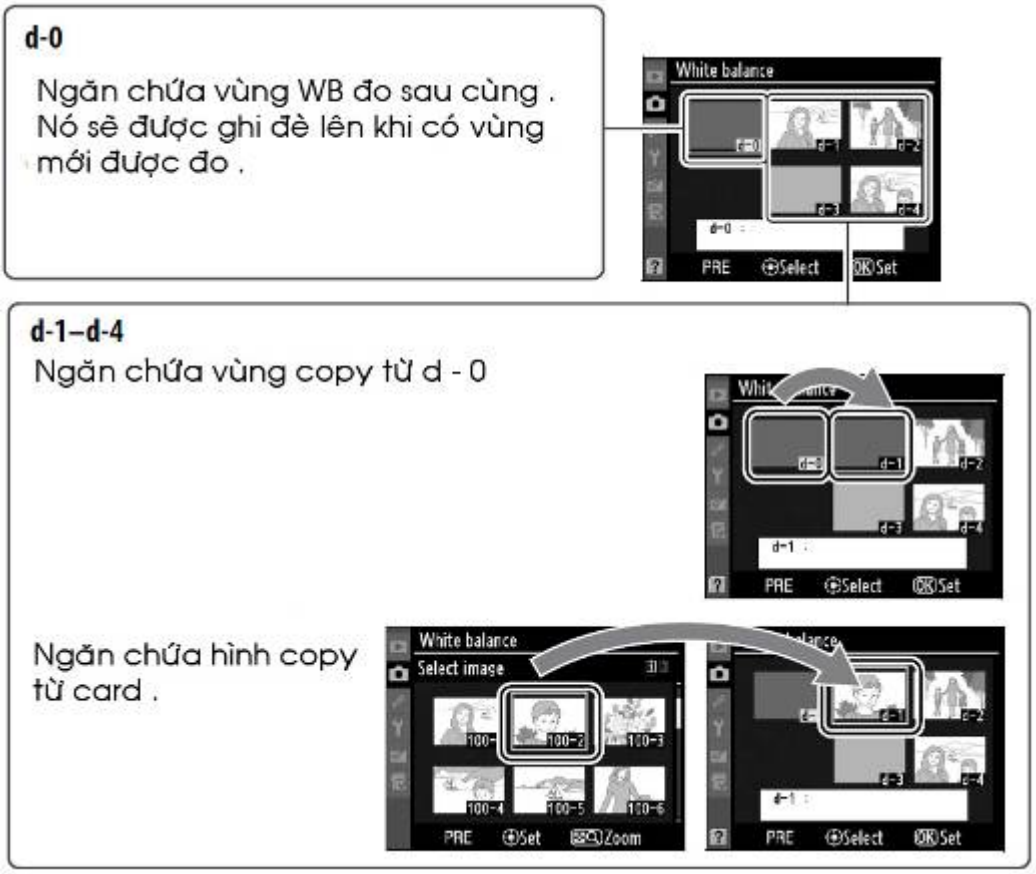
Preset WB sử dụng lúc chụp trong vùng có nhiều nguồn sáng khác nhau hay bù trừ trong vùng nguồn sáng mang một sắc màu mạnh . Preset Wb cũng còn dùng để lấy lại vùng trắng trong các hình đã chụp.

Có hai cách sử dụng Preset WB:

1. ***Direct measure*** : dùng vật thể xám hay trắng để máy ghi nhận WB .
2. ***Copy from existing photograph*** : Sao chép Wb từ hình trong card .

.

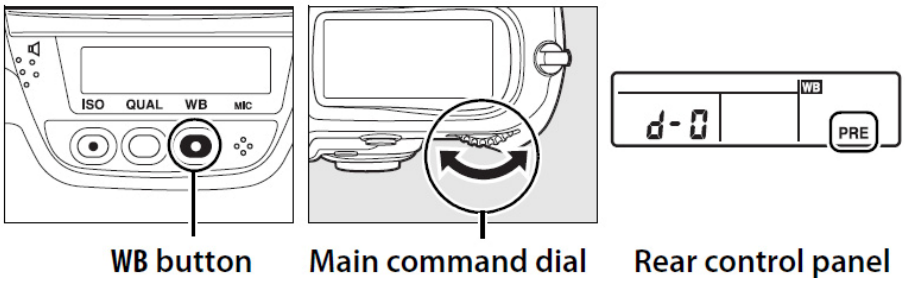
Vùng WB mới được lưu trong ngăn ***d-0*** và khi bạn sử dụng phải chọn ***d-0*** .Nếu không chọn vùng lưu khi đo Preset , WB sẽ tự set nhiệt độ màu 5,200K tương đương Direct Sunlight .
Ngăn chứa Preset WB ***d-0*** được duy trì cho đến khi bạn đo thay thế nó . Trước khi đo vùng mới thay thế , bạn có thể sao chép ***d-0*** đến bất cứ ngăn preset nào khác , trên 5 ngăn preset WB được lưu trử . Máy ghi nhận từ ***d-0*** đến ***d-4*** .



<u>Measuring a Value for WB</u>

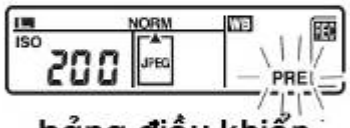
WB có thể được đo từ vùng phản chiếu vật thể xám hay trắng . Vùng nhận WB này được đặt tự động trong ngăn ***d-0***.

1. Đặt vật thể trắng hay xám dưới nguồn sáng để ghi hình . Miếng card xám chuẩn cũng được sử dụng để đo WB trong studio .
2. Nhấn nút WB và xoay dĩa điều khiển chính cho đến khi ***PRE*** hiện trên bãng điều khiển .





Bảng điều khiển phía trên



bảng điều khiển phía sau



Khung ngắm

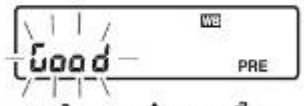
3. Rời tay khỏi nút WB rồi nhấn trở lại cho đến khi dấu ***PRE*** bắt đầu nhấp nháy . Theo gài đặt mặc định , dấu báo nhấp nháy sáng trong 6 giây .

4. Ngắm trong khung phải phủ đầy vật thể xám hay trắng . Khi nhấn nút chụp , máy không ghi hình nhưng ghi nhận vùng WB . Vùng Preset WB cũng được ghi nhận khi bạn chụp đo không đúng nét .

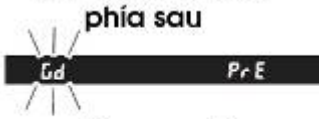
và



Bảng điều khiển phía trên



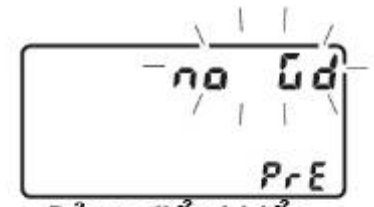
bảng điều khiển phía sau



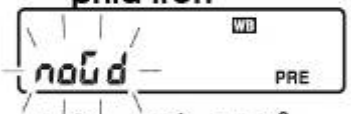
Khung ngắm

5. Nếu máy ghi nhận đúng , trên bãng điều khiển sẽ báo chữ ***Good*** trong khung ngắm sẽ chớp sáng chữ ***Gd*** .

6. Nếu vùng ghi ảnh quá sáng hay quá tối, máy sẽ báo chữ ***noGd*** trong khung ngắm và trên bãng điều khiển. Bạn phải trở lại từ bước 4 .



Bảng điều khiển phía trên

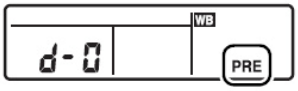


bảng điều khiển phía sau

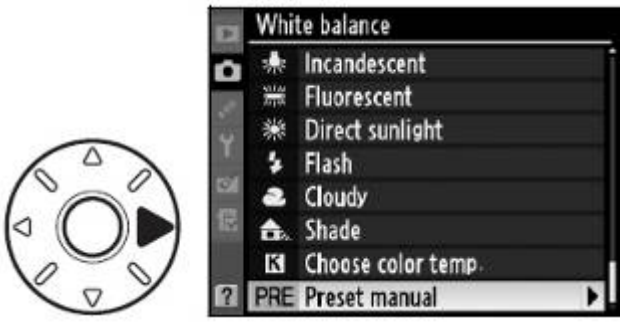


Khung ngắm

Vùng Preset sẽ được đặt trong ngăn ***d-0*** . Nhấn nút WB và xoay đĩa điều khiển phụ để chọn ***d – 0***



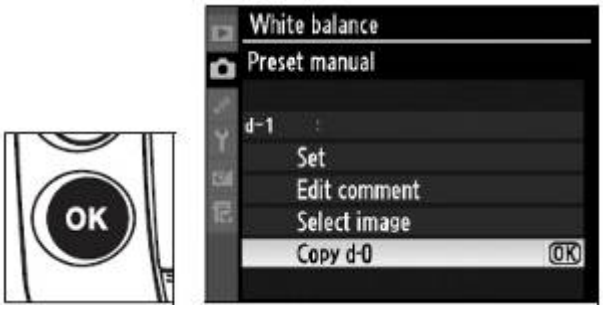
Vùng WB mới được lưu trong ngắn d-0 và khi bạn sử dụng phải chọn d-0 .Nếu không chọn vùng lưu khi đo Preset , WB sẽ tự set nhiệt độ màu 5,200K tương đương Direct Sunlight .
COPY WHITE BALANCE TỪ d-0 ĐẾN d -1 – d 4.



1. Chọn Preset manual.



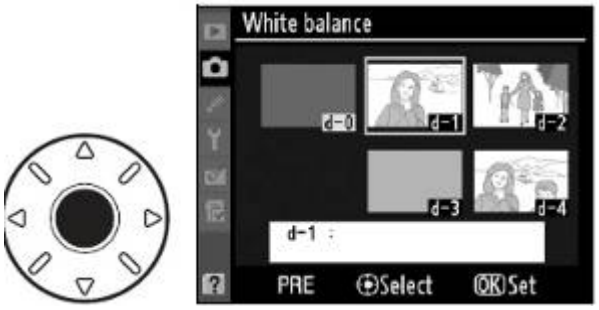
2. Chọn ngăn chứa từ d-1 đến d-4 .



3. Chọn copy d-0 và bấm OK.

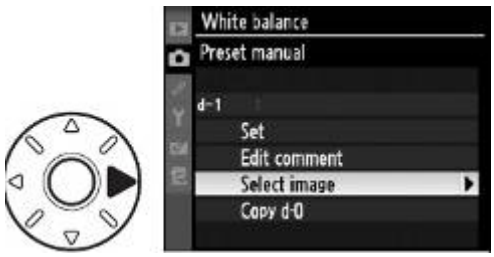
COPY WHITE BALANCE TỪ HÌNH TRONG CARD ĐẾN d -1 – d 4.

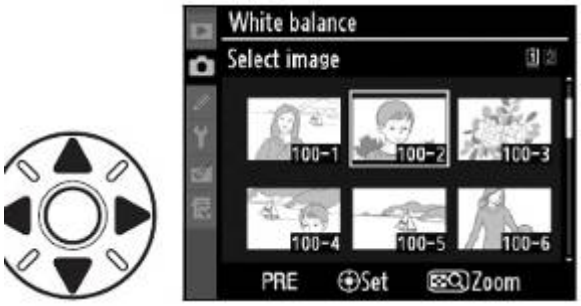
1. Chọn Preset manual trong Menu White Balance



2. Chọn ngăn chứa hình WB từ d-1 đến d-4 .

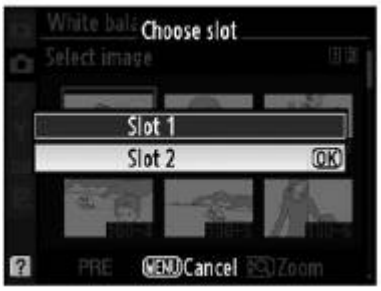
3. Chọn hình .





4. Chọn hình . Nhấn nút phóng to để hiển thị hình đầy khung .

5. Nếu sử dụng hai card , phải chọn một ngăn chứa card . Bấm nút phóng to /thu nhỏ hình và bấm nút ▲ để chọn ngăn chứa card.

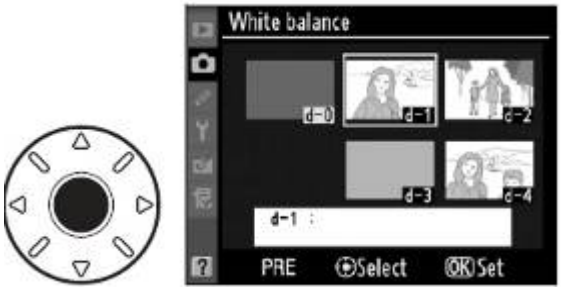


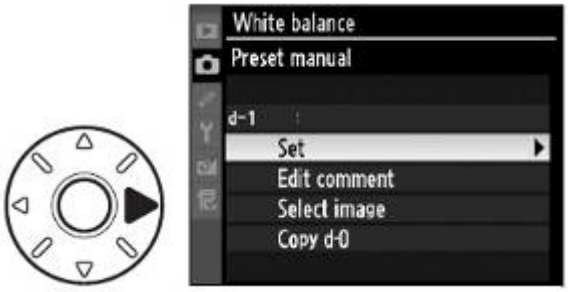
6. Bấm nút chính giữa hệ thống nút chọn để hoàn tất việc copy từ hình vào ngăn Preset . Nếu hình có chứa ghi chú. Những ghi chú này cũng sẽ được copy theo.

CHỌN VÙNG PRESET WB

Sau khi gài đặt xong vùng Preset WB vào ngăn chứa. Khi sử dụng, có thể chọn một trong các ngăn chứa theo cách sau đây .

1. Chọn Preset Manual trong Menu White Balance .
2. Chọn ngăn Preset



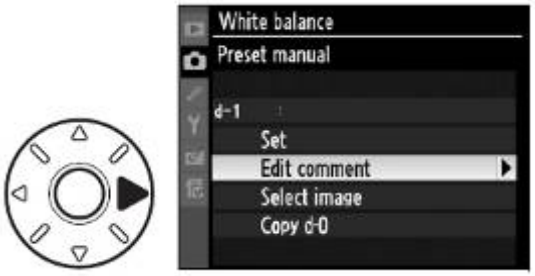


3. Chọn SET và bấm ▶ . Vùng tinh chỉnh WB sẽ xuất hiện . Nếu không cần tinh chỉnh , bấm nút OK .

GHI CHÚ THÊM TRONG WB

Bạn có thể thêm các ghi chú trong WB Preset với độ dài là 36 ký tự.

1. Chọn Preset Manual trong Menu White Balance.
2. Chọn ngăn Preset WB.
3. Chọn Edit commant





4. Nhập ký tự bằng các con trỏ trong hệ thống nút chọn .



CHƯƠNG V

PICTURE CONTROL

Picture Control là một chức năng định dạng sắc màu ảnh chụp . Nó giúp cho người chụp chủ động được các sắc độ màu khi chụp với những chủ đề khác nhau. Hỗ trợ thêm độ sắc nét , tương phản , bảo hòa màu . Những gài đặt này có thể lưu lại vào máy dưới cái tên khác trong hệ thống Picture Control . Và được chỉnh sửa theo ý.

Người sử dụng có thể chuyển tải bất cứ phần mềm tạo Picture Control mới vào card hay sao chép Picture control từ trên máy vào card , để sử dụng trên máy tính với các phần mềm tương thích.

Như vậy , để có những tấm ảnh đẹp với Picture control , người chụp cần phải lưu ý gài đặt về chế độ đo sáng , AF , ISO ,WB cùng tốc và khẩu độ trước khi chụp . Chức năng này được áp dụng với các chế độ chụp như P,A,S và M .

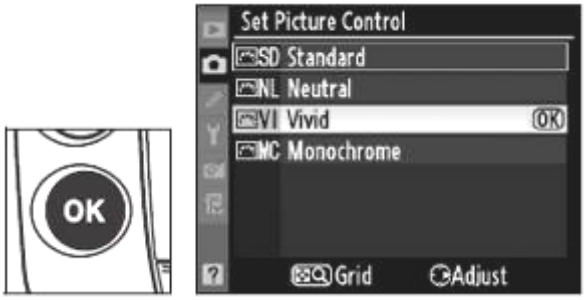
CHẾ ĐỘ	MÔ TẢ
SD **Standard**	Chế độ hình áp dụng cho mọi cảnh chụp
NL **Neutral**	Chế độ hình ảnh có sắc độ trung tính . thích hợp chụp để chỉnh sửa lại theo ý.
VI **Vivid**	Hình ảnh tăng sắc độ màu . Thích hợp in trực tiếp hay nhấn mạnh sắc màu trong ảnh chụp
MC **Monochrome**	Chụp đơn sắc

.

CHỌN PICTURE CONTROL

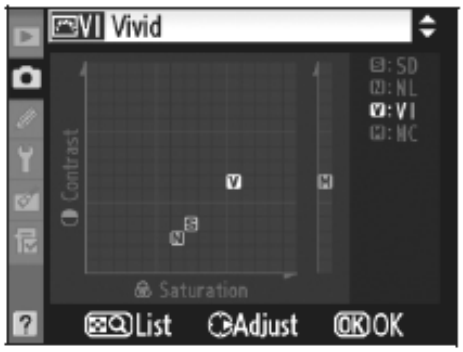


1. Trong menu Shooting chọn Set Picture control .

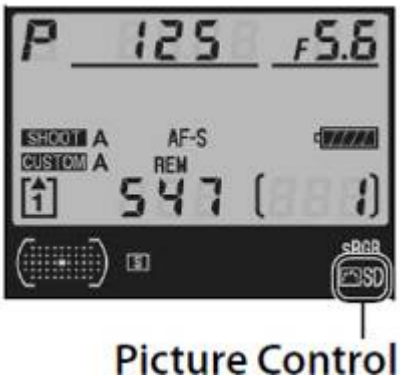


2. Chọn chế độ Picture Control theo ý và bấm OK.

Trong phần này , nếu bạn nhấn nút thì máy sẽ hiện một khung lưới báo độ bão hòa màu cùng mức tương phản của chế độ được chọn . Và trên khung lưới này cũng hiện báo thông tin liên quan đến các chế độ Picture control khác. Trong chế độ Monochrome , bảng này chỉ báo contrast .



Để chọn Picture Control khác , nhấn ▲ hay ▼ và nhấn tiếp ▶ để màn hình hiện báo Picture Control khác rồi nhấn OK .



Và khi bạn nhấn nút ***INFO*** , màn hình LCD sẽ báo chế độ Picture Control mà bạn đang sử dụng

Trong các chế độ Picture control, bạn có thể tinh chỉnh theo ý mình .

1. Chọn một chế độ trong picture control và nhấn ► .





2. Dùng con trỏ ▲,▼,◄ và ► để di chuyển hay chọn các cài đặt như : Sharpening (nét) Contrast (tương phản) Brightness (mức sáng) , Saturation (bão hòa màu) Hue (sắc màu) cho chế độ mình đã chọn . Xong bấm nút OK

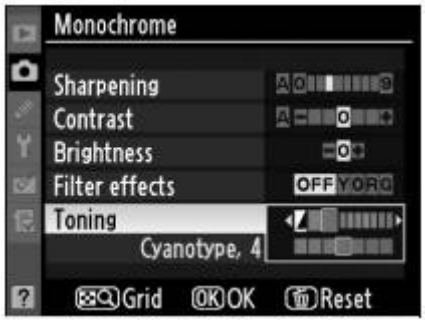
3. Các chế độ trong Picture control nếu được chỉnh sửa thì sẽ hiện dấu ✱ kế bên ký hiệu chế độ đó.

CHẾ ĐỘ		MÔ TẢ
Quick adjust Chỉnh nhanh		Chọn từ (-2) và (+ 2) để giảm hay tăng hết mức các hiệu quả của chế độ Picture control được chọn . Thí dụ : chọn chế độ Vivid , sẽ làm tăng sắc độ màu trong chế độ này . chức năng này không thích hợp với Neutral , Monochrome hay custom Picture Control .
Chỉnh tay Tất cả chế độ Picture control	Sharpening Nét	Điều chỉnh nét . Chọn A để tăng nét tự động tùy thuộc vào vùng chụp .Hoặc chọn gài đặt từ 0 đến 9 . Số càng cao thì nét càng tăng .
	Contrast Tương phản	Chọn A để tăng giảm tương phản tự độngtùy theo vùng chụp. Hoặc chọn gài đặt từ -3 và + 3 . Chọn vùng tương phản thấp để ngăn ngừa chủ đề mất tương phản khi chụp thuận sáng . chọn tương phản cao để có chi tiết khi chụp phong cảnh có sương mù và những chủ đề có tương phản thấp .
	Brightness Độ sáng	Chọn - 1 để giảm độ sáng và + 1 để tăng độ sáng . Không ảnh hưởng đến thời chụp .
Chỉnh tay Chế độ chụp màu	Bảo hòa màu Saturation	Điều chỉnh tăng sắc độ màu . Chọn A để tăng sắc màu tự động theo vùng chụp . Hay chọn tăng giảm từ - 3 đến +3 .
	Hue Sắc độ màu	Chọn vùng thấp (tối đa là -3 làm cho màu đỏ trở thành tím , xanh trời thêm sắc xanh lá cây và xanh lá cây thêm vàng . Chọn vùng cao (tối đa + 3) cho màu đỏ thành cam , xanh lục thêm sắc xanh trời và xanh trời thành tím .
Chỉnh tay Chế độ chụp đơn sắc	Filter effects	Tạo hiệu ứng màu filter cho chế độ chụp đơn sắc. Chọn từ OFF (mặc định) hay yellow vàng , orange cam , red đỏ và green xanh lục
	Sắc thái màu sắc Toning	Chọn sắc thái màu cho chế độ chụp đơn sắc. từ B&W trắng đen (mặc định) , Sepia nâu đất , Cyanotype xanh lam , áp sắc xanh , Red , Yellow, Green , Blue Green , Blue , Purple Blue xanh tím , Red Purple đỏ tím

Hiệu ứng Filter (Dành riêng cho chế độ Monochrome)
Có những filter tạo hiệu ứng màu cho chế độ Monochrome.

Chức năng		MÔ TẢ
Y	Yellow	Tăng tương phản. Dùng để giảm sắc màu sáng của bầu trời khi chụp phong cảnh. Màu Cam tạo nhiều tương phản hơn màu vàng . Đỏ tương phản hơn Cam
O	Orange	
R	Red	
G	Green	Làm dịu sắc màu da . Dùng để chụp chân dung

Chỉnh sắc thái màu (Dành riêng cho chế độ Monochrome)



Nhấn nút ▼ khi chọn Toning . Nhấn nút ◀ hay ▶ để chỉnh sắc bảo hòa màu . Không chỉnh sắc bão hòa màu trong chế độ chụp B&W Trắng Đen .

TẠO PICTURE CONTROL THEO Ý .CUSTOM PICTURE CONTROL

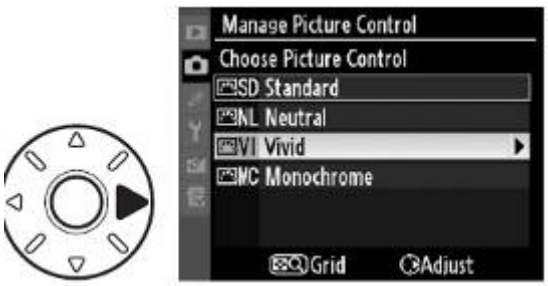
Chức năng này cho phép người dùng có thể tạo một Picture control khác theo ý .

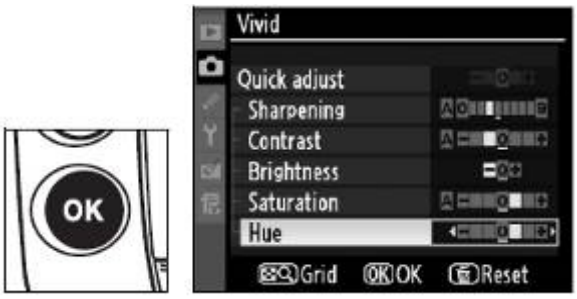




1. Chọn Manage Picture control.

2. Chọn Save /edit .





3. Chọn một chế độ Picture control .

4 . Tinh chỉnh các chức năng theo ý .

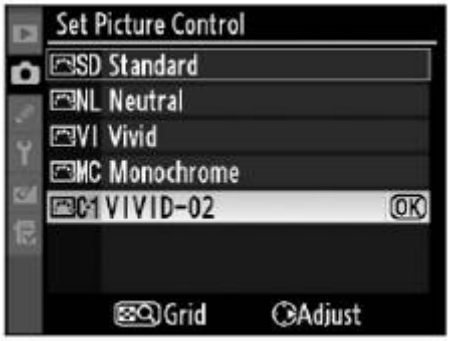


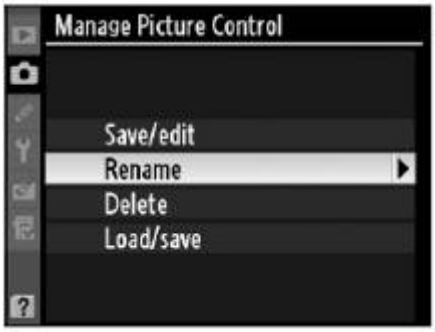


5. Chọn nơi lưu trữ

6. Đặt tên cho chế độ Picture control mới .

Sau khi đặt tên , nhấn nút OK và tên của chế độ Picture control mới sẽ hiện lên trên bảng Picture Control





Và bạn cũng có thể đổi tên chế độ này bằng cách nhấn chọn Rename



Khi sử dụng với chế độ Picture control mới được tạo từ một chế độ picture control trong danh sách . Dấu báo chế độ nguyên gốc sẽ hiện báo .

CHIA SẺ CUSTOM PICTURE CONTROL

Custom Picture control được tạo từ phần mềm View NX hoặc Capture NX và được copy vào card rồi lưu lại vào trong máy D3 để tạo thành một Picture control mới . Hoặc copy chế độ Picture control từ máy vào trong card để sử dụng cùng với những phần mềm tương thích với máy ảnh .

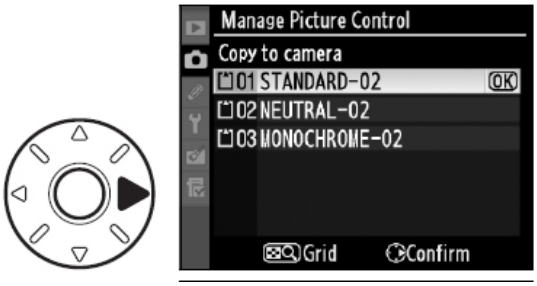
COPY CUSTOM PICTURE CONTROL TỪ MÁY

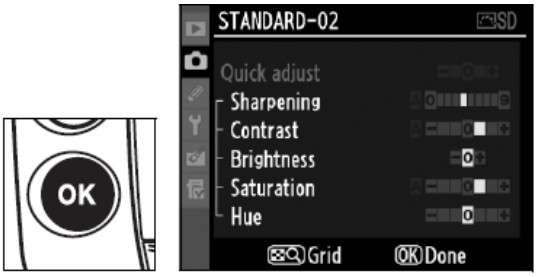




1. Chọn Load / Save.

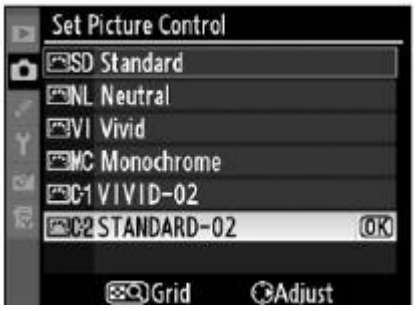
2. Chọn Copy to Camera .





3. Chọn một Picture control và bấm OK .





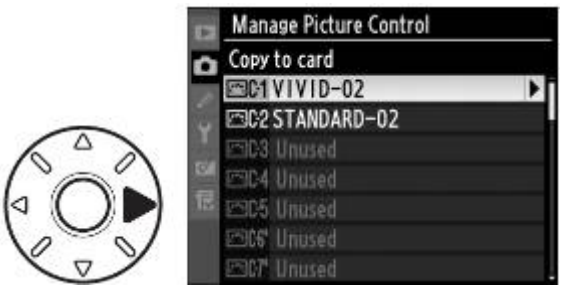
4. Chọn nơi lưu trữ và bấm ▸. Đặt tên cho chế độ Picture control mới .

Sau khi đặt tên , nhấn nút OK và tên của chế độ Picture control mới sẽ hiện lên trên bảng Picture Control . Và bạn cũng có thể đổi tên chế độ này bằng cách nhấn chọn Rename

LƯU CUSTOM PICTURE CONTROL TỪ CARD

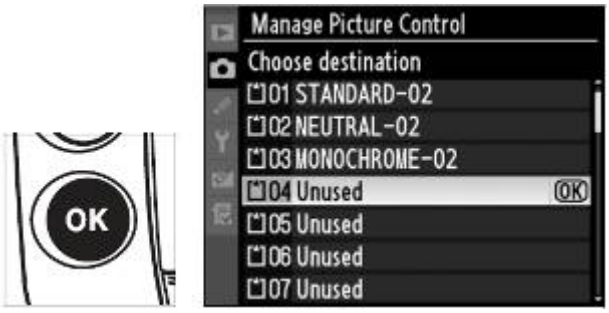
Khi bạn chép những phần Custom Picture Control được tạo bằng các phần mềm của Nikon hoặc dowload các picture control từ trên site của Nikon vào card . Dùng chức năng này để đưa các Custom Picture Control từ card vào máy .





1. Chọn copy to card

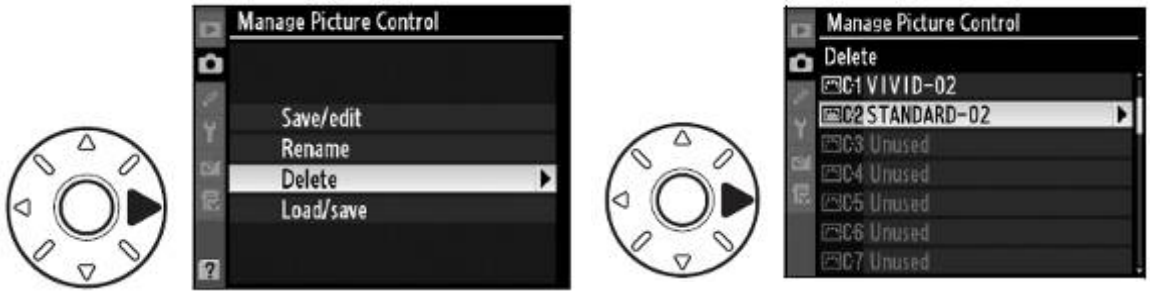
2. Chọn chế độ Picture Control



Chọn nơi lưu trữ (Unused) . Có thể chọn từ 1 đến 99 ngăn lưu trữ. Nếu chọn ngăn lưu trữ đã có trước đó , chế độ mới sẽ chép đè lên trên .

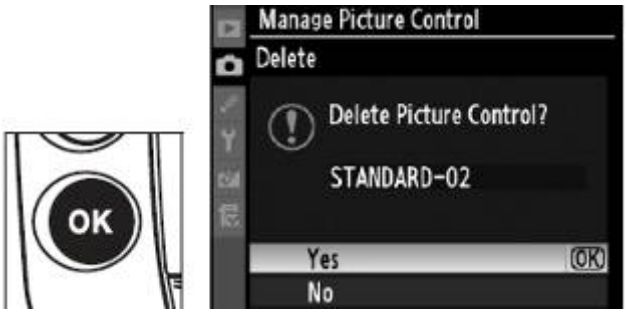
- Những chế độ Picture Control chính thức của máy sẽ không copy được vào card .

XÓA CUSTOM PICTURE CONTROL

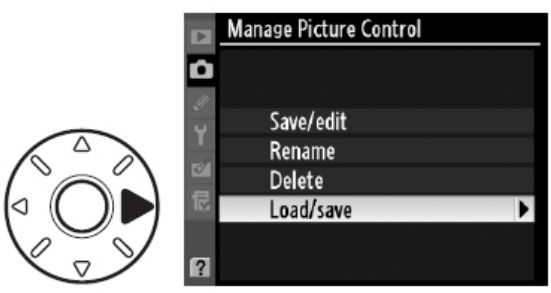


1. Trong menu Manage Picture control chọn Delete . 2. Chọn chế độ cần xóa.

3. Nhấn nút OK để xác nhận xóa .



XÓA TỪ CARD .



1. Chọn load/save , bấm ▸



2. Chọn Delete from card , bấm ▸







3. Chọn chế độ cần xóa, bấm OK 4. Bấm OK xác định xóa (Yes) .

D-LIGHTING

Hoạt động chức năng D-Lighting để giữ những chi tiết trong vùng quá sáng hay tối nhằm tạo cho hình ảnh có mức tương phản tự nhiên hơn . Sử dụng khi chụp những vùng có tương phản cao . Thí dụ như chụp chủ đề ngược sáng hoặc chủ đề trong nguồn sáng gắt .



Active D-Lighting: High



Active D-Lighting off



Active D-Lighting: Normal



Active D-Lighting: Low





1 . Chọn Active D –Lighting , bấm ▸ 2. Tùy chọn Hight , Normal , Low hay Off . Bấm OK

- Active D –Lighting hoạt động với đo sáng Ma trận. Chức năng chỉnh Brightness (độ sáng) và Contrast (tương phản) không điều chỉnh được khi hoạt động Active D –Lighting . ISO HI 0.3 hay cao hơn cũng không thích hợp với chức năng này.

Active D –Lighting và D –Lighting :

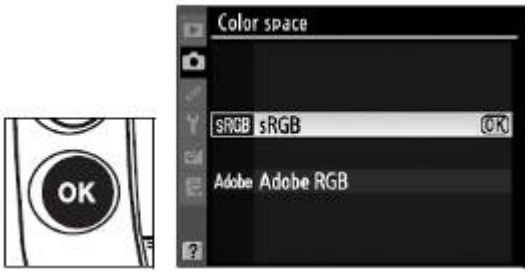
- Active D –Lighting trong menu Shooting hoạt động để điều chỉnh lộ sáng trước khi chụp . D –Lighting trong menu Retouch điều chỉnh hình ảnh sau khi chụp .

COLOR SPACE .

Vùng màu để xác định gam màu sử dụng. Chọn vùng màu tùy thuộc vào người sử dụng

- **sRGB** thích hợp khi bạn chụp mà in không cần điều chỉnh gam màu . Tương thích luôn với ExifPrint .
- **Adobe RGB** cũng thích hợp với các chế độ in nhưng màu sắc không rực rỡ .





1 . Chọn Color space . Bấm ▸ 2 . Đặt vùng màu theo ý và bấm OK

- file JPEG thực hiện trong chế độ adobeRGB có Exif 2.21 và DCF 2.0 thích hợp với các máy in có chế độ này . Nếu những thiết bị nhận không có tương thích, phải chọn đặt vùng màu bằng tay .
- Chọn sRGB để chụp và in với thiết bị in như máy rọi ở Lab, máy in gia đình. Chế độ Adobe RGB cũng để in với các thiết bị in nhưng màu sắc không rực rở . Chỉ thích hợp với in xuất bản sách hoặc quảng cáo .

SỬ DỤNG CÙNG VỚI ĐÈN FLASH

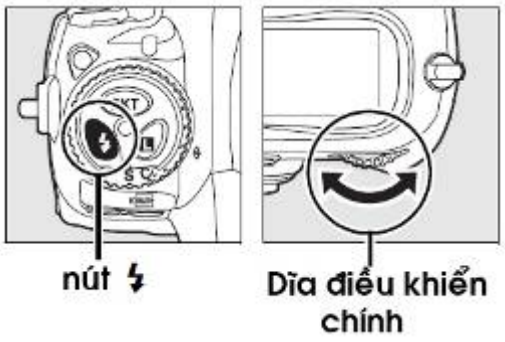
Nikon D3 thích hợp với các chế độ phát sáng Flash của đèn Flash Nikon các đời sau như Sb -800, SB-900

Flash mode/feature \ Flash unit		SB-800	SB-600	SB-400	Advanced Wireless Lighting: Commander SB-800	Commander SU-800 [1]	Remote SB-800	Remote SB-600	Remote SB-R200
i-TTL	i-TTL balanced fill-flash for digital SLR	✔[2]	✔[2]	✔[3]	✔	✔	✔	✔	✔
AA	Auto aperture	✔[4]	—	—	✔[5]	✔[5]	✔[5]	—	—
A	Non-TTL auto	✔[6]	—	—	✔[5]	—	✔[5]	—	—
GN	Range-priority manual	✔	—	—	—	—	—	—	—
M	Manual	✔	✔	—	✔	✔	✔	✔	✔
RPT	Repeating flash	✔	—	—	✔	✔	✔	✔	—
Auto FP High-Speed Sync[7]		✔	✔	—	✔	✔	✔	✔	✔
FV lock		✔	✔	✔	✔	✔	✔	✔	✔
AF-assist for multi-area AF[8]		✔	✔	—	✔	✔	—	—	—
Flash Color Information Communication		✔	✔	✔	✔	—	—	—	—
REAR	Rear-curtain sync	✔	✔	✔	✔	✔	✔	✔	✔
👁	Red-eye reduction	✔	✔	✔	✔	—	—	—	—
Auto zoom		✔	✔	—	✔	—	—	—	—

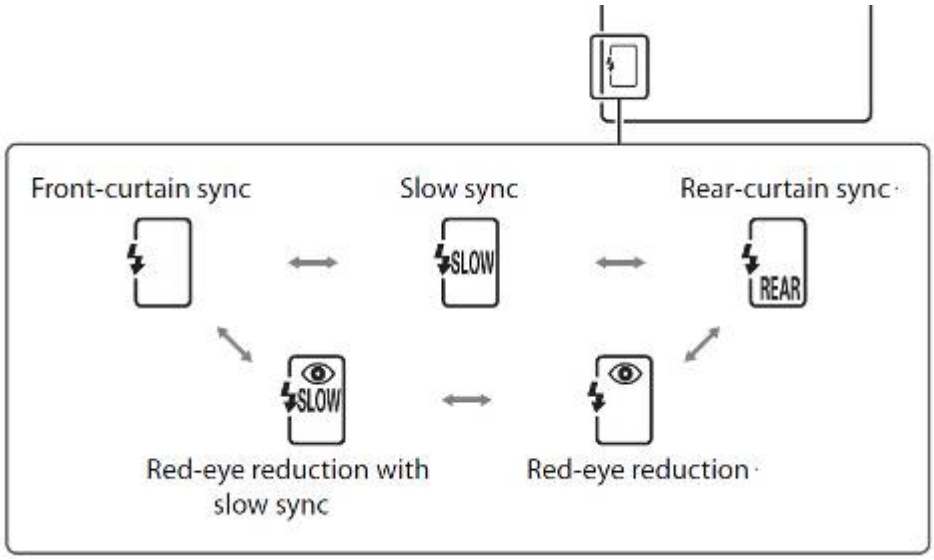
Với những đèn Flash khác

Chế độ Flash \ Speedlight Đèn Flash		SB-80DX, SB-28DX, SB-28, SB-26, SB-25, SB-24	SB-50DX	SB-30, SB-27[1], SB-22s, SB-22, SB-20, SB-16B, SB-15	SB-23, SB-29[2], SB-21B[2], SB-29S[2]
A	Non-TTL auto	✔	—	✔	—
M	Manual	✔	✔	✔	✔
999	Repeating flash	✔	—	—	—
REAR	Rear-curtain sync	✔	✔	✔	✔

Chọn đặt chế độ Flash trên máy



Nhấn nút Flash và xoay dĩa điều khiển chính



Chế độ FLASH.

Red-eye reduction giảm mắt đỏ :

Đèn giảm mắt đỏ sáng trong khoảng 1 giây trước khi phát sáng Flash để làm giảm mắt đỏ khi chụp người hay thú vật.

Slow sync Đồng bộ flash tốc độ chậm

Khi chụp cảnh đêm, đồng bộ Flash tốc độ chậm (xuống đến 30 giây) sẽ làm cho hậu cảnh có chi tiết với những nguồn sáng sẵn có.Cần sử dụng chân máy tránh rung . Chọn chế độ chụp P hay A.

Front –curtain sync : Đồng bộ phát sáng với màn trập .

Được áp dụng hầu hết trong các chế độ chụp P, A , S , M cùng với Flash .

Slow sync with red –eyeredution : Đồng bộ flash tốc độ chậm cùng giảm mắt đỏ .

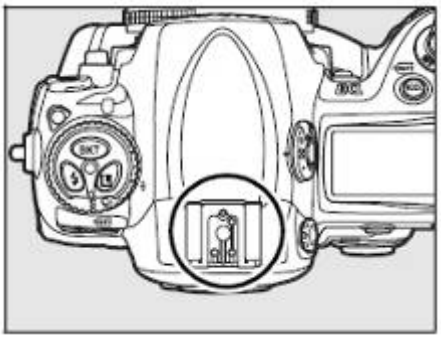
Rear –curtain sync

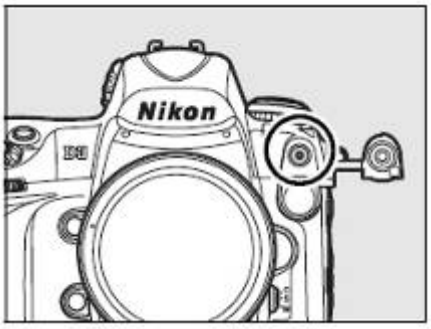
Trong chế độ chụp S và M, đèn Flash sẽ phát sáng trước khi màn trập đóng. Tạo một hiệu ứng dãy sáng theo sau chủ đề di chuyển. Không thích hợp với chế độ chụp P và A .

ĐẶT TỐC ĐỘ VÀ KHẨU ĐỘ VỚI FLASH

CHẾ ĐỘ	Tốc độ	Khẩu độ
P	Máy đặt tự động từ ($^1/_{250}$ s–$^1/_{60}$ s)	Máy đặt tự động
S	Tự chọn từ ($^1/_{250}$ s–30 s)	
A	Máy đặt tự động từ ($^1/_{250}$ s–$^1/_{60}$ s)	Tự chọn
M	Tự chọn từ ($^1/_{250}$ s–30 s)	

HỆ THỐNG KẾT NỐI FLASH





KHÓA MỨC PHÁT SÁNG

Chức năng đặc biệt này cho phép Flash chỉ phát một nguồn sáng ổn định, người chụp không cần tăng giảm thêm nguồn sáng Flash .Nguồn phát sáng tự động thay đổi theo độ nhạy sáng hay khẩu độ .







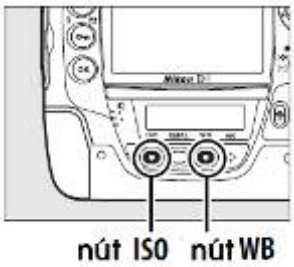
1. Chọn FV lock trong CSM **f4** .
2. Lấy nét chủ đề ngay tâm khung ngắm .Giữ phân nửa nút chụp .
3. Khi dấu báo Flash nhấp nháy trong khung ngắm , nhấn nút FUNC . Đèn Flash trong máy sẽ tự đo mức phát sáng và nguồn sáng sẽ phát đúng trong giới hạn đó . Dấu **LOCK** và **L** sẽ hiện trtong khung ngắm .

CHẾ ĐỘ ĐO SÁNG VỚI FV LOCK

Đèn Flash	Chế độ Flash	Vùng đo sáng
Gắn một đèn	i-TTL	Vòng tròn 5mm tâm khung hình
	AA	Đo sáng bằng Flash
Dùng với nhiều đèn (Advanced Wireless Lighting)	i-TTL	Toàn bộ khung hình
	AA	Đo sáng bằng Flash
	A (master flash)	

- Chức năng FV lock thích hợp với đèn SB 800, SB 600 và SB-R 200. Đặt chức năng TTL trên neon (Và chức năng AA trên đèn SB-800) . Khi chức năng này có hiệu quả , mức phát sáng sẽ tự động tăng giãm tuỳ thuộc vào vị trí zoom đầu đèn .
- Trong CSM e3, FV lock có thể sử dụng bằng remote với đèn SB 800 , SB 600 và SB-R 200 nếu đặt trong chức năng TTL . Và chức năng AA trên đèn SB-800

RESET MÁY NHANH



Để Reset máy nhanh, bấm cùng một lúc hai nút ISO và WB trong khoảng 2 giây. Máy sẽ đặt lại các chức năng, chế độ theo dạng mặc định .

CHẾ ĐỘ	MẶC ĐỊNH
Điểm nét	Center
Chế độ chụp	Programmed auto
Flexible program	Off
Bù trừ sáng	Off
Giữ AE	Off
Khóa khẩu độ	Off

CHẾ ĐỘ	MẶC ĐỊNH
Khóa tốc độ	Off
Chụp tăng giãm	Off
Chế độ Flash	Front-curtain sync
Khóa FV	Off
Chụp ghép	Off

CHỤP GHÉP

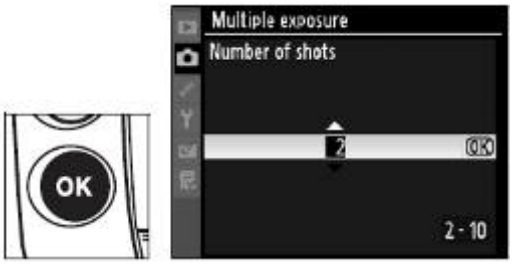
Chức năng này cho phép bạn chụp nhiều hình trong một khung hình



1. Chọn chế độ chụp ghép



2. Chọn số khung hình để chụp

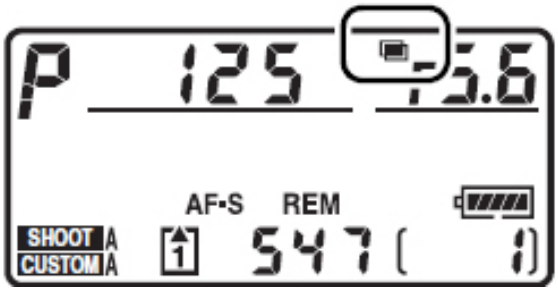




3. Chọn số lần chụp trong một khung hình ,

4, Bấm và mở Auto Grain .





5 .Sau khi chọn Auto Grain , chuyển về Done bấm OK . Trên bảng điều khiển sẽ hiện dấu hiệu chụp ghép .

Chọn Grain :

CHẾ ĐỘ	MÔ TẢ
On mặc định	Hạt được thêm vào tùy thuộc vào số ảnh thực sự chụp (hạt cho từng thời chụp là 1/2 cho 2 lần chụp 1/3 cho 3 lần chụp
Off	Hạt không thêm vào khi chụp ghép . thích hợp nếu hậu cảnh tối đen.

Chức năng này tự tắt khi :

- Nhấn hai nút Reset .
- Tắt máy .
- Hết Pin .
- Các hình chụp bị xóa.

INTERVAL TIME PHOTOGRAPHY

CHỨC NĂNG CÀI HẸN GIỜ CHO MÁY TỰ CHỤP



Khác với chức năng Self-time, chức năng này cho phép bạn cài hẹn giờ cho máy chụp Chọn chức năng này trong menu Shooting .

Now: máy sẽ tự chụp sau 3 giây kể từ khi chọn .

Start time: chọn hẹn giờ cho máy tự chụp.

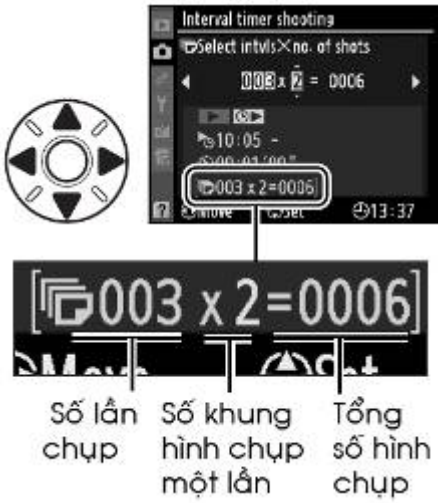
- Có thể chọn các chế độ ghi hình như : ghi từng tấm S , ghi liên tục tốc độ cao C H , ghi liên tục tốc độ chậm C L .
- Đặt vị trí thời gian (Word time) trong máy cho phù hợp với thời gian , vị trí bạn thực hiện chụp (tại Việt Nam chọn vị trí Bejing múi giờ thứ 7)
- Dùng chân máy và che cửa sổ khung ngắm lại .
- Pin phải sạc đầy trước khi chụp .

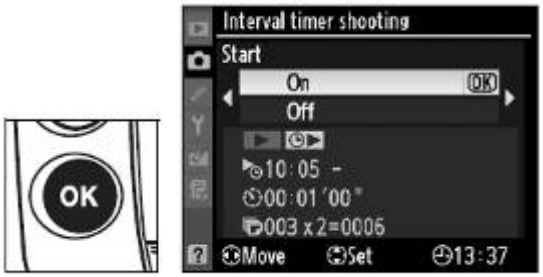




1. Chọn thời gian bắt đầu chụp .
2 . Chọn thời gian cho máy chụp .
3. Chọn số lần chụp và số hình chụp cho một lần.

Thí dụ : bạn chọn thời gian máy bắt đầu khởi động chụp vào lúc 10g 05 phút sáng . Thời gian máy chụp trong vòng 1 phút. Trong một phút, máy sẽ chụp ba lần, mỗi lần hai tấm. Tổng cộng là máy sẽ chụp sáu tấm trong một phút.





4. Chọn Start – ON và nhấn OK để máy chuẩn bị hoạt động vào thời gain gài đặt.



Khi chức năng này hoạt động , trên màn hình điều khiển sẽ hiện báo nhấp nháy chữ INTERVAL .

Chức năng này sẽ tự tắt khi :

- Nhấn hai nút Reset .
- Tắt máy .
- Hết Pin .
- Chọn OFF trong menu Start .
- Chế độ chụp trở lại bình thường sau khi chức năng này hoàn tất .

CHƯƠNG VI

CÁC MENU .



PLAYBACK MENU (DANH MỤC PHÁT LẠI)



Sau khi ghi hình xong, bạn nhấn nút ▸ để xem hình phát lại. Hình ảnh sẽ hiện lại một tấm trên monitor. Để chấm dứt phát hình lại trở về chế độ chụp, bạn nhấn nút này lần nửa hay nhấn phân nửa nút chụp .

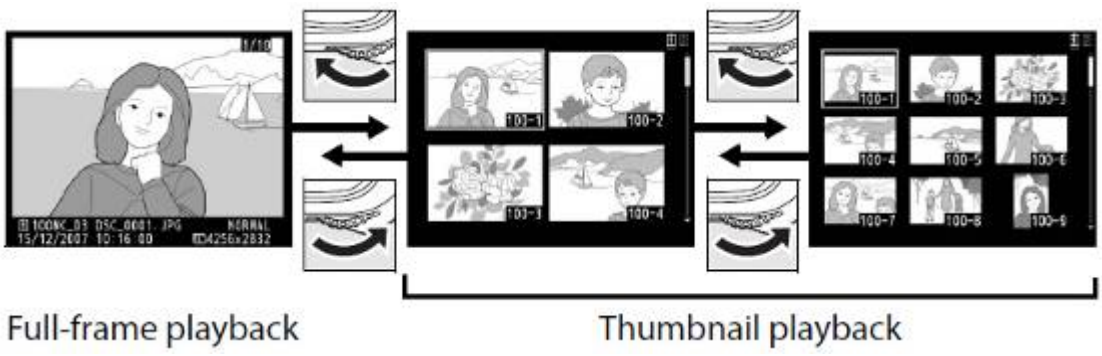


Nếu sử dụng hai card, chọn ngăn chứa card .

Đặt chức năng phát lại một loạt hình .

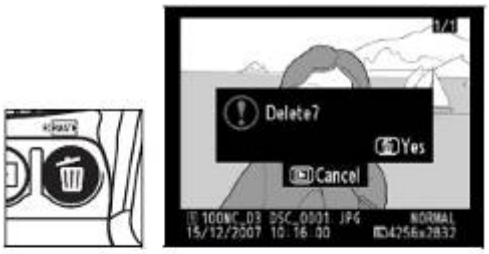
Bạn nhấn nút và xoay đĩa điều khiển chính , Monitor sẽ phát lại một loạt từ 4 đến 9 khung hình . Hình được chọn sẽ có khung phát sáng .

Chọn hình trong các cách sau :

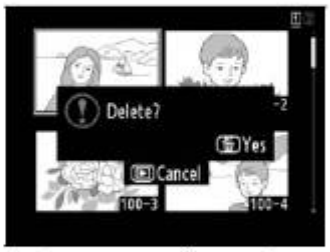


Delete : Xóa hình .

Chọn hình để xóa theo hướng dẫn trên .



Phát lại một hình



Phát lại nhiều hình

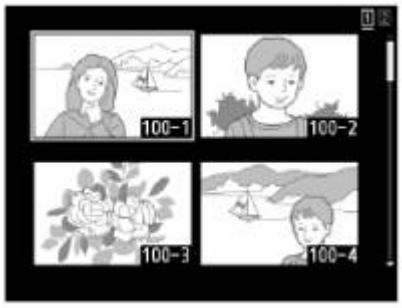


- Nhấn nút để xóa hình . Monitor sẽ hiện lệnh xác định :

Chọn ***CANCLE*** nút ▸ để thoát ra không xóa hình

Chọn ***YES*** nút để xóa hình .

Chọn xóa nhiều hình một lúc



- Phát lại nhiều hình
- Nhấn nút và nhấn ▾ hay ▴ để chọn thêm hình . Và nhấn nút OK để xác định



DELETE : Xoá hình



- ***Selected*** : chọn hình để xóa .

Trong chức năng này, ban chọn một trong những hình đã chụp để xóa . Dấu hiệu thùng rác sẽ hiện lên trên tấm hình đó .

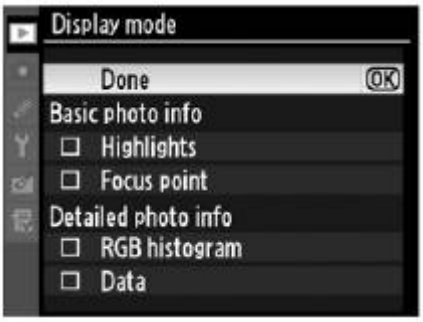
Máy sẽ có một lệnh để xác nhận hình bạn muốn xóa . Trong lệnh này **Yes** : xóa hình .
Cancle : thoát ra không xóa hình .

- ***All*** : Xóa hết tất cả hình . Trong lệnh này ***Yes :*** xóa hình . ***No*** : thoát ra không xóa hình

PLAYBACK FOLDER: phát lại thư mục .
NC_ 3 : Tất cả hình trong mọi folder được tạo từ máy D 200 sẽ được phát lại
All: Tất cả hình trong mọi folder được tạo từ máy số Nikon theo dạng tên DCF đều được phát lại .
Current: chỉ riêng những hình chứa trong folder (tạo từ chức năng folder trong menu shooting mới được phát lại).
HIDE IMAGE: Che giấu hình.

Select / Set: Bạn muốn che giấu hình sau khi chụp nên dùng chức năng này . Tất cả hình che giấu không bị xóa khi bạn sử dụng chức năng Delecte
Tuy nhiên, hình ảnh che giấu sẽ bị xóa khi bạn định dạng (Format) lại Card .
Bạn có thể chọn một hay nhiều hình để che giấu từ các chức năng phát lại hình . Nhấn nút MENU thóat khỏi chức năng này mà không thay đổi những gì đã chọn . Sau khi chọn hình che giấu, bạn nhấn nút ENTER để hoàn tất việc chọn và trở về danh mục PLAYBACK .
Deselect All : phục hồi tất cả hình bị che dấu

DISPLAY MODE: chọn các thông tin trên hình .
Dùng để chọn báo hoặc không báo các thông tin trên hình.



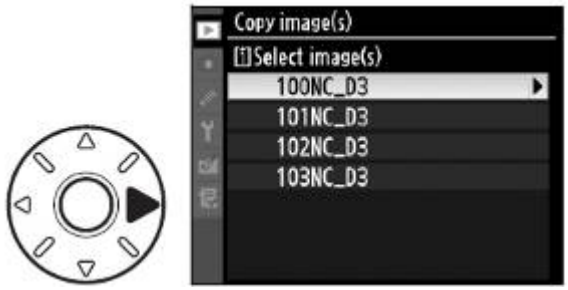
.
Historgram (biểu đồ)
Báo biểu đồ nguồn sáng ảnh sau khi chụp
Highlights: hiện báo vùng chụp dư sáng trên ảnh.
Focus Point: báo diểm nét
RGB Historgram (biểu đồ)
Báo biểu đồ nguồn màu RGB của ảnh sau khi chụp
. ***Data*** **:** báo dữ liệu

COPY IMAGES SAO CHÉP HÌNH
Copy Image là chức năng sao chép hình từ card 1 qua card 2

CHỨC NĂNG	MÔ TẢ
Select image(s)	Chọn hình từ card trong ngăn 1
Select destination folder	Chọn folder lưu hình vào card trong ngăn 2
Copy images	Sao chép hình đã chọn đến nơi lưu trữ



1. Chọn ***Selecte image(s)*** . Bấm ▸

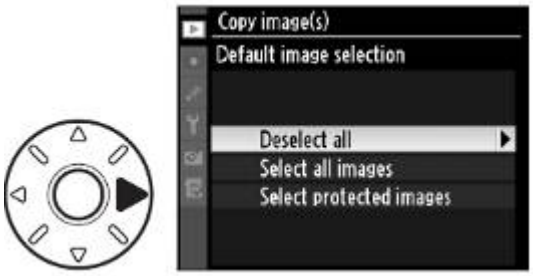


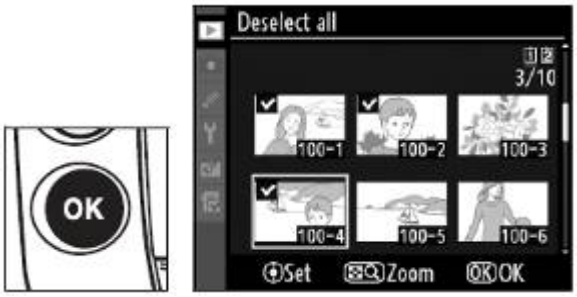
2. chọn folder có chứa hình cần copy . Bấm ▸

Deselect all : không chọn hình .

Select all images : Chọn tất cả hình trong folder

Select Protected images : Chọn tất cả hình được bảo vệ trong folder .





3. Những hình được chọn có dấu ✓



4. Chọn Folder lưu trử



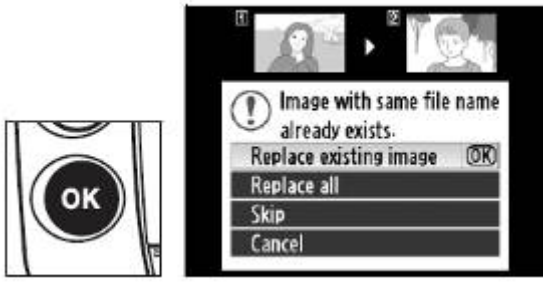
Có hai cách chọn hình

CHỨC NĂNG	MÔ TẢ
Select image(s)	Chọn hình từ card trong ngăn 1
Select destination folder	Chọn folder lưu hình vào card trong ngăn 2
Copy images	Sao chép hình đã chọn đến nơi lưu trữ

Sau khi chọn cách lưu hình. Trở lại menu copy và chọn Copy images



Chọn Yes để máy thực hiện lệnh Copy.



Nếu copy trùng tên file, máy sẽ hiển thị lời cảnh báo :
Replace existing imge hay Replace all: thay thế file hiện tạ
Những file ẩn hay file được bảo vệ sẽ không bị thay thế .
Skip : Bỏ qua và tiến hành copy .
Cancel : xóa lệnh copy trước khi thực hiện .

IMAGE REVIEW: xem lại hình chụp .
OFF: (mặc định) không hiện lại hình sau khi chụp .
ON : hiện lại hình sau khi chụp.
AFTER DELECTE
Chọn cách hiển thị hình sau lệnh xóa hình .
Show Next : (mặc định) : Sau khi xóa hình, hình tiếp theo sẽ hiện hay bật sáng trong list nhiều hình hiện trên LCD. Nếu xóa hình cuối cùng trong card, hình trước sẽ hiện hay bật sáng.
Show Previous : Sau khi xóa hình , hình trước đó sẽ hiện hay bật sáng trong list nhiều hình hiện trên LCD. Nếu xóa hình đầu tiên trong card, hình kế tiếp sẽ hiện hay bật sáng.
Continue as Before : nếu bạn sử dụng hệ thống nút để chọn hình theo chiều xuôi (trên xuống dưới) trước khi xóa , hình sẽ bật sáng hay hiện trên màn hình (Nếu xóa hình cuối cùng trong card , hình trước sẽ hiện hay bật sáng .) Nếu bạn sử dụng hệ thống nút để chọn hình ngược lại hình sẽ bật sáng hay hiện trên màn hình (Nếu xóa hình đầu tiên trong card , hình kế tiếp sẽ hiện hay bật sáng)
ROTATE TALL
Xoay hình theo chiều cao
On (mặc định) : chọn với chức năng Auto Image Rotate hình sẽ hiện với chiều cao khi phát lại với kích cỡ bằng 2/3 các hình đầy khung LCD .
Off: hình thể hiện trong khung ngang.
SLIDE SHOW: phát hình liên tục tự động.
Start:Nhấn chọn Start trong danh mục Slide Show để hoạt động chức năng phát hình liên tục tự động . Tất cả hình đã chụp đều được tự động phát lại từng tấm với một chút thời gian tạm ngưng giữa hai tấm hình. Nhưng những tấm ảnh đặt trong thư mục giấu hình (hide Image) sẽ không hiện ra.

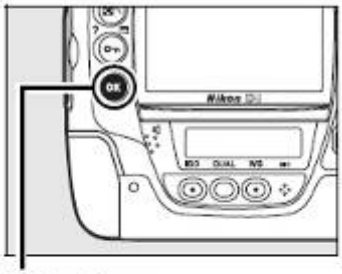
Frame Intvl: Chọn để thay đổi thời gian hình lưu lại trên Monitor trong chức năng phát hình liên tục tự động .

Audio playback : báo chức năng phát âm cùng với hình ảnh có ghi âm trước đó .

PRINT SET: cài chức năng in .

Được sử dụng để in ảnh trực tiếp từ Card nhớ đến máy in, bao gồm các thông tin trong ảnh cũng như cài đặt số lượng ảnh khi in.

Select/ Set: chọn hình để in .
Deselect All : từ chối không in hình .
Exif version 2.21 :D3 tương thích với Exif (vùng lưu trữ thông tin ảnh) version 2.21. cho phép người chụp sử dụng các thông tin lưu trữ để điều chỉnh màu sắc tối ưu nhất khi in .
DPOF / PictBridge : chức năng này cho phép hình được in trực tiếp khi nối máy chụp với máy in qua cổng USB . Tuy nhiên, phải xác định trên máy in có chức năng này.
Trong chức năng Setup chế độ in, bạn có thể chọn:
Start Printing: bắt đầu in.
Page siz : kích thước giấy in .



No.of copy : số lần nhân bản khi in .
Border : tạo khung .
Time Stamp : in thời gian
Cropping : cắt cúp hình khi in .
Tất cả hình ảnh file RAW (NEF) không thích hợp với chế độ in này .
Khi in nên set trên máy chế độ vùng màu **Color space** là **sRGB** .
Trong chức năng Selecte / Set bạn có thể chọn :



Data imprint : Máy sẽ in Tốc , Khẩu độ trên mọi hình khi in .
Imprint Date : Máy sẽ in ngày tháng trên mọi hình khi in

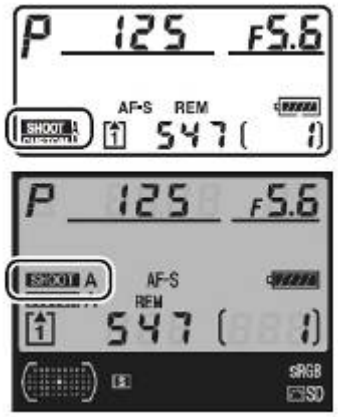
SHOOTING MENU

Các chế độ trong danh mục này gồm có :

Shooting menu bank
Reset shooting menu
Active folder
File naming
Slot 2
Image quality
Image size
Image area
JPEG compression
NEF (RAW) recording
White balance

Set Picture Control
Manage Picture Control
Color space
Active D-Lighting
Long exp. NR
High ISO NR
ISO sensitivity settings
Live view
Multiple exposure
Interval timer shooting

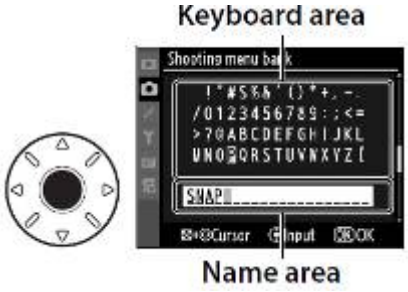
Shooting Menu Bank



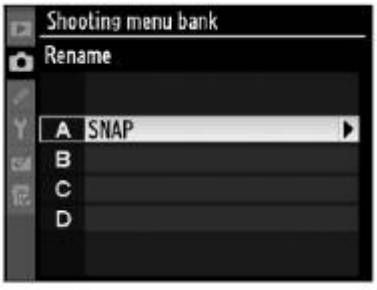
Khi bạn muốn sử dụng các chế độ chụp trong danh mục chụp được gài đặt theo ý riêng của mình , bạn cần chọn một trong các nhóm A,B , C hay D trong Shooting Menu Bank để lưu trữ cách cài đặt của mình . Hoặc bạn cũng có thể cài đặt vào các nhóm những cách hoạt động khác nhau và bạn chỉ việc chọn một trong bốn nhóm trước khi chụp .

Trong nhóm chọn, bạn có thể thay đổi tên cho dễ nhớ. Thí dụ bạn có thể chọn nhóm A là SNAP thì bạn làm theo cách sau





Chọn vùng A và bấm nút ▸ Chọn Rename và bấm nút ▸. Băng chữ hiện ra và đánh tên vào .



Vùng A đã có tên riêng.

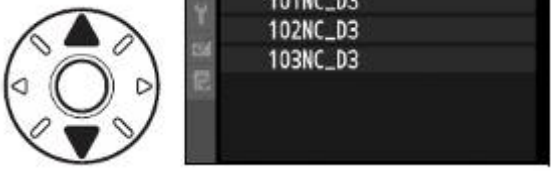
RESET SHOOTING MENU

Yes : máy trở lại các chức năng cài đặt theo nhà sản xuất .

No : Thoát ra , không chọn Reset .



ACTIVE FOLDERS: thư mục chứa hình .



Chọn đặt số cho Folder mới. Và chọn folder để lưu hình.

Dấu hiện bên phía trái của số folder

- : Folder trống
- : Folder đã ghi một phần .
- : Folder đầy chứa 999 hình và số thứ tự hình lên đến 9999

Khi Folder đang sử dụng có số 999 và chứa 999 hình hoặc khi số thứ tự hình lên đến 9999. Máy sẽ không cho chụp tiếp.

Để tiếp tục chụp, tạo folder mới có số thấp hơn 999 hay chọn số folder hiện hữu có số ít hơn 999 và chứa ít hơn 999 hình .

FILE Naming : Tên File :

Tất cả hình ảnh lưu trữ trong máy đều mang tên " DSC nnnn.xxx " . nnnn là 4 số từ 0001 đến 9999 . xxx là đuôi file NEF hay JPEG . Với định dạng NEF+JPEG , hình mang cùng đuôi file nhưng khác nhau ở chất lượng . Khi ghi hình trong chế độ Color space đặt ở Adobe RGB , tên hình sẽ ở phía sau một dấu gạch dưới . Thí dụ :"_ DSC 0001.JPEG ". Phần tên "DSC" cũa tên file có thể thay đổi bằng chức năng File Naming trong menu shooting .

Tất cả các chức năng còn lại trong menu Shooting xin xem các chương II , III , IV ..

CUSTOM SETTINGS

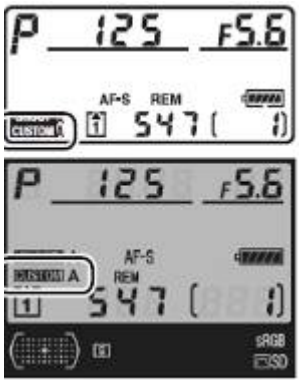
CÀI ĐẶT CHỨC NĂNG THEO Ý

Các chức năng cài đặt theo ý được phân bổ thành 6 nhóm. Trong mỗi nhóm có nhiều chức năng nhỏ liên quan được phân loại theo ký hiệu từng nhóm .

Custom Setting	
C	**Custom setting bank**
R	**Reset custom settings**
a	**Autofocus**
a1	AF-C priority selection
a2	AF-S priority selection
a3	Dynamic AF area
a4	Focus tracking with lock-on
a5	AF activation
a6	Focus point illumination
a7	Focus point wrap-around
a8	AF point selection
a9	**AF-ON** button
a10	Vertical **AF-ON** button
b	**Metering/exposure**
b1	ISO sensitivity step value
b2	EV steps for exposure cntrl.
b3	EV steps for exposure comp.
b4	Easy exposure compensation
b5	Center-weighted area
b6	Fine tune optimal exposure
c	**Timers/AE lock**
c1	Shutter-release button AE-L
c2	Auto meter-off delay
c3	Self-timer delay
c4	Monitor off delay

Custom Setting	
d	**Shooting/display**
d1	Beep
d2	Shooting speed
d3	Max. continuous release
d4	File number sequence
d5	Control panel/viewfinder
d6	Shooting info display
d7	LCD illumination
d8	Exposure delay mode
e	**Bracketing/flash**
e1	Flash sync speed
e2	Flash shutter speed
e3	Modeling flash
e4	Auto bracketing set
e5	Auto bracketing (Mode M)
e6	Bracketing order
f	**Controls**
f1	Multi selector center button
f2	Multi selector
f3	Photo info/playback
f4	Assign FUNC. button
f5	Assign preview button
f6	Assign AE-L/AF-L button
f7	Customize command dials
f8	Release button to use dial
f9	No memory card?
f10	Reverse indicators

Custom C .



Custom C cho phép bạn lưu những cách cài đặt khác nhau vào các nhóm từ A – D tuỳ theo cách chọn của người sử dụng. Các nhóm này có thể thay đổi tên khi bạn chọn Rename.

Custom R :Reset Custom Setting Menu .

Cài đặt phục hồi các chức năng mặc định (**Defaut**) của hãng sản xuất theo bảng dưới

	Option	Default
a1	[AF-C priority selection] (pg. 304)	Release
a2	[AF-S priority selection] (pg. 305)	Focus
a3	[Dynamic AF area] (pg. 306)	9 points
a4	[Focus tracking with lock-on] (pg. 308)	Normal
a5	[AF activation] (pg. 308)	Shutter/AF-ON
a6	[Focus point illumination] (pg. 309)	
	[Manual focus mode]	On
	[Continuous mode]	On
a7	[Focus point wrap-around] (pg. 310)	No wrap
a8	[AF point selection] (pg. 310)	51 points
a9	[AF-ON button] (pg. 311)	AF-ON
a10	[Vertical AF-ON button] (pg. 312)	AF-ON
b1	[ISO sensitivity step value] (pg. 313)	1/3 step
b2	[EV steps for exposure cntrl.] (pg. 313)	1/3 step
b3	[EV steps for exposure comp.] (pg. 313)	1/3 step
b4	[Easy exposure compensation] (pg. 314)	Off
b5	[Center-weighted area] (pg. 315)	Ø 12 mm
b6	[Fine tune optimal exposure] (pg. 315)	
	[Matrix metering]	0
	[Center-weighted]	0
	[Spot metering]	0
c1	[Shutter-release button AE-L] (pg. 317)	Off
c2	[Auto meter-off delay] (pg. 317)	6 s
c3	[Self-timer delay] (pg. 318)	10 s
c4	[Monitor off delay] (pg. 318)	20 s

	Option	Default
d1	[Beep] (pg. 319)	Off
d2	[Shooting speed] (pg. 320)	
	[Continuous high-speed]	9 fps
	[Continuous low-speed]	5 fps
d3	[Max. continuous release] (pg. 320)	130
d4	[File number sequence] (pg. 321)	On
d5	[Control panel/viewfinder] (pg. 322)	
	[Rear control panel]	ISO sensitivity
	[Viewfinder display]	Frame count
d6	[Shooting info display] (pg. 323)	Auto
d7	[LCD illumination] (pg. 324)	Off
d8	[Exposure delay mode] (pg. 324)	Off
e1	[Flash sync speed] (pg. 325)	1/250 s
e2	[Flash shutter speed] (pg. 326)	1/60 s
e3	[Modeling flash] (pg. 326)	On
e4	[Auto bracketing set] (pg. 327)	AE & flash
e5	[Auto bracketing (Mode M)] (pg. 328)	Flash/speed
e6	[Bracketing order] (pg. 329)	MTR > under > over

	Option	Default
f1	[Multi selector center button] (pg. 330)	
	[Shooting mode]	Select center focus point
	[Playback mode]	Thumbnail on/off
f2	[Multi selector] (pg. 331)	Do nothing
f3	[Photo info/playback] (pg. 331)	Info ❁/Playback ❁
f4	[Assign FUNC. button] (pg. 331)	
	[FUNC. button press]	None
	[FUNC. button+dials]	Choose image area
f5	[Assign preview button] (pg. 337)	
	[Preview button press]	Preview
	[Preview+command dials]	None
f6	[Assign AE-L/AF-L button] (pg. 338)	
	[AE-L/AF-L button press]	AE/AF lock
	[AE-L/AF-L+command dials]	None
f7	[Customize command dials] (pg. 339)	
	[Reverse rotation] (pg. 339)	No
	[Change main/sub] (pg. 339)	Off
	[Aperture setting] (pg. 340)	Sub-command dial
	[Menus and playback] (pg. 340)	Off
f8	[Release button to use dial] (pg. 341)	No
f9	[No memory card?] (pg. 342)	Enable release
f10	[Reverse indicators] (pg. 343)	

Ngoài ra, cũng có thể nhấn hai nút Qual và bù trừ cùng một lúc để Reset lại máy ngay tức khắc.

Nhóm **a AUTOFOCUS** :

CS a1 :**AF-C Mode Priority Selection** .
Chức năng này cho người chụp sử dụng nút nhấn để ghi hình hay chỉ để lấy nét trong chế độ lấy nét chủ đề di động (continuous – servo AF) .

FPS Rate : hình ảnh được ghi khi nhấn nút chụp .(mặc định)

FPS Rate + AF : hình ảnh có thể được ghi ngay cả khi máy không lấy nét đúng . Trong chế độ chụp liên tục (continuous) tốc độ qua khung hình chậm khi chụp chủ đề trong vùng tối hay thiếu tương phản .

Focus : hình được ghi khi dấu báo đúng nét hiện trong khung ngắm . Nhưng vùng nét sẽ không khóa giữ lại được.

CS a2 : AF-S Mode Priority Selection
Chức năng này cho người chụp ghi hình khi máy nhận đúng nét ,hoặc khi nhấn nút chụp bất cứ lúc nào .

Realease : hình được ghi khi nhấn nút chụp bất cứ lúc nào

Focus : hình được ghi khi máy báo đúng nét (mặc định) .

CS a3 : Dynamic AF - Area
Chọn điểm nét từ 9 (mặc định) , 21 hay 51 điểm khi chụp chủ đề chuyển động .

CS a4 : Focus Tracking with Lock-On .

Long , Normal(mặc định) , ***Shot*** : máy sẽ chờ trước khi lấy nét khi khoảng cách giữa máy và chủ đề thay đổi đột ngột . Ngăn ngừa máy lấy lại nét khi chủ đề di chuyển trong khung ngắm trong một khoảng thời gian ngắn . Chọn ***Long*** để tăng khoảng thời gian trước khi máy lấy lại nét và ***Shot*** là làm giãm đi .

Off : Máy sẽ quyết định thay đổi nét ngay lập tức khi chủ đề di chuyển đột ngột . Sử dụng khi chụp thể thao.

CS a5 : AF Activation :

Shutter / AF – ON (mặc định): Autofocus có thể nhoạt động khi nhấn nút nút AF – ON hay nhấn phân nửa nút chụp .

AF – ON Only : Autofocus chỉ hoạt động khi nhấn nút nút AF – ON .

CS a6 : Focus Point Ilumination :
Điểm nét chọn sẽ bật sáng viền đỏ chung quanh.

Manual focus mode : Chọn ON để điểm nét chiếu sáng trong chế độ lấy nét manual .

Continuos mode : Chọn ON để điểm nét chiếu sáng trong chế độ chụp liên tục C H ghi hình tốc độ cao hay CLl ghi hình tốc độ thấp

CS a7 Focus Point Wrap Around

OFF No Wrap (mặc định) .Vùng nét chuyển đổi bình thường bằng hệ thống nút của dĩa chọn lựa .

ON Wrap :khi nhấn nút ▲ vùng nét từ trên chuyển về phía dưới và ngược lại . Khi nhấn nút dấu ◀ , vùng nét từ trái sẽ chuyển qua phải và ngược lại .

CS a8 : AF Point Selection
Chọn số điểm nét trong khung ngắm
Chọn AF 51 điểm (mặc định) hay chọn AF 11 điểm .

CS a9 : AF – ON Button
Hoạt động nút AF-ON

AF-ON (default)	Nhấn nút **AF-ON** để lấy nét
AE/AF lock	Khóa nét và thời chụp khi nhấn nút **AF-ON**
AE lock only	Chỉ khóa thời chụp khi nhấn nút **AF-ON**
AE lock (Reset on release)	Khi nhấn nút **AF-ON** thời chụp sẽ bị khóa giữ cho đến khi nhấn tiếp nút này hoặc hệ thống đo sáng tắt hay nhấn nút chụp ..
AE lock (Hold)	Khi nhấn nút **AF-ON** thời chụp sẽ bị khóa giữ cho đến khi nhấn tiếp nút này hoặc hệ thống đo sáng tắt .
AF lock only	Chỉ khóa vùng nét khi nhấn nút **AF-ON**

CS a10 :. Vertical AF – ON Button
Các chức năng của nút AF-ON khi sử dụng máy đứng . Cũng giống như chức năng của nút AF – ON trên thân máy ngang .

<u>Nhóm b METERING / EXPOSURE</u>

CS b1 : ISO Sensitivity Step Value .
Chọn mức thay đổi ISO từ 1/3 EV (mặc định) hay 1/2 EV hoặc 1EV

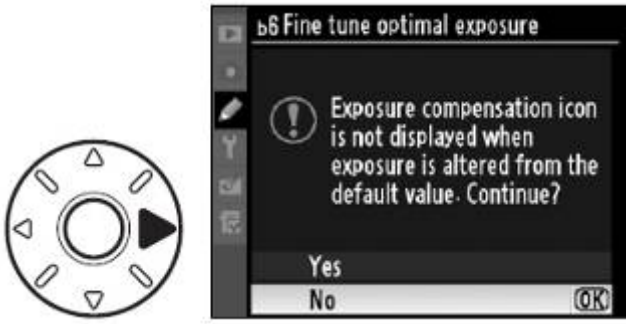
CS b2 : **EV Step for Exposure Control** .
Chọn mức thay đổi Tốc độ , Khẩu độ và bù trừ liên tục tăng giảm từ 1/3 EV (mặc định) hay 1/2 EV hoặc 1EV .

CS b3 : EV Step for Exposure Comp .
Chọn mức thay đổi bù trừ sáng tăng giảm từ 1/3 EV (mặc định) hay 1/2 EV hoặc 1EV .

CS b4 : Easy Exposure Compensation
ON Reset : Chế độ chụp bù trừ được đặt bằng một trong hai dĩa điều khiển . Những cài đặt cho chế độ bằng dĩa điều khiển chính sẽ được Reset khi tắt máy hoặc tắt hệ thống đo sáng.
ON : Chế độ chụp bù trừ được đặt bằng một trong hai dĩa điều khiển . Những cài đặt cho chế độ bằng dĩa điều khiển chính sẽ ***không*** Reset khi tắt máy hoặc tắt hệ thống đo sáng .
Off (mặc định) . thời chụp bù trừ được đặt bằng nút +/ - và xoay dĩa điều khiển chính
CS b5 :. Center- Weighted Area .
Chọn vòng tròn đo sáng trọng tâm từ đường kính 8mm -20mm . Vòng tròn 12 mm(mặc định) cũng được sử dụng khi gắn OK cơ . Average : đo trong mức trung bình .

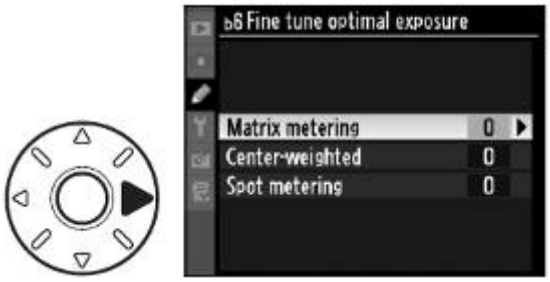
CS b6 : Fine Tune Optimal Exposure .

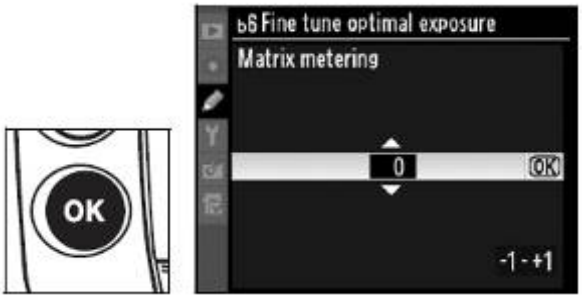
Sử dụng chức năng này để tinh chỉnh thời chụp . Thời chụp có thể chỉnh riêng biệt từng chế độ đo sáng từ +1 đến -1 EV trong 1/6 mức .



Dấu báo +/- sẽ không hiện trên bảng điều khiển khi thời chụp thay đổi từ vùng mặc định . Tiếp tục không?

Trước khi điều chỉnh bạn phải xác định lệnh với chữ ***Yes*** . Và chọn một trong ba chế độ đo sáng để tinh chỉnh .





Nhóm c : TIMERS / AE & AF LOCK

CS c1 : Shutter Release AE Lock button .

AE/AF- L Button **:** chỉ khóa riêng thời chụp với nút **AE/AF- L.**

Release Button **:** thời chụp khóa khi nhấn nút chụp phân nữa

CS c2 : Auto Meter –Off Delay

Option	
4s	4 s
6s	6 s (default)
8s	8 s
16s	16 s
30s	30 s
1m	1 min.
5m	5 min.
10m	10 min.
30m	30 min.
∞	No limit

Tắt hệ thống đo sáng .

Máy tự đặt tắt hệ thống đo sáng sau 6 giây (mặc định) . Bạn cũng có thể chọn tắt hệ thống đo sáng từ 4 giây đến 30 phút hoặc cho đến khi nào máy tắt (No Limit)

CS c3 : Self – Timer Delay .
Trong chức năng này cho bạn chọn thời gian máy tự hoạt động trong chế độ Self-time . Từ 2 giây , 5 giây,10 giây ,20 giây. Máy tự chọn là 10 giây
CS c4 :. Monitor – Off Delay
Tắt màn hình Monitor.

Điều chỉnh chức năng tắt màn hình Monitor sau **10s** (giây) cho đến **10min** (phút) .10s, 20s (mặc định) , 1 min , 5 min , 10 min .

Nhóm d : SHOOTING / DISPLAY

CS d1 : Beep
Chọn mức âm thanh báo khi bấm nút chụp trong chế độ single –servo AF với Focus được đặt trong CS a2 (mặc định) . chọn ***High*** : âm thanh lớn . ***Low*** : âm thanh nhỏ . ***Off*** : (mặc định) tắt .
CS d2 : Shooting Speed :
Chọn đặt tốc độ khung hình trong chế độ ghi hình

Continuous high speed : Chọn từ 9 , 10 ,11 khung hình/ giây (fps) . Mặc định là 9 khung hình / giây khi chụp với định dạng DX. Với các định dạng khác , ghi hình liên tục tốc độ nhanh tối đa là 9 khung hình / giây .

Continuous low speed : Chọn từ 1 đến 9 khung hình/ giây (fps) . Mặc định là 5 khung hình / giây

CS d3 : MAX. Continiuous Release
Số lần bấm máy tối đa trong chế độ chụp liên tục được đặt từ 1 đến 130

CS d4 File Number Squence .
Đánh số File chụp .

Off **:** (mặc định) Số File bắt đầu từ 0001 khi bạn tạo Thư mục mới cho tấm ảnh lần đầu tiên được ghi hình vào Card .Hoặc mỗi khi gắn Card vào máy.

On **:** Khi bạn gắn Card vào máy hay sau khi format card, hình ảnh sẽ được đánh số File tiếp tục theo số File ảnh được ghi nhận lần sau cùng .

Reset **:** Bạn dùng chức năng này khi muốn đánh số File lại từ đầu 0001khi đang có Card trong máy .

CS d5 : Control panel / View finder
Chọn những hiện báo trên Bảng điều khiển phía sau và trong khung ngắm**.**
Rear control Panel : chọn hiện báo ISO (mặc định) hay báo thời chụp . Nếu chọn báo thời chụp thì ISO sẽ hiển thị khi nhấn nút ISO.
View finder : chọn hiện báo số hình chụp (mặc định) hay báo thời chụp . Tuy vậy, bộ nhớ đệm sẽ hiển thị trong khung ngắm khi nhấn nút chụp .

CS d6 : Shootting info display :

Auto (mặc định) : màu sắc của các dòng chữ số trên màn hình điều khiển sẽ thay đổi từ đen qua trắng hay ngược lại để tạo tương phản với nền màn hình .

Manual : chọn ***B*** : Dark on light chữ đen hay ***W*** Light on Dark chữ trắng .



Dark on light



Light on dark

CS d7 LCD Illumination

Chiếu sáng màn hình LCD (bảng điều khiển) .

On (mặc định) chỉ bật sáng khi nhấn nút có hình bóng đèn tròn .

Off : chỉ chiếu sáng khi hệ thống đo sáng hoạt động .

CS d8 : Exposure Delay Mode

Khi chọn ***ON***, bấm nút chụp 1 giây sau màn trập mới mở để ghi hình nhằm giảm sốc rung khi đang cầm máy di chuyển chụp hoặc khi chụp Macro . Mặc định là ***Off***.

Sử dụng chân máy trong chế độ chụp Live View.

Nhóm e : BRACKETING / FLASH

CS e1 Flash Sync Speed Setting

Đặt tốc độ đồng bộ đèn Flash. Chỉ với chế độ chụp P và A

Trong chức năng này, Đặt tốc độ đồng bộ là1/60 giây đến 1/250 giây (***1/250*** giây là mặc định) .

Khi gắn đèn SB có chức năng đồng bộ tốc độ cao, chọn 1/250 s (Auto FP) khi muốn chụp với tốc độ cao . Nếu sử dụng đèn SB không có chức năng đồng bộ tốc độ cao hoặc dùng đèn trong máy thì tốc độ đồng bộ là 1/250 giây. .

CS e2 : Flash Shutter Speed

Đồng bộ Flash tốc độ chậm.

Chọn chức năng này khi chụp Front hay Rear hoặc giảm mắt đỏ trong chế độ chụp P , A .(không áp dụng với S và M)

Chọn từ 1/60 giây (mặc định) đến 30giây .

CS e3 : Modeling Flash

Hoạt động chức năng phát sáng đèn Flash

On (mặc định) : Với những đèn SB có chức năng CLS , khi nhấn nút Preview trên máy thì đèn phát ra một nguồn sáng trắng giúp người chụp quan sát trước ánh sáng đèn flash tác dụng đến chủ đề .

Off : không hoạt động chức năng này

CS e4 : Auto Bracketing Set
Đặt các chế độ khi chụp chế độ bù trừ liên tục .
AE & Flash : Máy đặt thời chụp và mức phát sáng Flash bù trừ liên tục .
AE Only : Máy chỉ chọn thời chụp bù trừ liên tục
Flash Only : Máy chỉ chọn mức phát sáng Flash bù trừ liên tục
WB Bracketing : Máy chỉ chọn WB bù trừ liên tục (không áp dụng với file NEF hay NEF + JPEG)

CS e5 : Auto Bracketing in M Exposure Mode
Đặt bù trừ liên tục trong chế độ chụp M .
Flash / Speed (mặc định) tốc độ trên máy khác nhau (với AE Only trong CS e5) hoặc tốc độ cùng mức phát sáng (với AE & Flash trong CS e5).
Flash / Speed / Aperture : tốc độ , Khẩu độ trên máy khác nhau (với AE Only trong CS e4) hoặc tốc độ , khẩu độ cùng mức phát sáng (với AE & Flash trong CS e4).
Flash / Aperture : Khẩu độ trên máy khác nhau (với AE Only trong CS e4) hoặc khẩu độ cùng mức phát sáng (với AE & Flash trong CS e5).
Flash Only : mức phát sáng khác nhau (với AE & Flash trong CS e4).

Nhóm f : CONTROL .

CS f1 : Multi-Selector Centre Button .
Đặt các chức năng bằng nút nhấn chính giữa hệ thống nút điều khiển.
Shooting Mode trong chế độ chụp gồm :

- ***Select Center focus point*** (mặc định) : Nhấn nút giữa của hệ thống nút chọn để đặt điểm nét trung tâm trong menu Shooting .
- ***Not Used*** : không sử dụng trong chế độ chụp .

Playback Mode : trong chế độ phát lại .

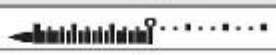
- ***Thumbnail On /Off*** : nhấn nút giữa của hệ thống nút điều khiển để thay đổi từ một hình đang phát lại thành nhiều hình nhỏ trên LCD .
- ***Histogram On / Off*** : nhấn nút giữa của hệ thống nút điều khiển để tắt hay mở Histogram.
- ***Zoom On / Off*** : nhấn nút giữa của hệ thống nút điều khiển để Zoom in hình , nhấn lần nửa để trở lại hình bình thường hay nhiều hình nhỏ . Khi thự hiện chức năng này , menu của Zoom sẽ hiển thị . chọn Low Magnification (hình phóng lớn thấp) Medium Magnification (hình phóng lớn trung bình) High Magnification (hình phóng lớn cao)

CS f2 : Multi –Selector
Hệ thống nút điều khiển cũng có thể sử dụng kích hoạt đo sáng hay lấy nét .
Do Nothing (mặc định) : không hoạt động .

CS f3 : Photo info/ Playback .
Thay đổi cách báo Info
Info ▼▲***/ PB*** ◀ ▶(mặc định): nhấn nút ▼ ▲ để nhận các thông tin của hình . Nhấn ◀ ▶ để chuyển qua hình khác.
Info ◀ ▶***/ PB*** ▼▲***:*** nhấn nút ◀ ▶ để nhận các thông tin của hình . Nhấn ▼ ▲ để chuyển qua hình khác .
CS f4 : Assign FUNC.Button .
Các chế độ với nút Func.

Preview *	Nhấn nút **Fn** để xem chiều sâu ảnh
FV lock *	Nhấn nút **Fn** để Khóa mức phát sáng FV lock SB-800, SB-600, SB-400, and SB-R200 flash Nhấn tiếp nút này để xóa FV lock
AE/AF lock	Nét và thời chụp bị khóa khi nhấn nút **Fn**
AE lock only	Thời chụp bị khóa khi nhấn nút **Fn**
AE lock (Reset on release) *	Nhấn nút Fn để khóa thời chụp cho đến khi nhấn nút này lần thứ hai hay khi nhấn nút chụp hoặc tắt hệ thống đo sáng .
AE lock (Hold) *	Nhấn nút **Fn** để khóa thời chụp cho đến khi nhấn nút nàylần thứ hai hay khi tắthệ thống đo sáng .
AF lock only	Nét bị khóa khi nhấn nút **Fn**
Flash off	Đèn Flash không phát sáng khi chụp **nếu** nhấn nút **Fn**
Bracketing burst	Nếu nhấn nút **Fn** khi chụp trong chế độ tăng giảm thời chụp hay tăng giảm Flash . Máy sẽ ghi từng tấm hình khi nhấn nút chụp . Nếu chụp tăng giảm WB với chế độ chụp liên tục tốc độ nhanh hay chậm , máy sẽ lưu hình vào bộ nhớ đệm khi nhấn nút chụp . Trong chế độ ghi hình từng tấm , khi chụp với tăng giảmWB , tốc độ ghi hình sẽ giống như tốc độ ghi hình liên tục tốc độ nhanh .
Matrix metering	đo sáng Ma trận hoạt động khi nhấn nút **Fn**
Center-weighted	đo sáng Trọng tâm hoạt động khi nhấn nút **Fn**
Spot metering	đo sáng Điểm hoạt động khi nhấn nút **Fn**

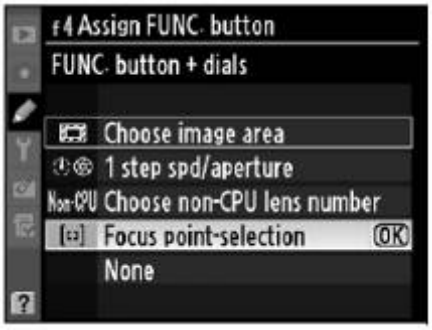
Virtual horizon *	Mạch phân tích nguồn sáng sẽ báo độ nghiêng của máy
None (default)	Không chức năng nào hoạt động khi nhấn nút **Fn**

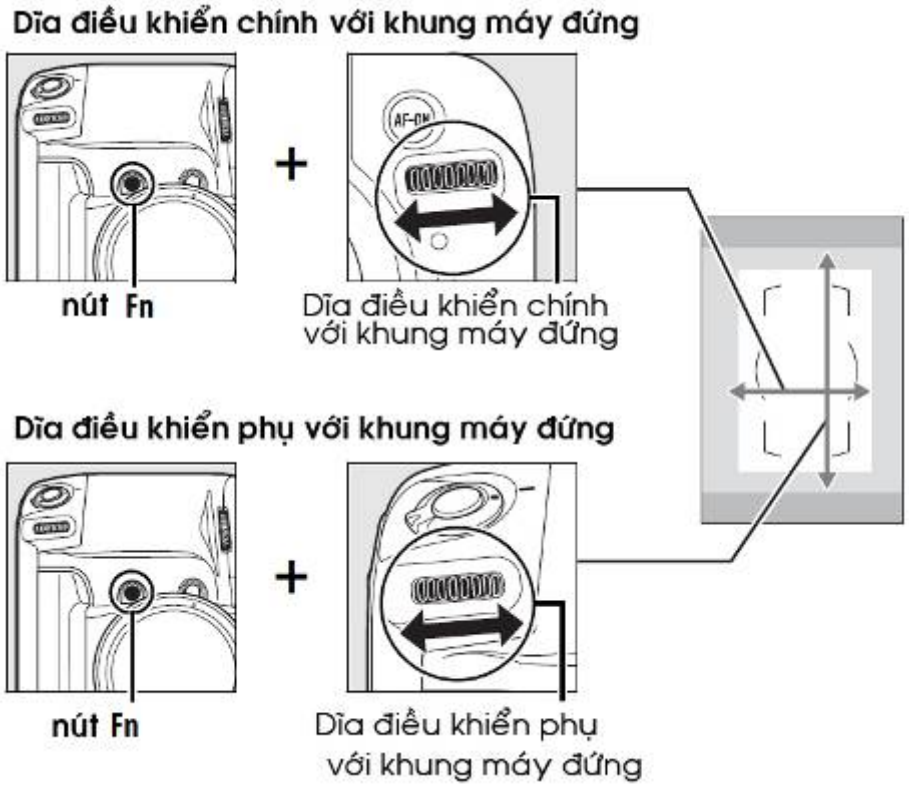
	Máy nghiêng phải	Máy cân bằng	Máy nghiêng trái
Control panel			
Viewfinder			

Nút Fn và dĩa điều khiển

Option	Description
Choose image area (default)	Nút **Fn** và dĩa điều khiển chính dùng để chọn vùng hình ảnh . Vùng hình ảnh không chọn được khi đang thực hiện chế độ chụp ghép
1 step spd/ aperture	Nhấn nút **Fn** và xoay dĩa điều khiển chính để thay đổi Tốc độ (chế độ chụp S và M) , thay đổi khẩu độ (chế độ chụp A và P) và tăng 1 EV thời chụp
Choose non-CPU lens number	Nhấn nút **Fn** và xoay dĩa điều khiển chính để chọn số ống kính khi chụp với chức năng dùng ống kính không AF
Focus point selection	Nhấn nút **Fn** và xoay dĩa điều khiển chính để chọn điểm nét khi chụp theo khung máy đứng
None	Không chức năng nào hoạt động khi nhấn nút **Fn** và xaoy dĩa điều khiển chính

Chọn điểm nét khi chụp máy khung đứng .





CS f5 : Thêm chức năng cho nút Preview .

Preview button press : nhấn nút để xem trước chiều sâu ảnh trường .

Preview button + dĩa điều khiển chính : chức năng chọn giống như nhấn nút Fn và xoay dĩa điều khiển chính .

CS f6: Thêm chức năng cho nút AE/AF Lock

Sử dụng nút AE /AF – L đơn thuần hay cùng với xoay dĩa điều khiển chính sẽ có thêm các chức năng khác nhau .

Nhấn nút AE /AF – L cho chức năng giống như nhấn nút Fn . Ngoại trừ đã chọn nút AE /AF – L

Làm mặc định trong chức năng khóa AE/AF .
Nhấn nút AE /AF – L và xoay dĩa điều khiển chính cho chức năng giống như nút Fn + dĩa điều khiển chính .

CS f7 : Custom commant dial Hoạt động dĩa điều khiển chính theo ý .
Rotate Direction : xoay dĩa điều khiển chính khi đặt các chế độ chụp

- ***Normal*** (mặc định) sử dụng bình thường .
- ***Reverse*** : đảo ngược chiều xoay của dĩa .

Change Main /Sub : thay đổi hoạt động của dĩa chình và phụ .

- ***Off*** (mặc định) dĩa chính điều khiển Tốc độ , dĩa phụ điều khiển khẩu độ .
- ***On*** : dĩa chính điều khiển khẩu độ , dĩa phụ điều khiển Tốc độ .

Aperture :chỉnh khẩu độ .

- ***Sub-Command Dial*** (mặc định) dĩa phụ điều khiển khẩu độ .
- ***Aperture Ring*** : Khẩu độ có thể điều chỉnh bằng vòng khẩu độ trên OK. Khẩu độ được báo trên máy và tăng trong 1 EV. Chức năng này được chọn tự động khi gắn OK cơ vào máy .

Menu and Playback :sử dụng dĩa chính trong menu Playback hay khi phát lại hình .

- ***Off*** (mặc định) dùng hệ thống nút nhấn để chọn hình , phát sáng hình nhỏ .
- ***On***: dĩa điều khiển chính hoạt động như nút ▲▼. Dỉa phụ hoạt động như nút ▶◀

CS f 8 : Release Button to Use Dial :
Đặt cách hoạt động của nút chức năng như QUAL, ISO, WB , MODE ...và dỉa điều khiển .
No : (mặc định) . thay đổi các chức năng khi nhấn nút và xoay dĩa điều khiển chính .
Hold : đặt các thay đổi bằng cách xoay dĩa chính sau khi nhấn nút chức năng .Để thoát khỏi chức năng đó , nhấn nút chức năng lần nửa hay nhấn phân nửa nút chụp hoặc chờ hệ thống đo sáng tắt .
Chức năng này không hoạt động khi đặt No Limit trong CS c2 hoặc sử dụng adapter EH-6AC .
CS f 9 No Memory Card ?.
Release Locked (mặc định) Nút chụp khóa khi máy không gắn card .
Enable Release : Nút chụp không khóa khi máy không gắn card .
CS f 10 : Thay đổi dấu báo trong mạch phân tích nguồn sáng .
Mặc định dấu báo :



Khi thay đổi sẽ là :



MENU SETUP

Format memory card : Xem chương I

LCD Brightness : tăng giảm độ sáng màn hình LCD

Tăng giảm độ sáng màn hình LCD từ +2 đến -2. Không ảnh hưởng đến hình chụp.

Mirror Lock-up : nâng gương phản chiếu .

Chức năng này nâng gương phản chiếu lên cao để người sử dụng lau chùi Low-pass filter bảo vệ sensor.

Video Output :chọn tiêu chuẩn Video.

NTSC : Khi nối kết máy ảnh với các máy thuộc hệ NTSC.

PAL : : Khi nối kết máy ảnh với các máy thuộc hệ PAL

HDMI : Máy nối kết với các tivi LCD hay Plasma có định dạng HDMI . Trước khi nối kết, hãy

AUTO **Auto** (default)	Máy tự động chọn theo định dạng tương ứng với thiết bị nhận
480p **480p (progressive)**	640 × 480 (progressive) format
576p **576p (progressive)**	720 × 576 (progressive) format
720p **720p (progressive)**	1,280 × 720 (progressive) format
1080i **1080i (interlaced)**	1,920 × 1,080 (interlaced) format

chọn các định dạng để hình phát tốt hơn .

Màn hình trên máy sẽ tắt khi kết nối với các thiết bị HDMI.

World Time: đặt thời gian theo múi giờ quốc tế.

Language: chọn ngôn ngữ hiển thị trên Menu .

Image Comment:

Thêm những chú thích vào hình. Phần này chỉ xem được cùng với phần mềm Nikon capture 4.4 hay cũ hơn .

Done : Lưu lại những thay đổi và trở lại menu Setup .

Input comment : nhập chữ vào hình .

Attacch comment : những câu chữ sẽ được nhập vào tất cả hình khi chức năng này được kiểm tra . Bật sáng chức năng và nhấn nút ▸ thay đổi chế độ kiểm tra dấu hiệu tắt hay mở

Auto image rotation :

Chức năng tự động xoay hình khi chụp máy đứng. On : mặc định , hình khi chụp với khung máy đứng sẽ tự động xoay theo chiều dọc khi đặt máy ngang . Off : không thực hiện .



Landscape (wide) orientation



Camera rotated 90° clockwise



Camera rotated 90° counter-clockwise

Voice memo : ghi âm thanh vào hình .

Voice memo Overwrite : ghi đè lên file âm thanh

Voice memo Button : chức năng của nút ghi âm .

Audio output : Chọn âm thanh phát ra tử chế độ ghi âm .

USB : chọn chế độ USB khi kết nối với máy vi tính , máy in .

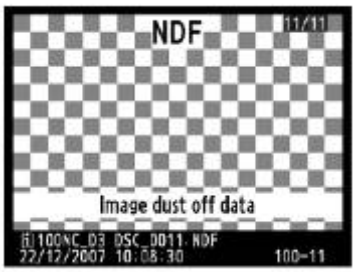
Dust Off Ref Photo .

Sử dụng với phần mềm Capture NX .

1. Gắn OK có CPU. Nếu gắn OK Zoom , đặt ở vị trí Tele.
2. Nhấn nút ▶. Một bảng thông báo sẽ hiện thông báo : " ***chụp vật thể trắng bình thường cách OK 10cm . Nét đặt ở vô cực .***" . và chữ EF hiện trên màn hình và trong khung ngắm .
3. Chọn khẩu độ nhỏ .
4. Nhấn nút chụp (chức năng giảm nhiễu sẽ tự động mở khi chủ đề trong vùng yếu sáng , tăng thời gian cần thiết để ghi hình .) Màn hình tắt khi nút chụp được nhấn.







Chức năng này là chức năng đặc biệt trong phần mềm Capture NX. Chỉ thích hợp với đuôi file RAW không thích hợp với JPEG. Dùng để làm sạch bụi trong hình đã chụp.

Hình ảnh chụp trong chức năng này có đuôi file là NDF và không thể xem được với phần mềm máy vi tính . Một hình có dạng khung lưới sẽ hiện trên máy.

Battery Info :

Báo tình trạng pin EN –EL 4a li-on xạc .

Bat.Meter : Mức độ pin hiện tại .

Pic . Meter : báo số lần ghi hình .

Calibration : kiểm tra chính xác mức pin khi sạc

Charg . Life : báo năm mức nguồn pin . ***New*** : mức pin đầy . ***Replace*** : thay thế pin .

Wireless transmitter : nối kết không dây network với thiết bị WT-4

Image Authentication : Xác nhận hình ảnh .

Chức năng này dùng để xác nhận chủ quyền hình ảnh trong phần mềm ***Image Authentication*** riêng của Nikon . Hình ảnh chụp với chức năng này sẽ có dấu báo riêng trong file thông tin.

Chức năng này không thích hợp với file TIFF và khi chụp ghi trực tiếp vào máy tính với phần mềm Camera control Pro 2.

Chức năng này cũng không tạo được với những file chỉnh sửa từ menu Retouch.

Save /Load Setting :
Chọn Save Setting để lưu lại các chức năng vào card 1 (nếu card đầy thì màn hình sẽ báo lỗi .)

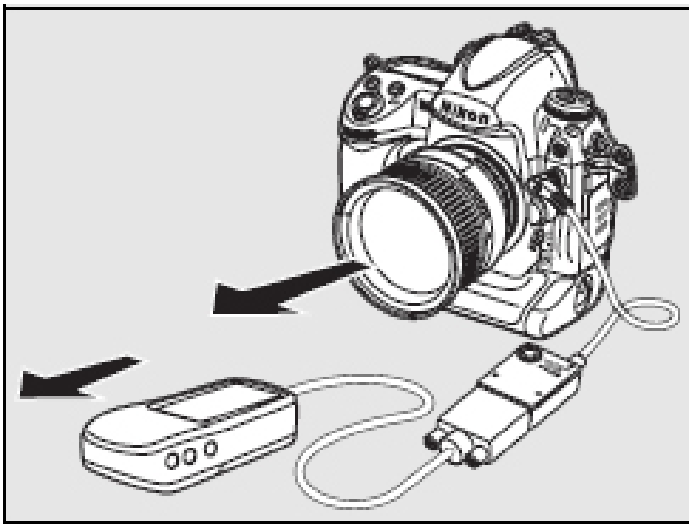
Menu	Option
Playback	Display mode
	Image review
	After delete
	Rotate tall
Shooting (all banks)	Shooting menu bank
	File naming
	Slot 2
	Image quality
	Image size
	Image area
	JPEG compression
	NEF (RAW) recording
	White balance (with fine tuning and presets d-0–d-4)
	Set Picture Control
	Color space
	Active D-Lighting
	Long exp. NR
	High ISO NR
	ISO sensitivity settings
	Live view
Custom settings (all banks)	All Custom Settings except [Reset custom settings]

Menu	Option
Setup	Video mode
	HDMI
	World time (excepting date and time)
	Language
	Image comment
	Auto image rotation
	Voice memo
	Voice memo overwrite
	Voice memo button
	Audio output
	USB
	Image authentication
	GPS
	Non-CPU lens data
My Menu	All My Menu items

GPS : Kết nối với thiết bị GPS



Khi kết nối GPS , màn hình điều khiển sẽ hiện báo dấu GPS

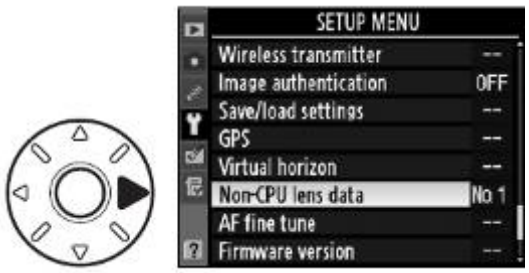


Virtual Horizon đường chân trời ảo .

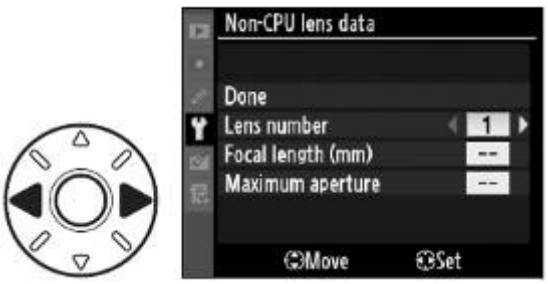


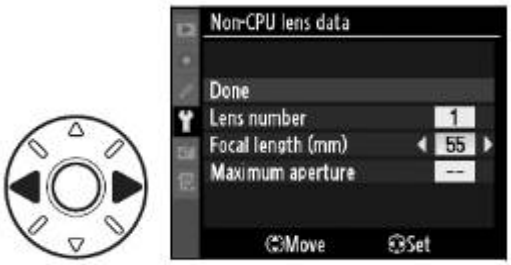
Màn hình hiện báo tình trạng thăng bằng của máy

NON-CPU LENSES .

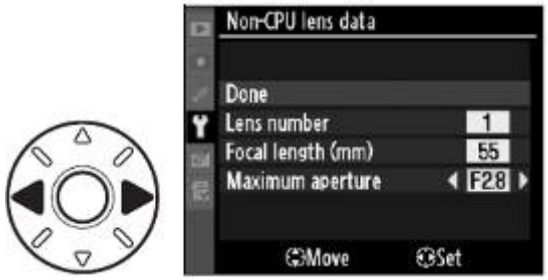


Chức năng này sử dụng khi bạn gắn OK Nikkor không có mạch CPU . Đó là những OK dành cho máy cơ trước đây . Với những loại OK này máy cho biết những tiêu cự , khẩu độ tương thích trong menu này . Đặc biệt , chế độ đo sáng Ma trận , trọng tâm , điểm đều có thể sử dụng bao gồm luôn loại OK Reflex Nikkor .



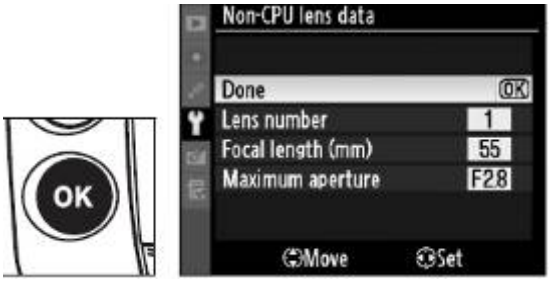


Focal length chọn theo nhóm tiêu cự 6 - 45 mm , 50 – 108mm , 200 – 400mm .

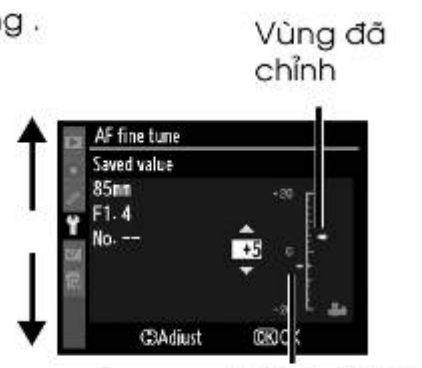


Chọn khẩu độ tối đa của OK.

Chọn Done . Bấm OK xác nhận .



AF Fine Tune : Tinh chỉnh AF .

Option	Description
AF fine tune (On/Off)	• **[On]**: Mở AF tuning • **[Off]** (default): Tắt AF tuning
Saved value	Chỉnh AF với OK AF đang sử dụng . Nhấn▲hay▼ chọn vùng tinh chỉnh từ + 20m đến - 20 . Vùng lưu trử được 20 ống kính 
Default	Chọn tinh chỉnh AF để sử dụng mà không cần lưu lại .
List saved values	Danh sách lưu vùng tinh chỉnh AF . Nếu vùng lưu đang dùng với OK sử dụng , sẽ hiện dấu ▮ . Để xóa OK từ danh sách, chọn OK và nhấn nút 🗑. Để thay đổi nhận dạng OK , chọn OK đó và nhấn ▶ Menu sẽ hiện báo , nhấn ▲ và ▼ để chọn dạng OK và bấm OK để lưu lại và thoát ra . 

Frimwave Version : báo phần mềm sử dụng máy .

MENU RETOUCH .

Option
D-Lighting *
Red-eye correction *
Trim
Monochrome *
Filter effects *
Color balance *
Image overlay
Side-by-side comparison

D – LIGHTING :



Before



After



Chức năng này cho phép bạn chỉnh nguồn sáng khi chụp chủ đề trong vùng thiếu sáng hay ngược sáng. Sau khi chọn hình, chức năng này cho bạn chỉnh qua các chế độ như : Normal : bình thường , Moderate : tăng sáng vừa phải . Enhance : tăng sáng cao .

RED-EYER Correction : : Sau khi chọn hình cần chỉnh , máy sẽ tự động loại trừ vùng mắt đỏ và copy lại thành một file hình khác .

TRIM : cắt cúp hình sau khi chụp .



Bạn có thể tái bố cục hình sau khi chụp ngay lập tức khi sử dụng chức năng này . Kích cở hình được cắt cúp tùy thuộc vào cách chọn đặt . . Để đạt hình chất lượng cao, bạn nên chọn kích cỡ hình lớn (L Fine) trước khi chụp .

Aspect ratio	Possible sizes
3 : 2	3,424 × 2,280, 2,560 × 1,704, 1,920 × 1,280, 1,280 × 856, 960 × 640, 640 × 424
4 : 3	3,424 × 2,568, 2,560 × 1,920, 1,920 × 1,440, 1,280 × 960, 960 × 720, 640 × 480
5 : 4	3,216 × 2,568, 2,400 × 1,920, 1,808 × 1,440, 1,200 × 960, 896 × 720, 608 × 480

MONOCHROME : hình đơn sắc .

Trong chức năng này, bạn có thể chọn các hiệu ứng màu như sau

Sky light : cho hình ảnh mang sắc độ hơi xanh như khi sử dụng filter skylight . Hình ảnh sẽ thể hiện ngay lập tức trên màn hình.

Warm filter : Hình ảnh cho sắc độ hơi vàng đỏ và thể hiện trên màn hình .

Color balance : bạn sẽ phải dùng hệ thống nút chọn để điều khiển điểm chọn vị trí trong băng màu . Mỗi mức độ màu bạn chọn được thể hiện ngay trên hình hiển thị trong màn hình.

FILTER EFFECT : hiệu ứng Filter .

Sky light : cho hình ảnh có màu xanh nhẹ .

Warm filter : cho hình ảnh có tone màu ấm . Sắc độ vàng đỏ .

COLOR BALANCE :

Sử dụng hệ thống nút chọn để cân bằng lại màu sắc ảnh .

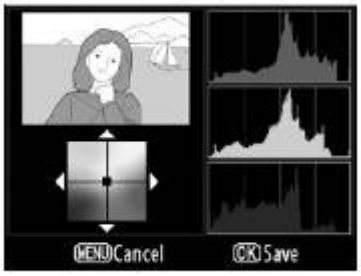
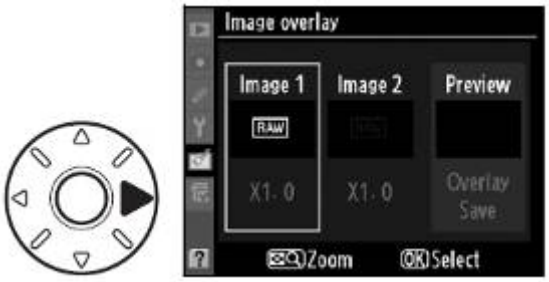


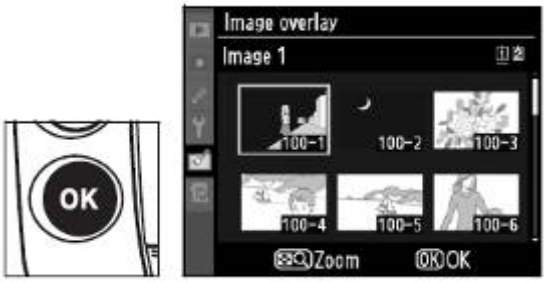


IMAGE OVERLAY hình ghép .
Bạn cũng có thể ghép hai hình thành một sau khi chụp nếu có ý tưởng sáng tạo . Tuy nhiên , chức năng này chỉ có thể thực hiện với file RAW .

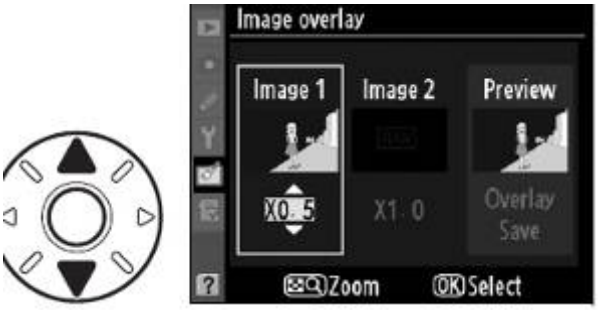


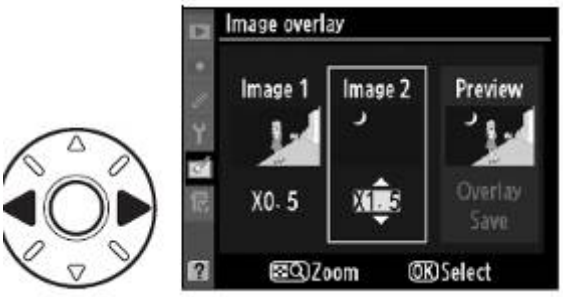
Hình mới được lưu cùng với chất lượng , kích cỡ ảnh đang sử dụng . Trước khi tạo overlay , đặt kích cỡ và chất lượng ảnh .





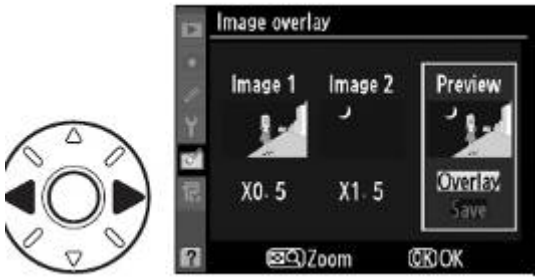
1. Chọn Overlay trong menu và dùng nút ▸. Màn hình hiện báo Image 1
2. Nhấn nút ENTER để nhìn hình file RAW từ card. Nhấn nút ◂ ▸ để chọn hình
3. Nhấn OK để xác nhận hình chọn và trở lại màn hình menu . Hình được chọn sẽ hiện nơi Image 1.





4. Nhấn nút ▲ ▼ để chọn vùng Gain (hạt)
giữa 0.1 và 2.0 . Vùng mặc định là 1.0 . chọn 0.5 là giãm Gain phân nửa . chọn 2.0 là tăng Gain gấp đôi . Hiệu ứng Gain không hiện trên hình đang hiển thị .
5. Nhấn nút ◂ ▸ để bật sáng Image 2 . Lập lại từ bước 3 -5 để chọn hình thứ hai và tăng giảm Gain .

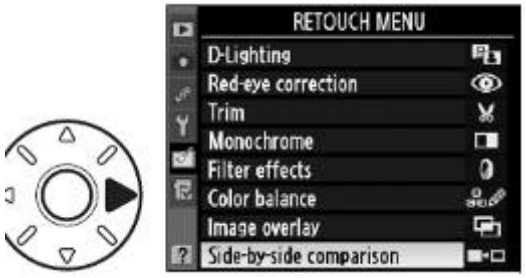
Nhấn nút ◀ ▶ để bật sáng Overlay và nhấn nút ENTER để hiện báo xác định lệnh (lưu ảnh mới không hiện báo xác định thông báo bật sáng Save và nhấn nút ENTER) . Nhấn nút ENTER để lưu ảnh mới hay nhấn nút để trở lại menu

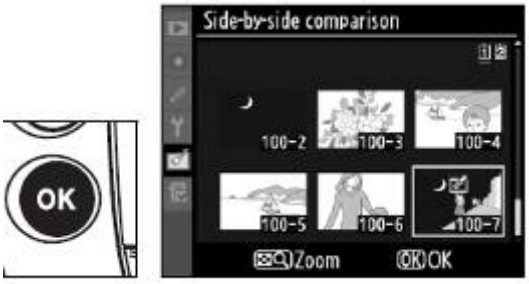




SIDE BY SIDE COMPARISON

Chọn hình retouch để so sánh với file gốc.



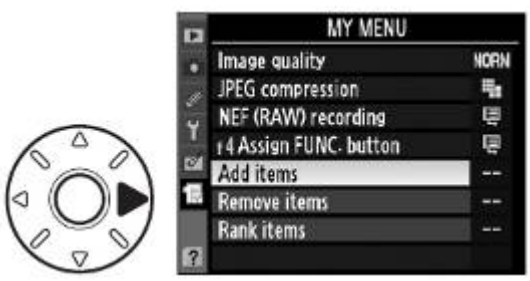




Tất cả các hình sau khi được chỉnh trong các chế độ của menu Retouch đều được lưu lại thành một file khác . File chụp gốc vẫn được giữ nguyên . Nhưng bạn không thể đem những file lưu lại (file copy) để thực hiện tiếp các chế độ khác trong menu này .

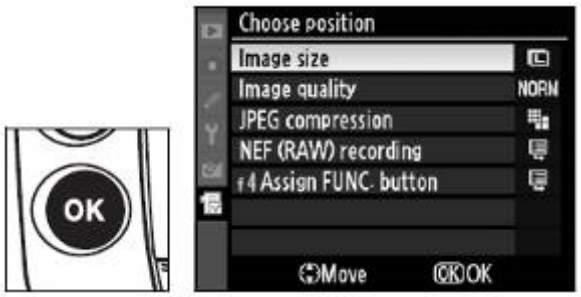
MY MENU

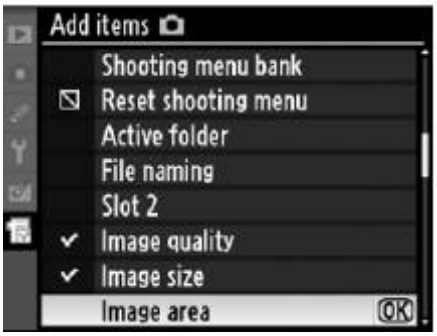
Chức năng này cho phép bạn tạo menu riêng để lưu các cài đặt của mình .





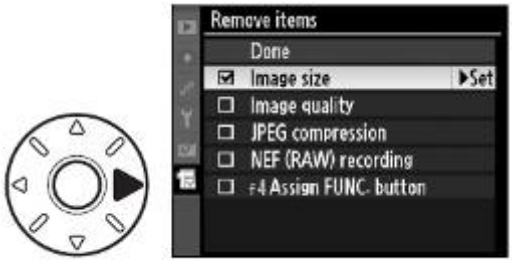
Chọn Add items và chọn menu nào đó theo ý .

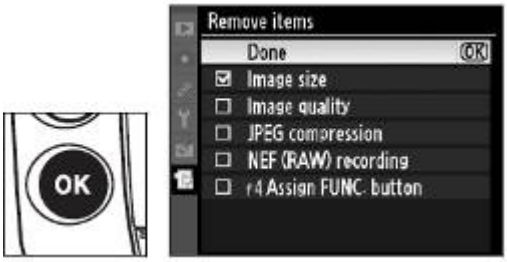




Chọn các chức năng theo ý và xem lại menu tự chọn .

Để xóa các chức năng đã chọn trong my menu , chọn chức năng cần xóa



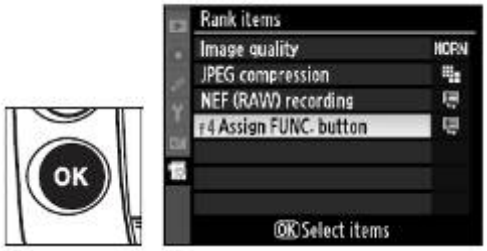


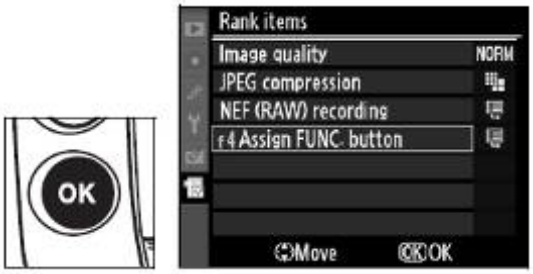
Nhấn nút Done và màn hình hiện thị lệnh xóa . Chọn yes nhấn nút OK .



REORDERING OPTION IN MY MENU

Đặt lại lệnh chọn chức năng trong My menu

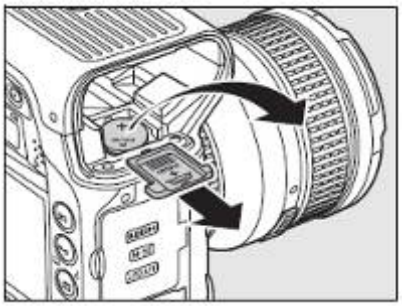


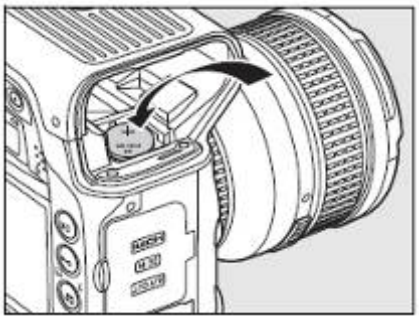


CÁC CHỨC NĂNG KHÁC

THAY PIN ĐỒNG HỒ

Thời gian đặt trong máy hoạt động bằng nguồn Pin riêng . Nguồn pin này có thể sử dụng trong vòng 4 năm.





Pin đồng hồ đặt trong hộc chứa Pin . Loại Pin CR1616.

LÀM SẠCH SENSOR .









Chọn chức năng Lock Mirror lock up for cleaning. Khi khởi động

Màn hình hiện báo : ***Khi nhấn nút chụp , gương sẽ lật lên và màn trập sẽ mở . Tắt máy để hạ gương xuống***.

BẢNG CÁC ỐNG KÍNH SỬ DỤNG VỚI NIKON D3

	Máy đặt / ỐNG KÍNH / PHỤ KIỆN	CHẾ ĐỘ NÉT			CHẾ ĐỘ CHỤP		CHẾ ĐỘ ĐO SÁNG		
		S C	M (with electronic rangefinder)	M	P S	A M	3D	Color	
CPU lenses[1]	Type G or D AF Nikkor AF-S, AF-I Nikkor	✔	✔	✔	✔	✔	✔	—	✔
	PC Micro 85mm f/2.8D	—	✔	✔	—	✔	✔	—	✔
	AF-S / AF-I Teleconverter	✔	✔	✔	✔	✔	✔	—	✔
	Other AF Nikkor (except lenses for F3AF)	✔	✔	✔	✔	✔	—	✔	✔
	AI-P Nikkor	—	✔	✔	✔	✔	—	✔	✔
Non-CPU lenses[11]	AI-, AI-modified, Nikkor or Nikon Series E lenses	—	✔	✔	—	✔	—	✔	✔
	Medical-Nikkor 120mm f/4	—	✔	✔	—	✔	—	—	—
	Reflex-Nikkor	—	—	✔	—	✔	—	—	✔
	PC-Nikkor	—	✔	✔	—	✔	—	—	✔
	AI-type Teleconverter	—	✔	✔	—	✔	—	✔	✔
	PB-6 Bellows Focusing Attachment	—	✔	✔	—	✔	—	—	✔
	Auto extension rings (PK-series 11A, 12, or 13; PN-11)	—	✔	✔	—	✔	—	—	✔

Ống kính IX-Nikkor không thích hợp với máy

AF-S/AF-I Teleconverter

AF-S/AF-I teleconverter có thể sử dụng với OK AF-S và AF-I

- AF-S VR Micro 105mm f/2.8G ED[1]
- AF-S VR 200mm f/2G ED
- AF-S VR 300mm f/2.8G ED
- AF-S 300mm f/2.8D ED II
- AF-S 300mm f/2.8D ED
- AF-I 300mm f/2.8D ED
- AF-S 300mm f/4D ED[2]
- AF-S 400mm f/2.8D ED II
- AF-S 400mm f/2.8D ED
- AF-I 400mm f/2.8D ED
- AF-S 500mm f/4D ED II[2]
- AF-S 500mm f/4D ED[2]
- AF-I 500mm f/4D ED[2]
- AF-S 600mm f/4D ED II[2]
- AF-S 600mm f/4D ED[2]
- AF-I 600mm f/4D ED[2]
- AF-S VR 70–200mm f/2.8G ED
- AF-S 80–200mm f/2.8D ED
- AF-S VR 200–400mm f/4G ED[2]
- AF-S NIKKOR 400mm f/2.8G ED VR
- AF-S NIKKOR 500mm f/4G ED VR[2]
- AF-S NIKKOR 600mm f/4G ED VR[2]

1 không sử dụng AF được

2 không sử dụng AF được khi dùng với AF-S Teleconverter TC-17E II/TC-20E II

Những OK không AF và phụ kiện không sử dụng được với máy D3

- TC-16AS AF teleconverter
- Non-AI lenses
- Lenses that require the AU-1 focusing unit (400mm f/4.5, 600mm f/5.6, 800mm f/8, 1200mm f/11)
- Fisheye (6mm f/5.6, 7.5mm f/5.6, 8mm f/8, OP 10mm f/5.6)
- 2.1cm f/4
- Extension Ring K2
- 180–600mm f/8 ED (serial numbers 174041–174180)
- 360–1200mm f/11 ED (serial numbers 174031–174127)
- 200–600mm f/9.5 (serial numbers 280001–300490)
- AF lenses for the F3AF (AF 80mm f/2.8, AF 200mm f/3.5 ED, AF Teleconverter TC-16)
- PC 28mm f/4 (serial number 180900 or earlier)
- PC 35mm f/2.8 (serial numbers 851001–906200)
- PC 35mm f/3.5 (old type)
- Reflex 1000mm f/6.3 (old type)
- Reflex 1000mm f/11 (serial numbers 142361–143000)
- Reflex 2000mm f/11 (serial numbers 200111–200310)

HẾT